

THÍCH THÁI HÒA

CHUNG MỘT NIỀM VUI

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Thích Thái Hòa

MỤC LỤC

HIỆN PHÁP LẠC TRÚ	1
CON ĐƯỜNG ĐI TỐI TỰ DO.....	12
MÙA XUÂN CỦA CON NGƯỜI	13
HÃY TỰ MÌNH THẮP ĐUỐC LÊN MÀ ĐI	20
HẠNH PHÚC CỦA CHÚNG TA ĐANG Ở ĐÂU.....	24
HẠNH NGUYỆN TỪ QUANG.....	27
PHÁP HỌC, PHÁP HÀNH CĂN BẢN CỦA MỌI PHÁP HỌC, PHÁP HÀNH TRONG PHẬT GIÁO ...	32
TRAO TRUYỀN VÀ TIẾP NÓI.....	35
HẠNH PHÚC LÀ BIẾT CÙNG NHAU HIỆN HỮU .	39
NGÀY TƯỞNG NIỆM ÂN SƯ CỦA GDPTVN.....	43
NĂM ĐIỀU CỦA NGƯỜI BIẾT HỘ PHÁP	46
PHÁP HỌC VÀ PHÁP HÀNH TRÌ DANH NIỆM PHẬT	51

Chung một niềm vui

CHÂU BÁU TRONG ĐỜI SỐNG CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐỆ TỬ PHẬT CHÚNG TA	54
LÀM MỚI THÂN TÂM.....	67
CÓ PHƯỚC ĐỨC XIN ĐỪNG HƯỞNG HẾT	98
PHƯƠNG PHÁP CHUYỂN HÓA ĐỜI SỐNG NGHÈO KHÓ VÀ TAI NẠN.....	107
NUÔI DƯỠNG VÀ TIẾP NỐI CỘI NGUỒN.....	118
KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY CHẤT LIỆU BI TRÍ DỪNG-CHÂM NGÔN CỦA GIA ĐÌNH PHẬT TỬ ĐẾN CHỖ HOÀN HẢO	127
HƯƠNG THƠM TỪ PHẬT TÍNH	134
ĐẠO TỬ CHO HỌC CHÚNG CHÁNH TÂM	140
ĐÁP TỬ ĐẾN GIA ĐÌNH CỔ PHẬT TỬ MAI THỊ LOAN, PHÁP DANH NHẬT ÂN, TỰ NHUẬN BẢO CHÂU	149
ĐẠO TỬ CHO GIA ĐÌNH ĐỆ TỬ NGUYỄN ĐÌNH BANG VÀ HOÀNG THỊ NGỌC TRAI.....	157

Thích Thái Hòa

CÙNG ĐI TRÊN ĐƯỜNG VUI	164
PHÁP THOẠI CỦA THẦY THÍCH-THÁI-HÒA CHIA SẺ TẠI TINH XÁ VẤN THÙ THÀNH PHỐ PENANG - MALAYSIA	168
PHÁP THOẠI CỦA THẦY THÁI HÒA CHIA SẺ TẠI NALANDA CENTER, THỦ ĐÔ KUALA LUMPUR, MALAYSIA	171
NIỀM TIN VÀ LỄ SỐNG	174
PHÁP THOẠI TẠI TIỆP KHẮC	178
THẦY TRÒ CÙNG ĐI TRÊN ĐƯỜNG VUI	182
TU TẬP TỊNH GIỚI VÀ PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ	188

Chung một niềm vui

HIỆN PHÁP LẠC TRÚ

*Trích chép từ Bài số 49, môn Tăng học,
Hòa thượng Thích-thái-hòa giảng cho Tăng-ni-sinh
Luật viện Huệ-nghiêm*

Nhân câu hỏi của thầy Giác-thông: "xin Ôn nói rõ về now and here – bây giờ và ở đây", tôi xin chia sẻ với đại chúng vài điều.

Now, nghĩa là bây giờ: chỉ cho thời gian. Here, có nghĩa là ở đây, chỉ cho không gian.

Có cái hạnh phúc nào xảy ra bây giờ và ở đây không? Có cái bây giờ không?

Mỗi buổi sáng quý thầy quý cô có tụng kinh Bát đại nhân giác đó: "thế gian vô thường, quốc độ nguy thúy". Có không?

Thế gian vô thường thì làm gì có now? Tất cả là một dòng chảy liên tục, cái này diệt thì cái kia sinh. Vậy thì làm gì có cái now và here!

Nếu nói "now và here trong ý nghĩa tương đối", vậy thì trong cái ý nghĩa tương đối đó có now không? Tương đối là các pháp duyên khởi. Chúng sinh diệt liên tục thì làm gì có now? Chúng ta vừa mở miệng nói "bây giờ", vừa nói "sinh" thì nó đã diệt rồi.

Có thầy nói đó là cách nói phương tiện. Phương tiện thì nói làm gì. Phương tiện thì có nhiều cách, đâu phải chỉ có cách nói "now and here". Chúng ta cũng có thể nói ở kia và ở đây, đâu phải chỉ ở đây không đâu.

Vì vậy, trong kinh Nhất dạ hiền giả, có câu "Quá khứ không truy tìm, tương lai không ước vọng. Tuệ quán chính ở đây. Không động không rung chuyển", thì "tuệ quán chính ở đây", nghĩa là mười sáu pháp hiện quán: vô thường, khổ, không, vô ngã, nhân, tập, duyên, sinh, diệt, tịnh, diệu, ly, đạo, như, hành, xuất, quán chiếu 16 hình tướng đó trong từng giây phút hiện tiền để thấy được nó, nó đi qua như thế nào trong tâm mình thì mình thấy nó đúng như chính nó. "Tuệ quán chính ở đây", là theo bản dịch của ôn Minh-châu. Nhưng đúng với trong bản Pāli, thì là quán chiếu thấy rõ pháp hiện tại, tức là thấy rõ thực

tại hiện tiền. Vì cái quá khứ, bây giờ đã hình thành cái kết quả ở nơi hiện tại này, nơi năm uẩn này. Và thân năm uẩn tương lai được như thế nào thì nó cũng đang có mặt nơi tác nhân mà mình hành hoạt trong điều kiện của thân năm uẩn bây giờ đây. Chứ không dính dáng gì cái "now and here" mà như quý vị tưởng hết.

Còn đối với tuyệt đối, thì không có now có here gì hết.

Mà tương đối thì các pháp hữu vi sinh diệt liên tục.

Bây giờ đối với mặt không gian - here: cái thân năm uẩn này, sắc, thọ, tưởng, hành, thức thì cái gì là ở đây? Nhìn mặt nhân duyên, đối với thân năm uẩn này, sắc, thọ, tưởng, hành, thức thì trong năm uẩn này, cái gì là cái ở đây? Cái má này đang ở đây à? Đây là cái má thật hả? Nếu thấy cái má mà không thấy cái không phải là cái má tạo nên cái má là tà kiến. Bởi vì không có cái má nào hiện hữu đơn thuần hết. Mà cái má được tạo nên bởi cái không phải má. Nếu nói bây giờ và ở đây là cái má, thì đó là tà kiến, là ngoại đạo.

Mình cầm cái má, mình tưởng là "tôi cầm được cái má

rồi", nhưng thực sự mình có cầm được cái má đâu. Cái má này sinh diệt từng khoảnh khắc. Mình vừa đưa tay cầm thì là sinh, mình vừa nói sinh thì nó đã diệt rồi, nó diệt trong từng khoảnh khắc sát-na vô thường. Vậy thì cái gì là ở đây? Cái má trên mặt mình đây mà mình nắm còn chưa được, vậy mà mình nói ở đây, thì là ở chỗ nào? Cái nào là ở đây? Còn nếu mình nói như vậy để đùa mà chơi, để phỉnh gạt máý đứa con nít mà chơi, thì cái đó mình không nói. Còn nếu nói như một chân lý, như là một thước đo làm mẫu mực cho người ta tu hành, mới là quan trọng. Còn nói đùa mà chơi với con nít, là nói không có trách nhiệm.

Cho nên cái má này được tạo nên bởi những cái không phải cái má. Cái má này không thể có được nếu không có cái mặt. Không có cái mặt thì làm gì có cái má! Cái má được tạo nên bởi những tế bào. Các tế bào trong cơ thể chúng ta được tạo nên bởi các yếu tố đất, nước, gió, lửa, bởi các chất rắn, lỏng, nhiệt, khí. Vậy thì cái má nào là cái má để mình yêu, để mình thương, để mình nắm bắt? Quý thầy quý cô nắm đi!

Cái lợi ích của "bây giờ và ở đây" nó rất ít. Ít ai hiểu được giá trị tuyệt đối của nó là siêu thời gian, siêu không gian. Mà đa phần người ta hiểu "ở đây" là chủ nghĩa thực dụng. Nên nó ở đây thì nó chỉ lo chuyện ở đây thôi. Nó ở nhà này thì nó chỉ lo chuyện cái nhà này thôi, không bao giờ nó lo cái sân. Nó quét cái nhà là nó chỉ quét trong phòng nó thôi, nó trang hoàng lộng lẫy trong phòng nó thôi, còn lại toilet hay cái gì thì nó mặc kệ. Nhưng nếu cái toilet ô nhiễm thì cái phòng nó trang hoàng cho lộng lẫy liệu nó có ở nổi không? Cho nên, cái quan điểm "ở đây" nếu hiểu lệch lạc là rất nguy hiểm.

Đó, mấy thầy tu hành, nói ở đây là tôi biết ở đây thôi, tôi biết cái phòng tôi thôi, rồi trong cái phòng tôi biết chỗ ngủ của tôi thôi, tôi biết cái giường của tôi thôi, còn cái nền nhà tôi không cần biết, nó nhớp kệ nó. Như vậy có nguy hiểm không? Mình biết cái phòng mình mà mình không biết cái nhà bếp, cái sân, cái toilet, cái vườn, liệu phòng mình có an toàn không, liệu mình có sống được không? Mà có bao giờ có cái phòng mình không nếu không có cái nhà bếp, nếu không có sân vườn?

Cho nên chữ "ở đây" phải hiểu như thế nào? Chắc chắn rằng các vị thiền sư có ý nghĩa thâm sâu. Cái đó tôi không nói, bởi vì cái đó bí mật. Nhưng ít ra đi nữa, phải giải thích như thế nào để cho người ta học người ta hiểu. Bây giờ người trẻ hiểu lệch lạc lắm, nhất là thời đại chủ nghĩa thực dụng này. Ở đây, thì nó chỉ cần biết bản thân mình nó thôi, nó không cần biết ai nữa đâu. Mà bây giờ, thì cần gì biết quá khứ; bây giờ thì cần gì biết tương lai. Cho nên cái gì có bây giờ thì hưởng thụ, bán hết để hưởng thụ, còn tương lai con cháu mình như thế nào thì kệ nó. Nguy hiểm không? Còn quá khứ cha mẹ, tổ tiên mình lao tác như thế nào, mình không cần biết! Quý thầy quý cô có thấy cái nguy hiểm của "now and here" không?

Và cái "now and here" đó là khai thác từ cái hiểu sai lầm từ nơi "hiện pháp lạc trú", mà dịch theo tiếng Việt là "sống hạnh phúc đối với pháp hiện tại". Trong khi chữ Hán dịch rất đúng, là 現法樂住, tiếng Pāli là Diṭṭhi Dhamma Sukha Vihara, tiếng Phạn là Dṛṣṭi Dharma Sukha Vihara. Hán dịch chữ Diṭṭhi hoặc Dṛṣṭi là "hiện", Dharma hay Dhamma là "pháp", Sukha là "lạc" và Vihara

là "trú". Nghĩa là như thế nào? Vihara - trú, nghĩa là "sống", có khi còn dịch là "tinh xá", là nơi lưu trú của chúng Tăng; Sukha - lạc, nghĩa là hạnh phúc; Dharma hay Dhamma là "pháp"; Ditthi hoặc Dr̥ṣṭi là "thấy". Vậy, "hiện pháp lạc trú" nghĩa là "Sống hạnh phúc là do thấy Pháp"; "Sống hạnh phúc là do chứng nghiệm Pháp", chứ không phải là "sống hạnh phúc trong giây phút hiện tại", mà mình lái qua là "sống hạnh phúc trong giây phút hiện tại" rồi dẫn tới cái "now and here" – "bây giờ và ở đây". Rất nguy hiểm. Kinh điển mà hiểu như vậy là không phù hợp. Chân lý mà hiểu như vậy là lệch lạc.

Nếu nói: "Bây giờ tôi nghèo, tôi nói tôi sống với giây phút nghèo này thôi, tôi không thích giàu". Cái đó thì mình thua!

"Bởi vì hiện tại tôi nghèo, tôi sống với giây phút hiện tại, nên tôi sống với cái nghèo này thôi, tôi không muốn giàu". Cái đó mình thua!

Nếu nói: "Hiện tại tôi đang bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết, và tôi chấp nhận cái bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết, tôi

sống với nó, tôi an trú với nó và tôi muốn nó không xê dịch gì hết", thì cái đó mình thua!

Còn nếu mình muốn chấm dứt cái bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết thì cái đó mới là Phật giáo. Còn nếu mình thỏa mãn với cái bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết và sống với cái bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết đó thì cái đó phải xét lại.

Kinh "Tăng chi bộ kinh" viết: đừng nghe những gì người ta nói đi nói lại quá nhiều, đừng nghe những gì mà dù đó là do một vị có uy quyền nói lại, đừng nghe những gì mà sách vở ghi chép lại. Đức Phật đã nói điều đó với Kālāma. Đức Phật biết hết rồi. Ngài biết 1000 năm sau chuyện gì sẽ xảy ra, 2000 năm sau chuyện gì sẽ xảy ra, rồi 3000 năm sau chuyện gì sẽ xảy ra. Nên Ngài nói câu đó đó, đừng nghe những gì được nói đi nói lại quá nhiều, bởi nhiều người, ngay cả bởi những người có uy tín. Có uy tín với con người chưa chắc đã có uy tín với bậc Thánh. Có uy tín với các vị A-la-hán chưa chắc đã có uy tín với các vị Bồ tát. Có uy tín với các vị Bồ tát chưa hẳn đã có uy tín với các vị Phật. Nhớ không? Mà con đường của chúng ta là con đường phải đi tới với Phật, chứ không

dừng lại ở bất cứ hóa thành nào. Chúng ta đi tới với Phật chúng ta mới có sự thanh tịnh rất ráo, mới đạt tới cứu kính niết bàn, mới viển ly tất cả các vọng tưởng điên đảo đối với ngã và pháp, đối với vô ngã và vô pháp. Ngã viển ly đã đành mà vô ngã cũng phải viển ly luôn. Đối với phi pháp viển ly đã đành mà pháp cũng viển ly luôn. Mà đạt tới mức độ đó thì không now không here gì hết, vì tự tính niết bàn là siêu không gian, siêu thời gian, vượt hết mọi không gian mọi thời gian.

Còn có ngôn ngữ để biểu thị thì đương nhiên là có giới hạn của nó, đúng cho người này có thể không đúng cho người khác. Tôi nói tiếng Anh giỏi, đúng với người Anh nhưng chưa chắc đúng với người Mỹ, cũng từ đó nhưng người Mỹ hiểu khác và phát âm khác. Tôi nói tiếng Anh giỏi mà người Ấn-độ có học tiếng Anh lại không hiểu gì hết, là vì người Ấn-độ phát âm tiếng Anh theo cách của họ. Cho nên mình đừng nghĩ rằng cái mình nói ra là ai cũng phải nghĩ là đúng, rồi ai cũng phải làm như thế. Như thế là sai, là nguy hiểm.

"Now and here" là lấy từ kinh Nhất dạ hiền giả: "quá khứ

không truy tìm. Tương lai không ước vọng. Tuệ quán chính ở đây". Bài kinh đó tôi có dịch và chú giải, đối chiếu Hán văn và Pāli trong "Kinh A-hàm tuyên chú". Và trong kinh đó nói rất rõ là đừng có truy tầm ngã ở trong năm uẩn quá khứ, bởi vì quá khứ đã đi qua; đừng có truy tầm ngã ở trong năm uẩn tương lai, bởi vì nó chưa tới; và cũng đừng dính mắc ngã trong năm uẩn hiện tại, bởi vì hiện tại mỗi pháp sinh diệt trong từng khoảnh khắc. Trong kinh nói rất rõ ràng. Nên các thầy, các cô học nhớ lưu ý, nếu không thì mình bị lừa trên mặt tri thức. Rất là nguy hiểm. Cảm giác đã bị lừa mà còn bị lừa trên mặt tri thức nữa. Cái đau đớn nhất là bị lừa trên mặt tri thức, trên mặt tư tưởng. Nô lệ tư tưởng là sự nô lệ kinh hồn nhất, đáng sợ hãi nhất. Nô lệ văn hoá là nô lệ nguy hiểm nhất, khó thoát ra nhất.

Như vậy quý thầy, quý cô đã hiểu "hiện pháp lạc trú" chưa? Phải hiểu chứ. Mình sống an lạc hạnh phúc là do mình thấy Pháp chứ, do mình chứng nghiệm Pháp chứ, do mình thực hành Pháp chứ. Cho nên nếu chỉ hạnh phúc trong hiện tại thì ngày mai như thế nào? Bây giờ mình

đang ở nơi Luật viện Huệ-nghiêm thì mình hạnh phúc, khi mình ra khỏi Luật viện Huệ-nghiêm thì cái duyên đã khác rồi, mình ăn cơm theo kiểu khác rồi, mình có tụng Bát đại nhân giác đầu...

Đệ tử Nghiêm-minh kính phiên tả.

CON ĐƯỜNG ĐI TỚI TỰ DO

1. Thực tập ít nói

Ít nói ắt ít tai họa

2. Thực tập ít ăn

Phàm ăn nhiều dễ dẫn sinh bệnh tật

3. Thực tập ít muốn

Ít nhu cầu ắt ít lo lắng

4. Thực tập ít sự

Ít sự việc ắt ít khổ não

5. Duyên đến thì nắm giữ, trân quý

6. Duyên đi thì buông xả

MÙA XUÂN CỦA CON NGƯỜI

Mùa xuân là hình ảnh của con người. Tâm của con người như thế nào, nó sẽ tạo ra mùa xuân cho con người đúng như thế ấy. Tâm của một người xấu thì không thể nào tạo ra một mùa xuân đẹp cho chính mình, huống hồ gì họ có thể tạo ra một mùa xuân đẹp cho gia đình và xã hội.

Mùa xuân là hình ảnh của cộng đồng người. Tâm thức của cộng đồng người như thế nào, họ sẽ tạo ra mùa xuân cho chính cộng đồng của họ đúng như thế ấy. Tâm của một cộng đồng người đặt đức tin của họ vào những thế lực ngoại tại, thì tự thân của cộng đồng đó sẽ tạo ra những biểu tượng thần thánh để tôn sùng và tô vẽ cho mùa xuân của cộng đồng họ qua hình ảnh thánh thần.

Mùa xuân của những người cùng một ý thức hệ, họ sẽ tạo ra một mùa xuân theo kiểu ý thức hệ của họ. Mùa xuân của những người cùng một nghiệp cảm quốc gia hay nghiệp cảm vùng miền, họ sẽ cùng nhau tạo ra một mùa xuân theo nghiệp cảm cộng đồng của họ. Nghĩa là có bao

nhiều con người, có bao nhiêu cộng đồng người là có bấy nhiêu cách cảm nhận xuân và tạo mùa xuân theo hình ảnh tâm thức của họ và cộng đồng của họ. Những cộng đồng ấy, tô vẽ mùa xuân cho cộng đồng của họ bằng màu gì, thì mùa xuân sẽ trở thành màu đó cho chính họ.

Nếu họ tô vẽ màu đỏ, thì mùa xuân của họ là những biểu hiện của máu lửa và nhiệt huyết. Họ làm điều gì là quả quyết không do dự, biết vận dụng khả năng thực tế của mình và sự giúp đỡ của những người chung quanh để đạt đến mục tiêu. Ấy là mùa xuân của máu lửa, mùa xuân của những người thích kiểm soát và chế ngự tự do của người khác, của những cộng đồng khác và đặt tất cả dưới sự lãnh đạo của chính mình. Ấy là mùa xuân của những con người và cộng đồng người thích kích hoạt nhiệt huyết nhằm tạo thành không khí sôi động của người khác, để tự thân hưởng lợi.

Nếu họ tô vẽ màu đen, thì mùa xuân của họ và cộng đồng của họ là biểu hiện cho sự huyền bí và quý phái. Họ và cộng đồng của họ sẽ tạo ra một mùa xuân ảo tưởng hào nhoáng về một cái ta và phóng khoáng hay tỉ mỉ một cách

vô lỗi. Một đôi khi họ sẵn sàng đốt cả bao diêm để tìm một cây diêm bị rơi mất trong đêm tối. Ấy là mùa xuân của cộng đồng người mang chất liệu huyền bí, khó hiểu.

Nếu họ tô vẽ màu vàng, thì mùa xuân của họ và của cộng đồng họ là biểu hiện sự sang trọng và quý tộc. Họ và cộng đồng của họ sẽ tạo ra một mùa xuân với những tâm hồn thanh thản, bao dung và biết sắp xếp trật tự trong một quy trình khoa bảng có hoạch định. Ấy là mùa xuân của con người và cộng đồng người thích hướng tới một hệ thống tổ chức và sự làm việc hoàn hảo.

Nếu họ tô vẽ màu xanh dương hay màu xanh nước biển, thì mùa xuân của họ và cộng đồng của họ là biểu hiện cho một tâm thức nhạy cảm. Họ và cộng đồng của họ sẽ tạo ra một mùa xuân hướng nội, giấu kín cảm xúc và những quyết định của họ là từ cảm xúc mang đầy những kịch tính, nên phần nhiều mất tự chủ. Ấy là mùa xuân của con người và cộng đồng người có tính cách ôn hòa bên ngoài, khó chịu bên trong, nên thường bị nội tâm biến động, ray rứt.

Nếu họ tô vẽ màu xanh lá cây, thì mùa xuân của họ và cộng đồng của họ là biểu hiện cho sức sống vươn lên từ nội tâm. Họ và cộng đồng của họ sẽ tạo ra một mùa xuân biết lắng nghe, chia sẻ và tạo điều kiện vươn lên cho những người nghèo khó. Ấy là mùa xuân của những người biết lắng nghe, học hỏi và chia sẻ.

Nếu họ tô vẽ màu cam, thì mùa xuân của họ và cộng đồng của họ là biểu hiện cho tâm thức rực rỡ. Họ và cộng đồng của họ sẽ tạo ra một mùa xuân yêu thương và bảo vệ sự rực rỡ của thiên nhiên. Họ đến với nhau bằng những tình cảm chu đáo và sâu xa. Họ thích sống với thiên nhiên hơn là sống ở trong những tháp ngà. Ấy là mùa xuân của những người biết yêu thương và bảo vệ cái đẹp rực rỡ của thiên nhiên.

Nếu họ tô vẽ màu tím, thì mùa xuân của họ và cộng đồng của họ là biểu hiện cho đời sống hướng về những giá trị tâm linh. Họ và cộng đồng của họ sẽ tạo ra một mùa xuân tình cảm rất đôn hậu với mọi người. Họ sẽ tạo ra một mùa xuân tự khám phá mình qua những trải nghiệm bí ẩn và khám phá người khác bằng những trực giác mà họ đã từng

trải nghiệm. Họ thích tạo ra một mùa xuân quá khứ để tự thưởng thức và tự thưởng cho mình, hơn là mùa xuân đang có trước mặt họ. Ấy là mùa xuân của những người biết yêu chuộng những giá trị lịch sử và bảo tồn đời sống tâm linh.

Nếu họ tô vẽ màu trắng, thì mùa xuân của họ và cộng đồng của họ là biểu hiện cho đời sống nội tâm có sự thanh bạch và tinh khiết. Họ và cộng đồng của họ sẽ tạo ra một mùa xuân cẩn trọng. Họ cẩn trọng từng việc nhỏ để họ giữ gìn những giá trị tinh khiết thanh cao. Họ áy náy với mọi sự tiếp xúc để tránh những sự va vấp và đụng chạm, nhằm bảo toàn sự thanh khiết. Ấy là mùa xuân của những người biết hướng tới đời sống thanh cao.

Nếu họ tô vẽ màu hồng, thì mùa xuân của họ và cộng đồng của họ là biểu hiện cho sức sống đầy mơ mộng và bay bổng. Họ và cộng đồng của họ sẽ tạo ra một mùa xuân tự nhủ: "Hãy nỗ lực hết lòng để vươn lên từ những thất bại". Họ biết chọn những góc đẹp để nhìn cuộc đời. Ấy là mùa xuân của những người biết yêu đời và vươn lên trong mọi tình huống...

Như vậy, mùa xuân của con người là mùa xuân đầy phức tạp và thú vị. Phức tạp hơn triệu lần đối với thiên nhiên. Thú vị là do từ nơi những tâm thức cảm xúc sinh ra và từ nơi những tư duy chấp ngã cấp cao của thuộc tính con người, mà con người đã tạo ra muôn ngàn mùa xuân sai biệt, để cho muôn ngàn ong bướm lượn bay thưởng thức và ngất ngư với xuân, từ những vọng tưởng tâm hồn!

Trong lúc ấy, mùa xuân thiên nhiên thật đơn giản qua góc nhìn của Mãn-giác Thiền sư đời Lý:

"Xuân khứ bách hoa lạc

Xuân đáo bách hoa khai

Sự trục nhân tiền quá

Lão tùng đầu thượng lai;

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,

Đình tiền tạc dạ nhất chi mai".

Nghĩa là:

"Xuân đi trăm hoa rụng,
Xuân đến trăm hoa khai;
Trước mắt đời trôi mãi,
Lão từng đầu bạc phai;
Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua sân trước một cành mai".

Mùa xuân thiên nhiên là mùa xuân muôn thuở, mùa xuân không tự đánh mất mình bởi những ảo giác của cảm xúc và tư duy chấp ngã. Nhưng mùa xuân của con người thì hư huyền và đa đoan, vì nó vụt lên và tạo thành, từ nơi khói bụi của tâm người; mùa xuân của con người sớm vụt lên cao, thì cũng sớm rơi vào khoảng lặng!

HÃY TỰ MÌNH THẤP ĐUỐC LÊN MÀ ĐI

*Pháp thoại thầy Thích-thái-hòa chia sẻ trong Khoá tu học Phật Pháp
lần thứ 11 của GDPT Thiện-trí, Thụy-sĩ vào ngày tu thứ tư
02/06/2019 (29/04 năm Kỷ-hợi)*

Nam mô Bổn sư Thích-ca-mâu-ni Phật

Thầy hỏi: "Ngọn đuốc ấy từ đâu mà có để chúng ta thấp?"

1. Từ năm thời thuyết giáo của đức Phật

Theo sự phán giáo của ngài Thiên-thai Trí-giả thế kỷ thứ VI, Giáo pháp của đức Phật được chuyển tải qua năm thời kỳ như sau: Thời kỳ 1: Hoa nghiêm. Thời kỳ 2: A-hàm. Thời kỳ 3: Phương đẳng. Thời kỳ 4: Bát nhã. Thời kỳ 5: Pháp hoa và Niết bàn. Cho nên, chúng ta thấp đuốc là thấp đuốc từ năm thời kỳ Giáo pháp này để soi đường cho chúng ta đi

2. Kết tập Kinh điển là việc của chư Tổ

Ấy là bản nguyện tu học của những thế hệ Tổ sư, sau khi

đức Thế tôn niết bàn. Các Ngài lấy ý của Phật làm Tông chỉ và minh họa cụ thể bằng văn bản, qua 12 thể loại kinh điển hay 12 thể loại văn học để diễn tả tâm tông hay ý chỉ của Phật từ cạn đến sâu, từ hẹp đến rộng, từ thực tiễn đến siêu việt. Mười hai thể loại văn học này, khi đức Phật còn tại thế, Ngài thường sử dụng để trình bày Giáo pháp cho các thánh chúng.

3. Ngọn đuốc ấy lấy gì làm thân? Lấy gì làm nhiên liệu? Lấy gì làm ánh sáng?

Ngọn đuốc ấy lấy Giới làm thân; lấy Định làm nhiên liệu; lấy Tuệ làm ngọn đuốc. Cho nên, ngọn đuốc ấy là ngọn đuốc soi xuyên suốt nhân duyên, nhân quả từ thế giới địa ngục lên đến thế giới của chư Phật, từ pháp hữu vi đến vô vi; từ pháp hữu lậu đến vô lậu; từ pháp sinh tử đến Niết bàn...

4. Ngọn đuốc ấy được thắp lên từ Bát chánh đạo (8 thành phần của Chánh đạo, 8 yếu tố tạo nên con đường dẫn tới đời sống của Bậc thánh), gồm:

Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng tạo thành thân cây đuốc.

Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định là nhiên liệu của cây đuốc.

Chánh tư duy là tim của cây đuốc.

Chánh kiến là ngọn đuốc.

Nhờ có ngọn đuốc của Chánh kiến mà chúng ta thấy rõ ràng khổ đúng là khổ (Khổ đế); thấy rõ ràng tập khởi của khổ đúng là nguyên nhân của khổ (Tập đế). Nhờ có ngọn đuốc này mà ta soi thấy sự thật của khổ diệt, nghĩa là thấy rõ Khổ đế và Tập đế hoàn toàn tịch diệt. Tịch diệt là Niết bàn an lạc (Diệt đế). Nhờ có ngọn đuốc này mà ta soi thấy sự thật con đường diệt khổ (Đạo đế).

Nhờ có ngọn đuốc này mà ta thấy sự thật liên hệ của mười hai duyên khởi, trong đó cái này sinh thì cái kia sinh, vô minh sinh thì hành sinh..., khiến có đời sống sinh tử luân hồi.

Ta thấy cái này diệt thì cái kia diệt, vô minh diệt thì hành diệt..., nên ta diệt vô minh và hành, khiến ta có đời sống chấm dứt sinh tử, khổ đau. Ta thấy Niết bàn chính là đoạn

tận Tập đế và Khổ đế ngay nơi thân năm uẩn này.

Nhờ có ngọn đuốc này mà ta soi thấy Phật tính nơi tâm ta, Như-lai-tạng tính ngay nơi tâm ta, tự tính thanh tịnh ở nơi tâm ta. Phật tính hay Như-lai-tạng tính, Không tính, tự tính thanh tịnh, bản lai diện mục... là thể tính vốn bất sinh, bất diệt, bất thường, bất đoạn, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm, bất lai, bất khứ...

Cũng bằng ngọn đuốc này, ta soi thấy hết thấy chúng sinh đều có Phật tính, đều có Như-lai-tạng tính mà phát khởi đại nguyện, đại hạnh từ nơi tâm đại Bồ đề để làm lợi ích cho hết thấy chúng sinh, thiết lập quê hương Tịnh độ theo bản nguyện, để nhiếp hóa chúng sinh, nhằm tạo điều kiện cho chúng sinh tu học, bỏ ác làm lành, giữ gìn tâm ý thanh tịnh, tạo thành an lạc cho hết thấy chúng sinh, trang nghiêm cõi Phật tùy theo mọi điều kiện mà chúng sinh đang có thể.

Đệ tử Nhuận-pháp-nguyên kính tóm tắt

HẠNH PHÚC CỦA CHÚNG TA ĐANG Ở ĐÂU

*Pháp thoại thầy Thích-thái-hòa chia sẻ tại chùa Tuệ-giác, thành phố
Liege, Vương quốc Bỉ, vào ngày 08/05 năm Kỷ-hợi. PL 2563
(10.06.2019)*

Nam mô Bổn sư Thích-ca-mâu-ni Phật

Kính xin tóm tắt như sau:

1. Hạnh phúc của chúng ta đang ở nơi thân tâm con người. Vì thân người khó được mà dễ mất. Tâm người dễ biến thái thành bản năng thú tính. Thân người rất khó được mà chúng ta đã có được. Tâm người rất dễ biến thái mà ta đang có niềm tin tâm linh không biến thái. Nên, có được thân và tâm người như vậy là một hạnh phúc rất lớn.
2. Hạnh phúc của chúng ta đang ở nơi sáu căn toàn vẹn. Vì sáu căn khó hoàn hảo, mà chúng ta đang có sự hoàn hảo đối với sáu căn. Nên, có sáu căn hoàn hảo là một hạnh phúc.

3. Hạnh phúc của chúng ta đang ở nơi sự gặp gỡ của các Thiện hữu tri thức. Vì Thiện tri thức khó gặp gỡ mà chúng ta đang gặp gỡ và đang được cùng đi với các bậc Thiện tri thức trên đường vui.

4. Hạnh phúc của chúng ta đang ở nơi niềm tin. Vì niềm tin khó phát khởi, mà chúng ta đang phát khởi niềm tin và đang có niềm tin đối với Tam bảo. Nên, có niềm tin Tam bảo là ta đang có hy vọng và hạnh phúc.

5. Hạnh phúc của chúng ta đang ở nơi sự tu tập đối với Chánh pháp. Chánh pháp khó gặp, nay ta đã gặp và đang tu tập. Nên, nghe được Chánh pháp là ta đang có hạnh phúc.

6. Hạnh phúc của chúng ta đang ở nơi thân không tật bệnh, tâm không phiền não (thân tâm an lạc).

7. Hạnh phúc của chúng ta đang ở nơi sự thành tựu Tuệ giác.

8. Hạnh phúc của chúng ta đang ở nơi đời sống có lợi ích cho mình và cho mọi người đời này và đời sau.

Như vậy, chúng ta có rất nhiều điều kiện để cảm nhận hạnh phúc và sống với hạnh phúc.

Đệ tử Nhuận-pháp-nguyên kính tóm tắt

HẠNH NGUYỆN TỪ QUANG

Pháp thoại thầy Thích-thái-hòa chia sẻ tại chùa Từ-quang, thành phố Nice, Pháp quốc, vào ngày 11/06/2019 (09/05/ Kỷ Hợi, PL 2563)

Kính xin tóm lược nội dung bài Pháp thoại với những điểm chính như sau:

1. Ý nghĩa Từ quang

Từ là từ bi; Quang là ánh sáng. Từ Quang là ánh sáng từ bi. Lại nữa, Từ là đại bi, Quang là đại trí. Nếu chúng ta tu học mà không thiết lập trên nền tảng đại trí, đại bi thì tình thương của chúng ta không rộng lớn, sự hiểu biết của chúng ta cũng không rộng lớn và cũng không sâu sắc. Đại bi thì có năng lực chữa trị và nhổ sạch mọi gốc rễ của Tập đế và Khổ đế cho chính mình và cho hết thấy chúng sanh. Đại trí thì có khả năng thấy xuyên suốt mọi tập khởi khổ đau và kết quả của chúng. Đồng thời thấy rõ mọi phương pháp trị liệu để chấm dứt vĩnh viễn khổ đau trong mọi trạng huống.

2. Muốn có đại trí, đại bi thì phải phát Bồ đề tâm, thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh.

Thượng cầu Phật đạo là cầu đại trí của Phật; hạ hóa chúng sinh là thực hành theo hạnh đại bi của Phật. Đại trí là trí rộng lớn của Phật. Trí ấy không bị các loại sở tri của thế gian và sở tri kiến của các bậc Thánh làm đối ngại. Nên, đại trí là trí tuệ của Phật thấy rõ sự lý vô ngại và sự sự vô ngại nơi vạn hữu. Đại bi là tâm từ bi của Phật. Tâm ấy cứu độ hết thảy chúng sanh không hề khởi lên bất cứ ý tưởng về ngã và phi ngã, về con người và phi con người, về chúng sanh và phi chúng sanh, về thọ mạng và phi thọ mạng. Nên, đại bi là tình thương vô ngại và vô hạn của Phật đối với muôn loài chúng sanh.

3. Hạnh nguyện Từ quang

Ấy là hạnh nguyện đem đại trí, đại bi soi chiếu cùng khắp đối với tứ sanh và cửu hữu.

Tứ sanh là loài sanh ra từ bào thai, loài sanh ra từ trứng, loài sinh ra từ sự ẩm thấp, loài sinh ra từ sự biến hóa.

Cửu hữu là chín không gian hiện hữu của chúng sinh bao gồm: ngũ thú tạp cư địa, chúng sinh ở bốn cõi trời Sắc giới, chúng sinh ở bốn cõi trời Tứ không định, Vô sắc giới.

Hạnh nguyện Từ quang là đem ánh sáng trí tuệ và từ bi, giáo hóa bốn loại chúng sinh đang cư trú trong chín không gian ấy...

4. Đức Phật lịch sử

Đức Phật Thích-ca-mâu-ni là đức Phật lịch sử. Ngài có mặt giữa cõi đời này với hạnh nguyện Từ quang và với hạnh nguyện này, Ngài kham nhẫn, cho nên Ngài đối thoại và đối diện với giai cấp Bà-la-môn (giai cấp Giáo sĩ), giai cấp Sát-đế-lợi (giai cấp vua chúa), giai cấp thương gia, giai cấp công nhân. Ngài đối thoại với tất cả các giai cấp này, bằng chất liệu đại trí và đại bi, nên khiến nhiều vị trong những giai cấp này quay về với Phật pháp và sống đời cao thượng và hạnh phúc ở trong Tăng đoàn Thế tôn.

5. Đức Phật bản nguyện

Cũng từ hạnh nguyện Từ quang mà đức Phật A-di-đà đã

thiết lập thế giới Tịnh độ, để giáo hóa chúng sinh trong mười phương. Đại nguyện thứ nhất của đức Phật A-di-đà, khi còn hành Bồ tát đạo, Ngài nguyện rằng: "Khi tôi thành Phật, thì cõi nước của tôi không có ba đường xấu ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh".

Địa ngục là cảnh giới ngục tù; ngạ quỷ là cảnh giới đói nghèo; súc sinh là cảnh giới ngu dốt.

Vì vậy, ta đọc kỹ và chiêm nghiệm 48 đại nguyện của đức Phật A-di-đà, thì nguyện nào của Ngài trong đó cũng chuyên tải chất liệu của hạnh nguyện Từ quang, nghĩa là chất liệu của đại bi và đại trí. Không có đại bi, đại trí thì không có đại nguyện; không có đại nguyện thì không có đại hạnh; không có đại nguyện và đại hạnh thì không có đạo Phật. Đạo Phật tồn tại bất khả hoại, vì trong đạo Phật có bốn chất liệu đại trí, đại bi, đại nguyện và đại hạnh.

6. Các vị Bồ tát

Bồ tát Quán-thế-âm với hạnh nguyện đại bi, Bồ tát Văn-thù với hạnh nguyện đại trí, Bồ tát Phổ-hiền với hạnh nguyện đại hạnh, Bồ tát Địa-tạng với đại nguyện bồ đề...,

tất cả các Ngài đều đã và đang thực hành hạnh nguyện Từ quang, dưới nhiều hình thức khác nhau, với nhiều phương tiện và pháp môn khác nhau.

7. Các chùa đều có mặt trong nhau

Chùa Từ-quang, chùa Quảng-đức, chùa Vạn-hạnh hay chùa Thiện-minh..., các Ngài đều thiết lập ngôi chùa trên hạnh nguyện đại trí và đại bi, đại nguyện và đại hạnh. Vì vậy, các chùa luôn luôn có mặt với nhau để hỗ trợ nhau hoằng Pháp và luôn luôn có mặt trong nhau, vì đồng một thể tính Tam bảo...

Đệ tử: Nhuận-pháp-nguyên kính tóm tắt.

PHÁP HỌC, PHÁP HÀNH CĂN BẢN CỦA MỌI PHÁP HỌC, PHÁP HÀNH TRONG PHẬT GIÁO

*Pháp thoại thầy Thích-thái-hòa giảng cho GDPT Thiện-trí trong
Khoá tu học Phật Pháp lần thứ 11, tại Thụy-sĩ, từ 29.05.2019 đến
02.06.2019.*

Xin tóm tắt những điểm chính của Pháp thoại như sau:

1. Ba nghiệp thanh tịnh

Áy là kết quả tu tập từ ba pháp quy y đem lại. Ba pháp quy y là tu nhân, ba nghiệp thanh tịnh là kết quả. Do thực hành pháp quy y Phật, khiến ba nghiệp đạo bất thiện dẫn đến sự thanh tịnh. Do thực hành quy y Pháp, khiến bốn bất thiện nghiệp đạo của ngữ dẫn đến sự thanh tịnh. Do thực hành pháp quy y Tăng, khiến ba bất thiện nghiệp đạo của thân dẫn đến sự thanh tịnh.

2. Trong ba pháp quy y, lấy Phật làm gốc

Pháp do Phật chứng ngộ và tuyên dương, nên Pháp tùy

thuộc vào Phật mà có. Vì vậy, Phật xuyên suốt mọi Pháp học, Pháp hành, Pháp môn trong Phật giáo. "Chúng sinh có bao nhiêu phiền não, thì Phật giáo có bấy nhiêu Pháp môn, để đối trị và chuyển hoá".

Tăng đoàn do Phật thiết lập, do Phật tác thành Giới thể, nêu rõ Giới hành, quy định Giới tướng, khiến mọi Giới hành, Giới tướng đều thích ứng với Giới pháp, nên Phật là gốc của Tăng và thầy của Tăng.

3. Đại thừa lấy Phật làm gốc

Điều này là được ngài Xá-lợi-phất, bậc trí tuệ số một trong hàng đệ tử Thanh văn, bậc đã chứng A-la-hán, tuyên bố, Phật là gốc rễ của mọi thiện pháp và là nơi tin tưởng, nương tựa tuyệt đối của đệ tử mà cả quá khứ, tương lai hay ngay trong hiện tại các Sa-môn, Bà-la-môn không ai vĩ đại và có thể vượt qua đức Thế tôn về sự giác ngộ¹. Cho nên, Phật là chỗ nương tựa của các bậc Thánh giả A-la-hán, không những vậy mà Phật còn là chỗ nương tựa của các vị Bồ tát kể cả Bồ tát Nhất sanh bồ xứ (Bồ tát còn một đời

¹ Sampasādanīya suttanta (Kinh Tự hoan hỷ), Dīgha Nikāya.

nữa thành Phật). Nên, đức Phật là nơi nương tựa xuyên suốt của Phật giáo trong mọi không gian, trong mọi thời gian. Phật giáo Đại thừa lấy Phật làm gốc, nên Đại thừa chính là Nguyên thủy Phật giáo, chứ không có Phật giáo Nguyên thủy nào, theo cách nhìn của các học giả phân loại.

4. Phật là trên hết và điều đặc biệt của Phật giáo Việt-nam là có tổ chức Gia đình Phật tử.

Tổ chức này đặt niềm tin và sự tồn tại của tổ chức vào nơi Phật, Pháp, Tăng - Điều luật thứ nhất của GDPTVN. Do đó, nếu Huynh trưởng nào đem những quan điểm chính trị vào trong tổ chức này là những Huynh trưởng đó tự xóa tên mình trong Phật giáo, tự xóa tên mình nơi Thế giới Tịnh độ của chư Phật và tự động có tên trong địa ngục. Điều này tôi nói với tư cách thầy Thích-thái-hòa, nhắn gửi đến các anh chị em GDPTVN trên thế giới.

Đệ tử Nhuận-pháp-nguyên kính tóm tắt.

TRAO TRUYỀN VÀ TIẾP NÓI

Pháp thoại thầy Thích-thái-hòa chia sẻ đến GDPT

Thiện-trí, Thụy-sĩ vào ngày tu thứ 3, lần thứ 11

Nam mô Bổn sư Thích-ca-mâu-ni Phật.

Nội dung chính có 4 trường hợp như sau:

1. Thế hệ trao truyền dễ thương, nhưng thế hệ tiếp nối không dễ thương.
2. Thế hệ tiếp nối dễ thương, nhưng thế hệ trao truyền không dễ thương.
3. Cả hai thế hệ trao truyền và tiếp nối đều dễ thương.
4. Cả hai thế hệ trao truyền và tiếp nối đều không dễ thương.

Vậy, hai thế hệ đang có mặt trong không gian này thích mình nằm trong trường hợp nào? Tất cả đều trả lời là trường hợp 3.

Thế hệ trao truyền dễ thương là thế hệ thực tập và sống với ba chất liệu: Tưởng nhớ Phật; Kính mến cha mẹ và thuận thảo với anh chị em; Thương người và vật.

- Tưởng nhớ Phật là để tiếp nối, giữ gìn và phát triển hạt giống tuệ giác và từ bi vốn có nơi tự tâm. Nhờ có chất liệu này mà ta có khả năng nhận ra được thế nào là ác, thế nào là thiện, thế nào là đạo đức, thế nào là phi đạo đức. Thiện thì làm; ác thì bỏ. Đạo đức thì sống với, sống cùng; phi đạo đức thì tìm đủ mọi cách để từ bỏ, xả ly, không gần gũi, không tiếp cận. Nhờ vậy, ta có một gia đình tâm linh trong sáng và cao thượng để sống an lạc hạnh phúc mỗi giây phút, trong mỗi giờ, mỗi ngày, mỗi tuần, mỗi tháng, mỗi năm, mỗi đời và tiếp nối nhiều đời kiếp của hiện tại và tương lai.

- Kính mến cha mẹ và thuận thảo với anh chị em là để tiếp nối những gì tốt đẹp và cao quý của gia đình huyết thống và từ căn bản đạo đức của gia đình huyết thống này mà phát triển rộng lớn trở thành gia đình tâm linh cao quý, xóa bỏ mọi lần mức cách biệt về không gian; xóa bỏ mọi sự ngăn cách về thời gian và sự phân biệt kỳ thị giới tính

hay chủng tộc. Nếu không có căn bản đạo đức này, ta sẽ không có đủ phước đức để làm người, lấy đâu mà phát triển đạo đức xuất thế, vượt tầm đối với mọi không gian và thời gian.

- Thương người và vật là nhờ có tuệ giác và từ bi của Phật soi đường dẫn lối, khiến ta biết được giữa đời này không ai có thể tự hiện hữu, có thể tự lớn khôn mà mọi người, muôn vật đều nương tựa nhau, hỗ trợ nhau, bổ sung cho nhau để cùng nhau hiện hữu, cùng nhau lớn khôn và cùng nhau chung sống trong một thế giới đầy biến động và hạnh phúc. Và nhờ thực hành chất liệu này, ta buông bỏ được những hạt giống ích kỷ, xấu xa nơi tâm ta, ta có nếp sống kính người, thương vật, tôn trọng môi sinh, không làm cho môi trường sống của ta bị ô nhiễm.

Một người sống dễ thương, sống có giá trị và có ý nghĩa sâu xa, người ấy phải biết giữ gìn và phát triển ba chất liệu căn bản này. Tưởng nhớ Phật là giữ gìn và tôn kính gia đình tâm linh của chúng ta. Kính mến cha mẹ và thuận thảo với anh chị em là giữ gìn và tôn kính gia đình huyết thống của chúng ta. Thương người và vật là giữ gìn và tôn

kính sự quan hệ tốt đẹp giữa ta với xã hội và thiên nhiên.

Thế hệ đi trước, nhờ có ba chất liệu này để sống một đời sống có giá trị, có ý nghĩa, nên muốn trao truyền đời sống có giá trị và có ý nghĩa này đến thế hệ tiếp nối, để thế hệ tiếp nối cũng có khả năng sống một đời sống có giá trị và có ý nghĩa, đem đến lợi mình, lợi người ở hiện tại và tương lai, và thế hệ tiếp nối cũng biết tiếp nối những gì mà thế hệ trao truyền muốn trao truyền, ấy là cả hai thế hệ trao truyền và tiếp nối đều dễ thương...

Thụy-sĩ, 01.06.2019 – 28.04. Kỷ-hội (PL 2562).

Đệ tử Nhuận-pháp-nguyên kính tóm tắt.

HẠNH PHÚC LÀ BIẾT CÙNG NHAU HIỆN HỮU

*Pháp thoại thầy Thích-thái-hòa chia sẻ đến đại chúng
chùa Quảng-đức, Thành phố Toulouse, Pháp vào
ngày 06 tháng 06 năm 2019 – 04.05. Kỳ-hội*

Nam mô Bổn sư Thích-ca-mâu-ni Phật

Thưa Đại chúng!

Khổ đau đến với chúng ta từ nhiều phía, thì hạnh phúc cũng đến với chúng ta từ nhiều phía. Có khi ta nghĩ về một quá khứ đau khổ thì trong giây phút hiện tại ta bị khổ đau và có khi ta nghĩ về một quá khứ tươi đẹp, vinh quang thì ta cũng có hạnh phúc trong hiện tại...

Hôm nay tôi xin chia sẻ đến đại chúng năm chất liệu để tạo ra hạnh phúc:

1. Nhìn vào một tô canh

Chúng ta hãy quán chiếu sâu vào một tô canh đang có mặt

trước mặt ta, để thấy những gì đang diễn ra và hiện hữu ở trong một tô canh. Tô canh được tạo nên bởi những yếu tố không là tô canh. Chẳng hạn, nước không phải là tô canh, gia vị không phải là tô canh, miếng đậu khuôn, miếng thịt, trong tô canh không phải là tô canh,... nhưng những yếu tố ấy đang hiện hữu và hòa điệu với nhau để tạo thành một tô canh. Như vậy, tô canh không thể hiện hữu một mình mà nó hiện hữu và hòa điệu với những gì không phải là nó. Nó được tạo nên và tồn tại bởi những yếu tố không phải nó. Ai thấy tô canh như vậy, mới gọi là người có khả năng thấy tô canh.

2. Thấy mình có mặt trong tất cả và thấy tất cả đang có mặt trong mình

Thấy mình có mặt trong tất cả, thấy tất cả đang có mặt trong mình, cái thấy ấy giúp ta loại đi những hạt giống ích kỷ nơi tâm ta và giúp ta lấy lại những gì hạnh phúc đã bị chúng ta bỏ quên. Cái thấy tạo nên sự biết ơn của chúng ta đối với mọi sự hiện hữu. Còn biết ơn là còn có điều kiện để ta sống với hạnh phúc.

3. Đừng nên so sánh hơn, thua, bằng

Buông bỏ tâm so sánh hơn, thua, bằng. Ngay ở nơi tâm buông bỏ đó ta đã có hạnh phúc. Tâm so sánh thường tạo ra những sự rối rắm cho những hành xử của chúng ta. Mọi vấn đề đến với chúng ta, ta biết tiếp nhận chúng trong sự biết đủ, và ta biết chia sẻ chúng đến với những người chung quanh ta đúng thời, đúng xứ, đúng nhân, đúng sự, đúng pháp. Chính những sự biết tiếp nhận và chia sẻ này tạo nên hạnh phúc cho chúng ta rất lớn.

4. Chùa Quảng-đức

Ấy là ngôi chùa mang tên của một vị Bồ tát với danh hiệu là Thích-quảng-đức tự thiêu năm 1963 để bảo vệ sự công bằng tôn giáo dưới triều đại của tổng thống Ngô-đình-diệm.

Sự tự thiêu của Ngài còn để lại cho đời trái tim bất diệt. Trái tim bất diệt ấy còn gọi là Trái tim từ bi, trái tim của một vị Bồ tát quên mình vì lợi ích chúng sinh, vì sự tồn tại của Chánh pháp. Sự hy sinh của Bồ tát là không phải để chống đối chế độ của tổng thống Ngô-đình-diệm mà sự hy

sinh của Ngài là để đánh thức tổng thống Ngô-đình-diệm
dừng lại và điều chỉnh những gì không đúng với đạo lý
của người lãnh đạo quốc gia.

Đệ tử Nhuận-pháp-nguyên kính tóm tắt

NGÀY TƯỞNG NIỆM ÂN SƯ CỦA GDPTVN

Nhân dịp lễ tưởng niệm chư vị Ân sư và Tiên bối hữu công của Gia đình phật tử được Hội đồng Tăng-già Bản thể và Hội đồng Giáo giới GDPTVN tổ chức tại chùa Phật-ân, Long-thành, Đồng-nai hôm 15 tháng 9 âm lịch Kỷ-hợi (13/10/2019), vào buổi sáng trước giờ cử hành lễ, Hòa thượng Thích-thái-hòa, Tổng thư ký Ban thường trực Hội đồng giáo giới GDPTVN đã có thời pháp thoại ngắn gọn đến Ban hướng dẫn Trung ương và Ban hướng dẫn GDPT các tỉnh/thị/thành về tham dự lễ. Nội dung tóm tắt như sau:

Nam mô Bổn sư Thích-ca-mâu-ni Phật

Thưa Đại chúng!

Nhân dịp đại lễ Tưởng niệm các bậc Ân sư, các bậc Tiên bối hữu công, chư anh linh Thánh tử đạo, chư vị Gia trưởng, Huỳnh trưởng, Đoàn sinh Gia đình Phật tử Việt-

nam quá cố..., tôi xin chia sẻ đến quý vị mấy điểm như sau:

1. Cứu cánh và phương tiện

Xin quý vị nghiên cứu bản Nội quy, Quy chế huynh trưởng của GDPTVN, trong đó chương, khoản, điều nào thuộc về cứu cánh và chương, khoản, điều nào thuộc về phương tiện. Những chương, khoản, điều nào thuộc về cứu cánh thì tuyệt đối không thay đổi, không tùy duyên. Còn những chương, khoản, điều nào thuộc về phương tiện thì chúng ta có thể vận dụng một cách linh hoạt, nhằm thực hiện để đạt tới mục đích hay cứu cánh.

Mục đích của GDPTVN là: "Đào luyện thanh, thiếu, đồng niên thành Phật tử chân chính, góp phần xây dựng xã hội theo tinh thần Phật giáo".

- Mục đích thì không tùy duyên, không thay đổi, trước sau như một.

- Năm điều luật, châm ngôn, huy hiệu, bài ca chính thức là cứu cánh không có thay đổi.

Còn những gì phương tiện để đạt tới cứu cánh thì ta có thể tùy thời, tùy xứ, tùy sự, tùy nhân, tùy pháp mà linh hoạt vận dụng để thích ứng...

2. Gốc rễ của bản nội quy – quy chế

Chúng ta phải nhìn thật sâu sắc bác Tâm minh-Lê đình thám thành lập Gia đình Phật hóa phổ, tiền thân của GDPTVN từ ý chí nào? Từ động cơ nào? Chắc chắn là bác cư sĩ Tâm minh-Lê đình thám nhận yếu chí từ các bậc Tôn đức Tăng-già bấy giờ như các ngài Đại lão Hòa thượng Thích-giác-tiên, Đại lão Hòa thượng Thích-giác-nhiên, Đại lão Hòa thượng Thích-tịnh-khiết, Đại lão Hòa thượng Thích-tịnh-hạnh... và từ động cơ "Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh".

Từ gốc rễ Thượng cầu-Hạ hóa, mà thiết lập Nội quy - quy chế GDPTVN. Nên, Nội quy - quy chế GDPTVN mang chất liệu này, chứ không thể mang chất liệu nào khác.

Đệ tử: Nhuận-pháp-nguyên kính tóm tắt.

NĂM ĐIỀU CỦA NGƯỜI BIẾT HỘ PHÁP

Đạo từ thầy Thích-thái-hòa chia sẻ vào ngày 16 tháng 4 nhuận, năm Canh-tý, PL. 2564 - 2020, tại tự viện Phước duyên - Thành phố Huế, nhân buổi Phật tử cúng dường quá đờng

Năm điều người Phật tử cần biết để hộ Pháp.

1. Mặc hộ

Nghĩa là hộ trì Phật pháp bằng cách tự mình âm thầm thực hành Phật pháp dưới hình thức vô tướng, vô ngôn, chỉ làm mà không nói, không nêu danh, không phô trương. Thực hành hộ Pháp theo mặc hộ như thế sẽ không bị chướng ngại, không bị giới hạn với bất cứ không gian nào, với bất cứ thời gian nào, với bất cứ đối tượng nào.

2. Niệm hộ

Hộ Pháp bằng cách luôn luôn nhớ đến Chánh pháp và mong Chánh pháp trường tồn để báo đáp ân đức của Tam bảo, ân đức chúng sinh ngay trong từng tâm niệm của

mình, ngay trong ý thức tu học của mình, ngay trong từng việc làm của mình, ngay trong từng ý nghĩ của mình. Nghĩa là hành động, lời nói, tâm ý của mình luôn luôn đặt trọn ở trong Chánh pháp, khiến Chánh pháp trường tồn, lợi lạc đến muôn loài chúng sinh. Ấy là Hộ pháp bằng Niệm hộ.

3. Trí hộ

Hộ Pháp bằng trí tuệ; bằng sự quán chiếu, để mọi việc làm thích ứng với mọi hoàn cảnh, và không bị hoàn cảnh làm thay đổi. Bởi vì hộ trì bằng trí tuệ là sự hộ Pháp khế cơ, khế thời, thích hợp với mọi đối tượng không bị khiếm khuyết, không làm thay đổi tâm Bồ đề, hạnh Bồ đề, nguyện Bồ đề của mình đối với mọi công việc, dù những việc làm ấy nặng hay nhẹ, thấp hay cao, bên phải hay bên trái, nhưng tất cả chúng đều thích ứng với chân lý, với đạo lý, với đời sống giải thoát, giác ngộ. Đó gọi là trí hộ.

4. Túc hộ

Hộ Pháp bằng sự đình chỉ tâm vọng ngoại, không cầu Phật ở bên ngoài mà cầu Phật ở bên trong tâm mình; không cầu

danh ở bên ngoài mà cầu tâm trong sạch vốn có ở bên trong tâm của chúng ta; không cầu lợi danh, ca tụng ở bên ngoài mà cầu thấy minh tâm kiến tánh nơi tâm của mình, nơi tánh của mình, nơi đời sống của mình trong thật tế này. Hộ niệm như vậy là dứt hết tham duyên bên ngoài và hướng tâm tới trí giác ở bên trong. Hộ Pháp như vậy, khiến cho Chánh pháp trường tồn, ma quân khiếp đảm, đầu hàng, vì ma quân không đủ khả năng, không đủ cái nhìn minh tâm kiến tánh ấy. Đó gọi là hộ Pháp bằng tức niệm.

5. Tha hộ

Hộ Pháp bằng cách, mình phải biết chấp nhận cái gì là không phải mình và phải thấy rõ cái không phải là mình đã tạo ra mình trong hiện tại, đã tạo ra mình trong quá khứ và có thể sẽ tạo ra mình trong tương lai. Pháp được tạo nên bởi những yếu tố không phải là Pháp, cho nên hộ Pháp được như vậy, chúng ta có thể sử dụng tất cả các pháp để hộ Pháp. Nhờ hộ Pháp bằng sự tha hộ này mà chúng ta có khả năng chuyển hóa những người chệch lạc sự cúng dường trở thành những người hộ trì chúng ta cúng dường; hộ

Pháp bằng tha hộ có năng lượng chuyển hóa những người cản trở chúng ta cúng dường, trở thành những người hỗ trợ ta cúng dường; hộ Pháp bằng tha hộ này có khả năng làm thay đổi những người đối lập với ta trở thành đồng hành cùng với ta trên đường cúng dường. Hộ Pháp bằng tha hộ này, chúng ta mượn ngoại cảnh thuận lợi để nuôi dưỡng nội nhân, nội duyên cùng khắp trong tâm của chúng ta. Hộ Pháp bằng tha hộ như thế, chúng ta sẽ làm cho Chánh pháp được trường tồn, chúng ta sẽ làm cho chúng sinh an lạc. Gạo, dầu, muối, mì, bột nêm, tịnh tài không phải là Pháp, nhưng chúng ta biết sử dụng nó để hộ Pháp thì tất cả những thứ đó sẽ yểm trợ cho Tăng-già tu học vững chãi đối với Giới, Định và Tuệ, và sự cúng dường ấy có khả năng tựu thành phước đức của chúng ta, để chúng ta thành tựu phước báu ở cõi người từ sự cúng dường này; chúng ta thành tựu phước báu ở cõi trời từ sự cúng dường này, chúng ta thành tựu phước báu của các bậc Thánh trí Thanh văn, Duyên giác từ sự cúng dường này, chúng ta thành tựu tâm bồ đề, nguyện bồ đề, hạnh bồ đề từ những nơi tha hộ cúng dường này và từ nơi tha hộ cúng dường này, chúng ta duyên vào chúng để nhập vào cảnh giới bất khả tư nghị

của chư Phật và có thể kiến lập Tịnh độ để yểm trợ những người đồng tu, đồng hạnh, đồng nguyện với chúng ta, có cơ duyên tu học để tăng trưởng Bồ đề tâm, chấm dứt sinh tử, sống đời sống lợi ích cho mình, cho người, ngay trong đời này và đời sau. Cúng dường bằng tha hộ, cho nên chúng ta làm một bài thơ, sáng tác một bản nhạc, hay ca ngâm một bản nhạc, một bài thơ để làm cho người khác tỉnh ngộ, bỏ tà tâm trở về với chánh tâm, bỏ tiểu tâm mà trở về đại tâm, bỏ thấp tâm mà trở về vô thượng tâm. Tha hộ như vậy, khiến cho Chánh pháp trường tồn, chúng sinh an lạc.

Đệ tử Nhuận-pháp-nguyên kính tóm tắt

PHÁP HỌC VÀ PHÁP HÀNH

TRÌ DANH NIỆM PHẬT

Trí-quang Thượng nhân dạy.

Hậu học: Tỷ khuru Thích-thái-hòa cung kính ghi.

Chiều nay ngày 19 tháng 7 năm Mậu-tuất (2018), tôi đến Phương trượng Tổ đình Từ-đàm, đánh lễ Trí-quang Thượng nhân, sau khi xuất hạ, Thượng nhân đã dạy cho tôi những điều hữu ích gồm:

1. Pháp học. Pháp giới tạng thân A-di-đà-Phật là chỉ cho Thân thể của Phật A-di-đà bao trùm khắp cả không gian và thời gian. Về mặt không gian là cả mười phương. Về mặt thời gian là bao trùm cả ba đời.

2. Pháp hành. Niệm Phật đưa đến nhất tâm gồm có hai loại: Niệm lớn tiếng và niệm không có tiếng. Niệm lớn tiếng là niệm rõ ràng từng chữ: Nam Mô A Di Đà Phật. Miệng niệm chậm rãi và to, tai lắng nghe rõ ràng từng tiếng không lầm lẫn, nhờ vậy mà đưa tới nhất tâm. Niệm thầm hay niệm không ra tiếng, nghĩa là niệm: Nam Mô A

Di Đà Phật, niệm thầm ở trong miệng, nhưng ý thức rất rõ ràng từng chữ Nam Mô A Di Đà Phật, nhờ vậy mà đưa đến nhất tâm. Niệm Phật như vậy, thì Phật A-di-đà luôn luôn ở trên đỉnh đầu. Niệm Phật như vậy, có thể vãng sanh về thế giới Tịnh độ của Ngài hay có thể nhập vào pháp giới tạng thân của Ngài tùy sức hạnh nguyện.

3. Quan trọng của sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật. Thượng Nhân dạy: Sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật rất quan trọng. Con số sáu là một trong những pháp số rất quan trọng trong Phật pháp. Sáu chữ Nam mô A Di Đà Phật liên hệ đến Lục diệu pháp môn. Nghĩa là liên hệ đến sáu pháp quán chiếu hơi thở rất màu nhiệm.

4. Bản thân hành trì. Mỗi đêm Thượng nhân niệm danh hiệu Nam mô A-di-đà Phật đến 1800 biến, nghĩa là ba lần sáu. Mỗi lần là sáu trăm. Ba lần sáu = một ngàn tám trăm biến miệng niệm Nam mô A-di-đà Phật và tai lắng nghe một cách rõ ràng không có niệm gì khác khởi lên xen tạp.

5. Tư thế hành trì. Ngồi kiết già, bán già, hay ngồi trên ghế thông chân xuống mà niệm, tùy theo điều kiện của thân

thể. Tuyệt đối không được nằm ngửa mà niệm Phật. Nếu bệnh có thể nằm ngửa, nhưng không duỗi chân mà co dựng hai chân lên. Khi đi vào toilet, thì nhớ Phật để trên đầu.

6. Truyền thống gia đình. Thượng nhân dạy gia đình tôi đã bảy đời tu tập Trì danh Niệm Phật với danh hiệu Nam mô A-di-đà Phật, nay Thượng nhân cũng vậy, làm gì cũng nhớ Phật. Niệm Phật chính là nhớ Phật.

7. Thượng Nhân dạy: Người tu tập cố gắng sống tinh tấn, tránh bệnh hoạn được bao nhiêu là tốt bấy nhiêu và phải thường quán chiếu cái khổ của bị sanh để tu tập đạt đến cái tâm phiền não vô sanh; phải quán chiếu cái khổ của lão để đạt đến cái tâm bất lão; phải quán chiếu cái khổ của bệnh, để đạt tới cái tâm sáng suốt vô bệnh; phải quán chiếu cái chết để đạt tới cái tâm bất tử. Người tu không có việc gì quan trọng ngoài "Sống và Chết". Sống chết là việc lớn.

CHÂU BÁU TRONG ĐỜI SỐNG CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐỆ TỬ PHẬT CHÚNG TA

Nam mô Bổn sư Thích-ca-mâu-ni Phật.

Thưa quý vị,

Hôm nay tháng 06 năm 2017, tại chùa Quảng-hương, đất nước Đan-mạch, tôi có duyên gặp Thượng tọa Giác-thanh, cũng như quý vị Phật tử. Đây là một nhân duyên lớn, một sự trùng phùng rất lớn, nên tôi xin chia sẻ một vài điều tu học đến đại chúng trong dịp gặp gỡ này.

Ta từng có mặt trong nhau

Có một vị thiền sư nói: "Chúng ta biệt ly nhau, từ ngàn vạn kiếp lâu, nhưng chưa từng xa cách, dù một phút giây nào. Chúng ta đối diện nhau, suốt ngày suốt ngày lâu, suốt ngày nhưng không gặp, không bao giờ gặp nhau".

Chúng ta phải thấy rằng: Sự trùng phùng của chúng ta hôm nay đều đã có nhân duyên rất lớn, vì chúng ta đã gặp nhau nhiều đời ở trong Phật pháp. Chúng ta đã gặp nhau nhiều đời ở trong dòng máu của con người và chúng ta cũng đã gặp nhau nhiều đời ở trong dòng máu tổ tiên Việt-nam và trong dòng máu của Chánh pháp.

Vì vậy, hôm nay chúng ta tiếp tục gặp nhau ở đây trong không khí đạo tình này. Nếu chúng ta không gặp nhau trong dòng máu Chánh pháp, chúng ta không gặp nhau trong tình cảm con người, chúng ta không gặp nhau trong tình cảm thiêng liêng của đất nước Việt, thì chúng ta sẽ không bao giờ có không gian này để gặp nhau.

Nhưng, hôm nay chúng ta đã gặp nhau, có nghĩa là chúng ta đã từng gặp nhau và hôm nay lại tiếp tục gặp nhau. Nên, quý vị nhìn thấy tôi không có lạ phải không? Tôi thấy quý vị cũng không có gì lạ cả. Vì sao không lạ? Vì chúng ta đã từng gặp nhau, đã từng quen biết nhau, đã từng có mặt trong nhau. Chúng ta đã từng gặp nhau trong dòng dõi của Chánh pháp, trong tình cảm con người trên trái đất này, chúng ta đã từng gặp nhau trong dòng dõi

Tiên Rồng, trong truyền thống đạo đức tâm linh và văn hóa của Việt-nam.

Vì vậy, chúng ta thấy gần gũi nhau, đi tới với nhau không có gì đối ngại, không có gì ngại ngùng, để chúng ta phải tránh né, không nói được với nhau những gì dễ thương nhất, trân quý nhất, giá trị nhất, ý nghĩa nhất, chân thật nhất phải không quý vị?

Cho nên, hôm nay tôi xin chia sẻ pháp thoại đến với Đại chúng: "Châu báu trong đời sống của những người đệ tử Phật chúng ta".

Nhận diện và tiếp nhận châu báu

Ở đời ai cũng có châu báu, không có châu báu bằng cách này, thì cũng có châu báu bằng cách khác, không ai nghèo hết, ai cũng giàu hết. Mình có đôi mắt là mình có châu báu rồi, bởi vì có đôi mắt mình mới nhìn thấy được những gì mình cần nhìn thấy, cho nên đôi mắt là châu báu trong đời sống của mỗi chúng ta.

Chúng ta nhìn thấy nhau là một phép lạ. Chúng ta nhìn

thấy được cha ta, mẹ ta; chúng ta nhìn thấy được người thương của ta; chúng ta nhìn thấy được con cái của chúng ta; chúng ta nhìn thấy được anh chị em của chúng ta; chúng ta nhìn thấy đồng loại của chúng ta; chúng ta nhìn thấy thầy tổ tiên của chúng ta; chúng ta nhìn thấy quê hương của chúng ta; chúng ta nhìn thấy được trời xanh mây trắng. Tất cả những cái nhìn thấy này đều làm nên hạnh phúc lớn trong đời sống của chúng ta, nên đôi mắt và cái nhìn thấy của đôi mắt là châu báu của chúng ta.

Để kiểm chứng những hạnh phúc này, quý vị có thể hỏi mấy người mù bẩm sinh và người mù do bệnh hoạn là họ muốn gì, điều ước mơ của họ là gì, và cái gì là hạnh phúc của họ? Chắc chắn, những người mù sẽ trả lời: Họ muốn thấy. Ước mơ của họ là muốn có đôi mắt sáng để thấy. Hạnh phúc của họ là được nhìn thấy những người thân yêu và muôn vật. Nhưng, những ước muốn ấy khó trở thành hiện thực với những người mù. Và hạnh phúc của người mù là thấy, cũng không bao giờ trở thành hiện thực với họ.

Bây giờ, trong đạo tràng này, không có ai ước mơ thấy mà vẫn thấy, vì mình đang có đôi mắt sáng. Đôi mắt sáng đã

hiển tặng cho ta cái thấy và nếu chúng ta biết sử dụng cái thấy ấy của đôi mắt sáng bằng chất liệu của trí tuệ và từ bi, bằng chất liệu của bao dung và hỷ xả, thì hạnh phúc của chúng ta không thể nào diễn tả hết. Cho nên, đôi mắt sáng và cái thấy là châu báu vốn có của chúng ta.

Đôi tai là châu báu vốn có của chúng ta. Có những người sinh ra bị điếc bẩm sinh, cho nên họ không nghe được bất cứ âm thanh nào của người thân yêu, của mọi người và muôn vật. Trong lúc đó, chúng ta hiện nay đang có đôi tai là điều kiện để cái nghe biểu hiện, chúng ta đang nghe được âm thanh của những người thân yêu đang muốn nói với mình, mình nghe được âm thanh của người thân mình muốn nói với mình, mà mình không chịu ngồi yên lắng nghe để hiểu và để thương. Nhờ có cái nghe ta mới có cái hiểu và nhờ có cái hiểu ta mới có cái thương, ta mới có sự thông cảm và sẻ chia.

Cho nên, đôi tai của chúng ta có khả năng chế tác ra hạnh phúc cho chúng ta rất nhiều. Hạnh phúc của con người là được nghe và được chia sẻ những gì người khác cần ở nơi chúng ta. Một người không biết lắng nghe, người ấy sẽ

không có chất liệu của thương yêu và cảm thông. Vì nghe là để hiểu, cảm thông và chia sẻ. Nghe để biết được người thương của mình đang cần gì ở nơi mình; nghe để biết được cha mẹ mình đang cần gì ở nơi mình; nghe để biết được con cái đang cần gì ở nơi mình; nghe để biết vợ mình đang cần gì ở nơi mình; nghe để biết chồng mình đang cần gì ở nơi mình; nghe để biết con cháu đang cần gì ở nơi mình; nghe để biết quê hương đang cần gì ở nơi mình; nghe để biết nhân loại hay muôn vật đang cần gì ở nơi mình; nghe để biết đạo pháp đang cần gì ở nơi mình.

Khi chúng ta biết được giá trị của sự nghe như vậy, thì chúng ta thấy mình đang có hạnh phúc, vì mình đang có điều kiện để nghe và cái nghe đang có mặt với mình. Nên, nghe là châu báu của hạnh phúc. Vì vậy mà đức Phật dạy, khi nhìn cái gì thì chúng ta nhìn chúng một cách tinh tế và nhìn cho sâu sắc, chúng ta nghe điều gì thì chúng ta nghe thật yên lặng và nghe thật sâu sắc. Nhờ cái nhìn và cái nghe ấy mà chúng ta thấy được sự thật của khổ và thấy được sự thật nguyên nhân sinh khởi sự khổ. Cái thấy chính xác và sâu sắc đối với mọi vấn đề, đức Phật gọi đó là

"chánh kiến". Nghe chính xác để nhớ và hiểu sâu sắc, đức Phật gọi là "đế thính", "thiện tư niệm chi" hay là nghe ở trong "chánh tư duy".

Thấy và nghe là những điều kiện của hạnh phúc, thì nói năng cũng là một điều kiện của hạnh phúc. Nói được là một hạnh phúc. Để gì chúng ta nói được, nếu không có miệng lưỡi, không có thanh quản. Một người câm bẩm sinh, hạnh phúc của họ là nói; ước mơ tha thiết nhất của họ là nói. Nhưng cái nói rất khó xảy ra với họ. Họ ước mơ nói, nhưng không nói được. Họ thấy ai nói được là họ buồn lắm, vì sao? Vì họ không nói được. Người câm phần nhiều đi kèm với điếc.

Như vậy, trong đạo tràng này không có ai bị câm bẩm sinh cả, nên trong tất cả chúng ta đang có châu báu. Châu báu trong đời sống của chúng ta là cái nói. Những yếu tố tạo nên cái miệng là để giúp ta nói và ăn. Nhưng nếu chúng ta kém phước báo, thì có miệng ta sẽ không nói được và có miệng ta cũng không ăn được.

Nên, chúng ta đang có cái miệng để ăn được, nói được là

chúng ta đang có phước báu và chúng ta đang có châu báu.

Vì vậy, chúng ta phải biết ăn và biết nói đúng lúc, đúng việc, đúng lẽ phải và đúng với đạo lý, để châu báu vốn có của chúng ta không bị thoái hóa và biến mất. Chúng ta phải biết cách ăn để cái ăn ấy tạo ra bình an và phước đức cho chúng ta. Cái ăn tạo ra bình an và hạnh phúc, đức Phật gọi là "chánh mạng". Chúng ta phải biết cách nói, để cách nói ấy tạo ra phước đức và bình an cho chúng ta. Nói như vậy, đức Phật gọi là "chánh ngữ".

Những bậc Trí đức trong đời thường nhắc nhở chúng ta: "bệnh tòng khẩu nhập, họa tòng khẩu xuất". Nghĩa là "bệnh từ nơi miệng mà vào, họa từ nơi miệng mà ra". Cho nên, cái miệng là châu báu vốn có của tất cả chúng ta, chúng ta phải biết giữ gìn châu báu này bằng sự nói năng như Chánh pháp, im lặng như Chánh pháp, ăn uống đúng như Chánh pháp và không ăn uống cũng đúng như Chánh pháp.

Chúng ta có thân thể này, đầy đủ đầu mình tay chân để hành hoạt và các quan năng nhận thức là một may mắn lớn

và là một hạnh phúc lớn. Ở trong đời có đôi người có tay chân mà không cử động được, nơi đạo tràng này chúng ta đều có tay chân đầy đủ và đều cử động được. Bây giờ chúng ta muốn đi là chúng ta đi; chúng ta muốn đứng là chúng ta đứng, chúng ta muốn nằm là chúng ta nằm, chúng ta muốn ngồi là chúng ta ngồi, chúng ta muốn đưa tay lên là chúng ta đưa tay lên, muốn bỏ tay xuống là chúng ta liền bỏ tay xuống. Tất cả những động tác ấy đều là những động tác của châu báu, vì chúng chế tác ra hạnh phúc cho chúng ta.

Một người bị đột quy, một người bị tai biến, bị bán thân bất toại, người đó mơ ước đưa cánh tay lên, nhưng không bao giờ đưa lên được theo ý muốn của họ; người đó muốn đi, nhưng cái đi của họ không thành; họ muốn ngồi nhưng cái ngồi của họ không thành...

Tất cả chúng ta là con của đức Phật, chúng ta thường thực tập tỉnh giác và sống ở trong tỉnh giác, tỉnh giác trong đi đứng nằm ngồi hay trong mọi hành hoạt của chúng ta, để ngay trong mỗi động tác ấy, chúng ta thoát ra khỏi vô minh và thành tựu chất liệu của tuệ giác và từ bi.

Vì vậy, những người con của đức Phật không làm việc theo bản năng mà làm việc theo tuệ giác, không đi theo bản năng mà đi theo tuệ giác.

Nhờ vậy, nên mỗi động tác, mỗi hành hoạt của những người con Phật đều có khả năng bảo hộ châu báu vốn có của mình, không để bị biến hoại, rơi mất mà còn làm tăng trưởng lên, giàu có lên ngay nơi mỗi động tác của mình, đưa tới lợi ích cho mình, cho người đời này và đời sau. Mỗi hành động của thân đều hoạt khởi ở trong tỉnh giác và tuệ giác, nên tránh xa được hết thảy điều ác và thành tựu hết thảy điều thiện, cho mình, cho người, đời này đời sau, đức Phật gọi những hành động ấy là "chánh nghiệp".

Chúng ta đang có ý thức trong sáng, không tạp loạn, không nhiễm ô, không hoang tưởng, ấy là chúng ta đang có châu báu về tâm ý. Châu báu này đức Phật gọi là "chánh niệm", "chánh định".

Như vậy, chúng ta có cái thấy, cái nghe, cái ngửi nếm, cái xúc chạm, cái hành hoạt của thân thể và tâm ý là tất cả chúng ta vốn có cái căn bản của châu báu và của phước

đức. Chúng ta nỗ lực phát triển châu báu ấy, khiến chúng lớn lên mỗi ngày trong mỗi hành hoạt của chúng ta qua đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, làm việc, suy nghĩ, quán chiếu, ấy gọi là "chánh tinh tấn". Nhờ có tinh tấn, khiến điều ác nơi thân tâm chưa sinh thì không thể sinh; những điều ác đã sinh, liền đình chỉ và diệt tận; những điều thiện nơi thân tâm chưa sinh, liền sinh; những điều thiện nơi thân tâm đã sinh, liền tăng trưởng.

Nhân duyên tốt đẹp nhiều đời

Chúng ta có phước báu, có thiện căn là do chúng ta nhiều đời đã biết tu tập, biết tích lũy những điều tốt đẹp. Cha mẹ, tổ tiên của chúng ta có phước duyên lớn mới sinh ra chúng ta không bị bệnh tật, có đầy đủ sáu quan năng nhận thức.

Cho nên, chúng ta có thân thể toàn vẹn này là do tự thân của chúng ta vốn có phước báu nhiều đời và cha mẹ, tổ tiên của chúng ta cũng có phước báu nhiều đời, cùng làm nhân duyên tương tác với nhau, khiến chúng ta sinh ra trong sự toàn hảo về thân thể và tâm hồn.

Chúng ta có được một thân thể hoàn hảo, có được một tâm

hồn trong sáng, chúng ta vốn có căn bản của sự hiểu biết, phân biệt rõ ràng giữa chánh và tà, giữa thiện và ác, giữa thấp kém và cao thượng, biết chọn lựa cái đẹp để sống mà không sống theo cái xấu; biết chọn lựa lẽ phải để hành động mà không hành động theo cái phi pháp; biết nghe theo cái đúng mà không nghe theo cái tà vạy, ấy là nhờ ta có phước báu, nhờ ta có căn bản của trí thức.

Nếu chúng ta có căn bản của phước báu, căn bản của trí thức thì trong đời sống của chúng ta, mọi hành xử ít gây phiền hà đến những người khác.

Vậy, chúng ta nỗ lực giữ gìn và phát triển những gì tốt đẹp đã có và nỗ lực ngăn ngừa những gì không tốt đẹp đừng để chúng xảy ra trong những suy nghĩ và hành động của chúng ta.

Nguyện giữ gìn và phát triển

Chúng ta tiếp tục nuôi dưỡng phước báu của chúng ta, bằng cách nương tựa vào đức Phật, nương tựa vào Chánh pháp, nương tựa vào Tăng đoàn, nương tựa vào Thánh giới, để sống và hành hoạt, khiến phước báu vốn có của

chúng ta tăng trưởng liên tục, không gián đoạn. Nghĩa là từ phước báu của loài người, tăng trưởng thành phước báu của chư thiên; từ phước báu chư thiên tăng trưởng thành phước báu của bậc Thánh; từ phước báu của các bậc Thánh tăng trưởng thành phước báu của các vị Bồ tát và từ phước báu của các vị Bồ tát tăng trưởng thành phước báu của chư Phật.

Như vậy, trong mỗi chúng ta, ai mà không mong muốn phước báu của mình được tăng trưởng. Muốn như vậy, thì chúng ta nguyện suốt đời nương tựa vào đức Phật. Nương tựa vào đức Phật, nghĩa là nương tựa vào trí tuệ và từ bi của Ngài để làm sáng lên trí tuệ và từ bi ở nơi chính chúng ta, ở ngay nơi thân năm uẩn này và ngay ở đời sống này. Trí tuệ và Từ bi là châu báu của Phật, nên chúng ta nương tựa Phật để chúng ta phát huy và thừa hưởng châu báu ấy ngay ở nơi chính chúng ta.

Chúng ta nguyện suốt đời nương tựa Chánh pháp, vì Chánh pháp là châu báu của sự an lạc và hạnh phúc. Nên, chúng ta nương tựa Chánh pháp để chế tác ra hạnh phúc và an lạc ngay nơi thân năm uẩn này và ngay nơi đời sống

này của chính chúng ta.

Chúng ta nguyện suốt đời nương tựa Tăng, vì Tăng là châu báu của sự thanh tịnh và hòa hợp và là phước điền vô thượng. Nên, chúng ta nương tựa Tăng là để ta gieo trồng những hạt giống phước đức và trí tuệ thanh tịnh.

Chúng ta nguyện suốt đời nương tựa vào Thánh giới, vì châu báu của Giới pháp là giải thoát. Nên, chúng ta nguyện suốt đời nương tựa vào Giới pháp để vượt qua sự chấp thủ năm uẩn, vượt qua khổ đế và tập đế, đạt đến nơi an toàn, giải thoát cao thượng của Niết bàn.

Vậy, kính chúc Đại chúng thực tập thành tựu châu báu vô lượng và giữ gìn vô lượng châu báu.

Đệ tử Nhuận-pháp-nguyên kính ghi.

LÀM MỚI THÂN TÂM

Nam mô Bốn sư Thích-ca-mâu-ni Phật.

Thưa Thượng tọa Phước-huệ và Thượng tọa Tâm-hiền.

Cùng tất cả Phật tử hiện tiền quý mến.

Hôm nay là ngày mồng 7 tháng 7 năm 2017, tại chùa Từ-đàm, Thành phố Birmingham, Vương quốc Anh. Tôi có nhân duyên gặp hai Thượng tọa cùng quý vị nam nữ Phật tử hiện tiền, trong ngôi chùa ấm cúng, đạo vị này và nhân đây tôi xin chia sẻ Pháp thoại đến quý vị với đề tài "Làm mới thân tâm".

Ngôi ở nơi tâm Bồ đề

Tôi rất vui, khi thấy Thượng tọa Phước-huệ, Thượng tọa Tâm-hiền, chư Tăng chùa Từ-đàm và Phật tử cùng giúp nhau tu học, hộ trì Tam bảo và hoằng Pháp nơi xứ người. Tôi biết rằng, khi nhìn ngôi chùa Từ-đàm có mặt ở đây là

công tâm và sức lực chịu khó, chịu nhọc của chư Thượng tọa cũng như sự nhiệt tâm, nhiệt tình hộ đạo của các hàng Phật tử ở nơi đây, cho nên chúng ta mới có một ngôi chùa Từ-đàm Việt-nam trên Xứ sở sương mù này.

Nếu tất cả chúng ta, hàng xuất gia hay tại gia đệ tử của đức Thế tôn, không lập hạnh, không lập nguyện thì ngay cả một viên gạch, một viên ngói cũng không có, chứ đừng nói gì đến những viên gạch liên kết với nhau trở thành bức tường của ngôi già lam. Những viên ngói, gạch đến với nhau trở thành ra:

"Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của Tổ tông".

Cho nên, khi nhìn vào từng viên đá, từng viên gạch, từng viên ngói, từng chi tiết ở trong ngôi chùa Từ-đàm này, chúng tôi đã nhận ra một điều, cảm nhận một điều rất sâu sắc, là tất cả chúng ta đang ngồi ở đây, chúng ta ngồi từ cái tâm nguyện Bồ đề, từ cái hạnh nguyện Bồ đề, từ nơi tâm nguyện làm cho Phật pháp trường tồn, để báo đáp ân đức của Tam bảo, ân đức của Thầy tổ, ân đức của cha mẹ, tổ

tiên ông bà nội ngoại, giang sơn tổ quốc của chúng ta và ơn đức của mọi người, muôn loài đối với đời sống của chúng ta. Cho nên, hôm nay chúng ta đến với nhau trong sự biết ơn ấy và chia sẻ bài pháp thoại "Làm mới thân tâm".

Hai hạng người làm mới thân tâm

"Làm mới thân tâm" là một từ ngữ được dịch từ nghĩa sám hối. Sám hối tức là làm mới thân tâm của mình và làm cho thân tâm mình mới từ nơi cái cũ, phát triển cái mới từ nơi cái cũ. Những con người biết sám hối là những con người biết cầu tiến. Người sám hối là những người ý thức được những sự sai lầm của mình trước đó hay trong hiện tại mà khởi tâm sám hối, từ đó chừa bỏ những lỗi lầm trong quá khứ và làm mới lại thân và tâm của mình trong đời sống hiện tại và tiếp tục nuôi dưỡng nó và sẽ gặt những thành quả tốt đẹp, cao quý trong tương lai. Làm mới như vậy không phải người thường mà làm được. Làm mới như vậy chỉ có hai hạng người mà trong Kinh đức Phật gọi là hai hạng người có sức mạnh của tâm và quý. Tâm là tự hổ thẹn với người. Quý là tự hổ thẹn với chính mình.

Hạng thứ nhất: Sống luôn luôn có tâm và quý, nên sợ tội lỗi mà nguyện không làm.

Hạng thứ hai: Sống có tâm và quý, nên sau khi làm việc tội lỗi, phạm vào tội lỗi tự biết xấu hổ với người và với lương tâm của chính mình, nên liền ăn năn, chừa bỏ, phát lồ cầu xin sám hối để chuyển hóa những lầm lỗi trong quá khứ, khắc phục những lỗi lầm trong hiện tại, và tiến bước vững chãi đi đến hạnh phúc, an lạc trong tương lai.

Nên, ở trong đời chỉ có hai hạng người sống có tâm và quý này mới đủ khả năng làm mới thân tâm của mình mỗi ngày.

Làm mới thân tâm mỗi ngày

Trong mười hạnh nguyện của Bồ tát Phổ-hiền, hạnh nguyện thứ tư là hạnh nguyện thực hành sám hối. Cho nên, sống trong đời hễ ai biết sám hối thì người đó có hai chất liệu tâm và quý, nghĩa là người ấy biết hổ thẹn với chính mình mỗi khi mình phạm vào những lầm lỗi và biết hổ thẹn với những người xung quanh mỗi khi mình phạm vào những lầm lỗi. Những lầm lỗi từ hành động thuộc về thân, lầm lỗi ngay ở những lời nói thuộc về khẩu và lầm lỗi

ngay ở nơi những ý nghĩ của mình thuộc về tác ý liên hệ đến phiền não vô minh. Cho nên, chúng ta phải làm mới thân ta mỗi ngày, để việc làm của chúng ta rơi rụng những lầm lỗi ngay trong mỗi hành động; chúng ta phải làm mới lời nói của chúng ta mỗi ngày, để cho những sai lầm rơi rụng ngay trong lời nói của chúng ta; chúng ta phải làm mới tâm ý của chúng ta mỗi ngày, để cho phiền não rơi rụng ngay ở nơi tâm thức của chúng ta. Đó là cách làm mới ba nghiệp của chúng ta mỗi ngày.

Ngài Phổ-hiền ý thức được việc làm mới này, nên Ngài đã phát nguyện thứ tư là sám hối nghiệp chướng. Nếu chúng ta tu tập mà không sám hối những nghiệp chướng của chúng ta, từ hiện tại đến quá khứ thì chính nghiệp chướng đó đã làm trở ngại con đường tu học của chúng ta. Cho nên, chúng ta phải sám hối để cho tất cả chướng ngại thuộc về nghiệp, những chướng ngại thuộc về quá báo, những chướng ngại thuộc về phiền não, những chướng ngại thuộc về oán đối giữa chúng ta và lục đạo chúng sinh đều được giải tỏa, đều được tiêu trừ, đều được hết sạch thì lúc đó chúng ta mới thực hiện được pháp Quy

y Phật, pháp Quy y Pháp, pháp Quy y Tăng của chúng ta một cách trọn vẹn. Từ đó, chúng ta mới có khả năng giữ gìn được Giới pháp của chúng ta đã thọ trì từ Ngũ giới, Thập thiện giới, Bồ tát giới hay Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni giới một cách trọn vẹn.

Và chúng ta có thực hiện được ba pháp Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng thành tựu hay không là từ nơi sự thực hành phương pháp sám hối của chúng ta mỗi ngày. Bởi vì nghiệp chướng chúng ta làm cho chúng ta bị trở ngại đi đến với Phật, làm chướng ngại chúng ta đi đến với Pháp, làm chướng ngại chúng ta đi đến với Tăng, làm chướng ngại chúng ta đi tới các thiện pháp an lạc hay niết bàn. Do đó, chúng ta phải sám hối để cho nghiệp chướng của chúng ta được tiêu trừ, báo chướng của chúng ta cũng được chuyển hóa, phiền não chướng từ nơi tâm của chúng ta lắng yên và oán chướng trong đời sống của chúng ta đối với lục đạo chúng sinh hay oán đối giữa lục đạo chúng sinh đối với chúng ta cũng được giải trừ. Nhờ vậy mà chúng ta có cơ hội đi tới với tự tâm thanh tịnh của chúng ta là tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng để tâm

chúng ta luôn luôn ở trong trạng thái an tịnh của Niết bàn.

Vậy, ở giữa đời này có bao nhiêu hạng người biết làm mới thân tâm? Có bốn hạng người:

Hạng người thứ nhất: Có hạng người chỉ biết làm mới thân mà không biết làm mới tâm. Nghĩa là thân sám hối mà tâm không sám hối. Thân thì lạy Phật mà tâm thì vắng mặt trong cái lạy Phật của mình. Cho nên, đối với hạng người này thân sám hối mà tâm không sám hối.

Hạng người thứ hai: Có hạng người chỉ biết làm mới tâm mà không làm mới thân. Nghĩa là tâm nghĩ tới Phật, nghĩ tới sự sám hối mà thân thì không thực hiện điều đó theo tâm của mình, không đủ điều kiện để thực hiện theo tâm. Cho nên, đối với hạng người này tâm làm mới mà thân không làm mới.

Hạng người thứ ba: Có hạng người biết làm mới cả tâm và thân. Nghĩa là thân của họ thì lạy Phật một cách chí thành, chí thiết mà tâm của họ thì cũng tha thiết nhất như với cái thân của họ, đồng hành với cái thân của họ trong khi họ lạy Phật. Cho nên, thân họ lạy Phật bao nhiêu lạy

thì tâm của họ cũng có mặt bấy nhiêu trong từng động tác lạy Phật của họ.

Có khi thân lạy Phật mà tâm không lạy Phật, thân giúp cho tâm trở về với thân, và có khi tâm lạy Phật mà thân không lạy Phật thì tâm kéo thân về với tâm để theo giây phút đó thân tâm nhất như mà sám hối.

Hạng người thứ tư: Có hạng người thân không biết làm mới mà tâm cũng không biết làm mới. Nghĩa là thân đầy bụi bặm, dơ bẩn bởi những nghiệp xấu ác và tâm đầy phiền não. Do đó, đối với người không biết làm mới thân, không biết làm mới tâm, người đó Phật dạy là người đi từ bóng đêm này tới bóng đêm khác trong cuộc sống, họ đi từ khổ đau này tới sự khổ đau khác trong cuộc sống.

Còn hạng người biết làm mới cả thân và tâm, có nghĩa là họ biết sám hối cả thân và tâm, thân tâm đều nhất như trong pháp sám hối; thân tâm đều cung kính lễ sám thì hạng người này từ nơi ánh sáng hữu hạn, họ bước tới ánh sáng vô cùng; họ từ cái phước báu của cõi người, tiến lên phước báu của cõi trời; từ phước báu cõi trời, họ bước lên

phước báu của hàng Thanh văn; từ phước báu của hàng Thanh văn, họ tiến tới phước báu của hàng Duyên giác; từ phước báu của hàng Duyên giác, họ bước tới phước báu của hàng Bồ tát; rồi từ phước báu của hàng Bồ tát, họ tiến tới phước báu hoàn hảo của chư Phật. Đó là hạng người biết sám hối cả thân và tâm. Đối với họ, không những đem thân lạy Phật mà còn đem tâm lạy Phật, không những đem thân sám hối mà còn đem tâm sám hối. Thân và tâm của họ luôn luôn có mặt trong nhau để giúp nhau sám hối. Họ sám hối như vậy không có tội nào không tiêu, không có lỗi nào không trừ, không có nghiệp nào không chuyển hóa và không có phiền não nào mà không lắng yên.

Còn nếu chúng ta đem thân sám hối, đem thân làm mới, nhưng tâm chưa làm mới thì phước báu nó đến với chúng ta chỉ được 50%. Nếu chúng ta chỉ đem tâm sám hối, đem tâm làm mới mà thân không làm mới, phước báu đến với chúng ta cũng chỉ được 50%. Còn nếu chúng ta biết đem thân và tâm đều sám hối, đều làm mới thì phước báu đến với chúng ta 100%, chúng giúp chúng ta đi từ sự thăng hoa này đến sự thăng hoa khác; chúng giúp chúng ta đi từ ánh

sáng hữu cùng tới ánh sáng vô hạn; từ ánh sáng hữu lượng đi tới ánh sáng vô lượng; từ nơi phước báu hữu biên đi tới phước báu vô biên.

Vậy, quý vị ở trong Đạo tràng này, ưa làm mới thân tâm theo hạng người nào? Chắc chắn mọi người, ai cũng muốn làm mới cả thân và tâm phải không?

Ước muốn trở thành hạng thứ ba đã là khó, nhưng biến ước muốn ấy trở thành hiện thực trong đời sống lại càng khó hơn. Nói được đã là khó, làm được lại càng khó hơn.

Biết kham nhẫn và thông minh

Kinh Địa-tạng nói: "Chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề này hờ niệms, động chân cất bước là rơi vào sai lầm, tội lỗi". Vì sao kinh nói như vậy? Bởi vì chúng sinh sống trong phiền não, sống với phiền não. Sống với phiền não thì hay sinh ra tội lỗi và từ tội lỗi mà sinh ra nghiệp chướng; từ nghiệp chướng mà sinh ra quả báo khổ đau.

Vì sao chúng sinh mở miệng là sai? Vì chúng sinh có thấy được đạo đâu mà mở miệng nói cho đúng. Không thấy

được đạo, không thấy được chân lý mà mở miệng nói là sai. Càng nói là càng sai. Nói theo cách thấy của phàm phu thì làm sao mà đúng với chân lý và Thánh nhân được! Nói theo cách thấy của phàm phu là nói để hại người lợi mình, nói như vậy thì càng nói là càng rơi vào tội lỗi. Nghĩa là mở miệng là sai. Nếu một vị tu tập thấy được đạo hay thấy được chân lý, vị ấy mở miệng là đúng, mở miệng là phước đức phát sinh. Vì sao? Vì vị ấy thấy được đạo, thấy được chân lý, nên chỉ nói những gì đưa đến lợi mình, lợi người trong hiện tại và tương lai. Nên, họ càng nói là càng đúng, càng mở miệng là phước đức càng sinh ra.

Người thấy được đạo, họ thực hành lạy Phật, sám hối, tụng kinh, niệm Phật, trì tụng minh chú, ngồi thiền, làm những công việc lợi ích, hiếu sự với cha mẹ mình, đối xử chân thành với bạn bè, sống thủy chung trong đời sống vợ chồng, họ sống bằng đời sống như vậy thì mỗi ngày tội lỗi của đời họ vơi đi, phước đức trong đời sống của họ tăng lên.

Như vậy, ở Xứ sở sương mù này không phải chỉ có người Việt chúng ta mới vất vả, mà người bản xứ cũng vất vả.

Vật vả, vì không thấy được đạo, không thấy được chân lý của sự sống, chứ không phải vì không có cái nền văn minh vật chất hiện đại. Con người vật vả và khổ là vì không thấy được chân lý của sự sống để sống, chứ không phải thiếu những tiện nghi vật chất. Vì không thấy được chân lý của sự sống, nên con người chạy đua theo máy móc vật chất, nhưng con người không phải là máy móc, con người không phải thuần là vật chất, con người vẫn là con người, vẫn kết cấu từ những yếu tố làm người mà không phải từ những yếu tố máy móc và lại càng không phải chỉ kết cấu bằng những yếu tố thuần vật chất.

Đời sống con người không phải chỉ thuần là vật chất, nhưng con người chạy đua đòi theo vật chất, nên con người càng lúc càng trở nên bận rộn và kết quả do thành quả của con người đem lại bằng tay chân thì chẳng có bao nhiêu so với máy móc.

Chạy đua theo vật chất, người dân bản xứ còn vật vả đến như thế, huống chi là người Việt-nam chúng ta chạy đua theo vật chất trên Xứ sở sương mù này.

Cho nên, người bản xứ làm việc 4%, 5% thì người Việt-nam của chúng ta trên xứ sở này phải làm gấp rất nhiều lần so với người bản xứ mới thích ứng được với đời sống vật chất trên xứ sở này. Tuy nhiên, người Phật tử Việt-nam của chúng ta rất thông minh, vừa sống thích ứng với đời sống của dân bản xứ, nhưng vẫn giữ được phong thái của người Việt, biết dành thời gian mỗi nửa tháng về chùa Từ-đàm ở thành phố Birmingham để lạy sám hối, học đạo, thăm thầy, hộ trì Tam bảo, ấy là một sự khéo léo, thông minh rất đáng trân trọng.

Nếu nhìn thật sâu sắc, thì giờ phút này là giờ phút đầy phước đức của chúng ta. Vì sao? Vì ở nơi thành phố Birmingham này có mấy ngàn người Việt sinh sống, nhưng lại có một số lượng rất khiêm tốn đang có mặt ở nơi đạo tràng sám hối này, đủ nhân duyên để làm mới thân tâm.

Như vậy, tuy sự có mặt của chúng ta trong đạo tràng này rất khiêm tốn, nhưng chúng ta phải thấy rằng, chúng ta rất may mắn, so với nhiều người khác. Chúng ta phải biết phát khởi tâm Bồ đề thay thế cho những người chưa đủ

nhân duyên như chúng ta hôm nay mà lạy Phật giúp họ, làm mới thân tâm giúp họ và hồi hướng những gì tốt đẹp đến cho họ và mong cho họ có một ngày nào đó hội đủ nhân duyên, họ cũng sẽ lạy Phật sám hối làm mới thân tâm như chúng ta hôm nay.

Cho nên, chúng ta đến chùa Từ-đàm ở thành phố Birmingham không phải chỉ lạy Phật, sám hối cho riêng chúng ta, mà chúng ta còn lạy Phật, sám hối cho tất cả những gì liên hệ với chúng ta. Chúng ta phát Bồ đề tâm lạy Phật, sám hối cho hơn sáu ngàn người Việt đang cư trú trên Xứ sở sương mù này, dù họ là đạo Phật hay không phải đạo Phật. Chúng ta còn lạy Phật, sám hối cho những người dân ở vương quốc Anh, vì ít nhiều chúng ta đều có nhân duyên với xứ sở này, dù đó là nhân duyên tốt hay xấu. Nếu là nhân duyên tốt thì nguyện xin nuôi dưỡng và nếu là nhân duyên xấu thì nguyện xin chuyển hóa.

Rõ ràng, chúng ta tu tập với tâm Bồ đề, chứ chúng ta không tu tập vì lợi ích bản thân mình, mà chúng ta tu tập là vì lợi ích cho tất cả chúng sinh không phân biệt giới tính, chủng loại hay xứ sở.

Cho nên, chúng ta lạy Phật, sám hối, làm mới thân tâm là chúng ta không muốn sống trong bóng đêm của tội lỗi, chúng ta muốn từ nơi bóng đêm tội lỗi mà bước ra ánh sáng của thánh thiện. Chúng ta phải biết rằng, sám hối, làm mới cả thân tâm là rất khó, nhưng không phải không làm được, nếu chúng ta biết cố gắng trong sự kham nhẫn và thông minh.

Biết nương theo chư Phật

Chúng ta mỗi ngày phải biết sám hối để làm mới thân tâm của chúng ta và muốn sám hối có kết quả thì chúng ta phải làm gì? Chúng ta học theo hạnh của đức Phật Tỳ-bà-thi.

Đức Phật Tỳ-bà-thi dạy chúng ta rằng: "Kham nhẫn là khổ hạnh bậc nhất...". Nhờ kham nhẫn mà chúng ta nhiếp phục được tâm sân hận của chúng ta. Chúng ta phải biết kham nhẫn với những nhu cầu ở trong tâm mình và kham nhẫn với những nhu cầu của thân mình. Chúng ta phải thực hành kham nhẫn với những pháp của mình đã thọ và hành trì; chúng ta phải biết kham nhẫn với hoàn cảnh mà chúng ta đang sống, kham nhẫn để thực tập hạnh sám hối

hay làm mới thân tâm mỗi ngày.

Có khi chúng ta sám hối bằng cách thiết lập một đạo tràng để lễ sám, nhưng cũng có khi chúng ta sám hối trước bàn thờ Tam bảo của mình; hoặc có khi chúng ta sám hối trước chư Tăng; hoặc có khi chúng ta sám hối trước một vị Tỷ khưu Tăng; hoặc có khi tự mình sám hối với chính tâm của mình. Chúng ta có rất nhiều phương pháp sám hối để làm mới thân tâm của chúng ta. Điều kiện thuận lợi để sám hối là bằng cách nào, thì chúng ta thể hiện sám hối của chúng ta ở trong điều kiện ấy. Nhưng mọi phương pháp sám hối đều dựa vào tâm mà sám. Nếu chúng ta sám hối bằng tâm biết hổ thẹn mỗi ngày và chí thành không làm điều xấu ác nữa, thì tội lỗi chúng ta tạo ra trước đó tự giảm thiểu và tiêu diệt.

Nếu chúng ta đợi nửa tháng mới sám hối một lần, thì tội lỗi chồng chất lên, và có người không phải nửa tháng mà một tháng mới sám hối một lần; hoặc có những vị trải qua nhiều tháng, nhiều năm, nhiều đời kiếp mới sám hối thì tội lỗi rất khó mà tiêu diệt.

Cho nên, chúng ta cần phải thực tập hạnh sám hối mỗi ngày, ở trong sự tỉnh giác. Nghĩa là mọi hành hoạt trong đời sống hàng ngày, chúng ta phải lấy ba pháp quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng làm tiêu chuẩn, làm nơi y cứ để hành hoạt. Hễ bị lệch hướng ba pháp này là phải quay về điều chỉnh trở lại cho đúng hướng. Nếu chúng ta giữ Giới mà lệch với ba pháp quy y Phật, Pháp, Tăng thì phải điều chỉnh việc giữ Giới của mình cho thích ứng với ba pháp quy y này.

Cho nên, chúng ta kham nhẫn là để thực hành pháp sám hối mỗi ngày, làm mới thân tâm của chúng ta mỗi ngày. Kham nhẫn là một phép lạ giúp cho chúng ta làm mới thân tâm của chúng ta qua sám hối, lay Phật, ngồi thiền, niệm Phật, trì tụng minh chú...

Mỗi khi chúng ta đứng trước Tam bảo, xưng lên những danh hiệu của chư Phật để mà sám hối, khiến tự lực của chúng ta phát khởi và nó tương ứng với tha lực của các Ngài. Chư Phật đến với chúng ta từ bản nguyện thì chúng ta cũng từ nơi ý thức tự nguyện để đi đến với các Ngài, khiến hai nguyện lực ấy gặp nhau, tương thích với nhau và

sẽ hỗ trợ cho nhau không thể nghĩ bàn.

Nếu chúng ta không có ý thức tự nguyện, thì bản nguyện của các Ngài vốn có đó cũng như không đối với chúng ta. Nên, chúng ta cần có ý thức tự nguyện thì mới thích ứng được với bản nguyện của các vị Bồ tát và chư Phật. Chỉ có bản nguyện của chư Phật mà không có ý thức tự nguyện của chúng ta thì sám hối của chúng ta khó thành. Và chỉ có tự nguyện mà không có bản nguyện thì tự nguyện của chúng ta cũng khó thành, vì sao? Vì chúng ta còn ở trong phàm phu nên tự lực khó thành. Nên, việc sám hối làm mới thân tâm vừa có tự lực hay tự nguyện, vừa có tha lực hay bản nguyện tương tác hỗ trợ nhau, khiến việc làm mới thân tâm của chúng ta rất dễ thành tựu.

Đức Phật Tỳ-bà-đi dạy chúng ta làm mới thân tâm bằng hạnh "kham nhẫn", nhưng đức Phật Thi-khí lại dạy chúng ta làm mới thân tâm bằng "minh nhãn". Minh nhãn là đôi mắt sáng, đôi mắt của tuệ giác. Chúng ta làm bất cứ điều gì bằng đôi mắt tuệ giác, thì không rơi vào những sai lầm, tội lỗi.

Đức Phật Thi-khí dạy cho chúng ta: "Ví như người có mắt sáng, tránh được lối hiểm nghèo, người thông minh trong đời, tránh xa những xấu ác". Mắt sáng là nhờ tâm sáng. Tâm sáng là nhờ thực hành thiền định nhiếp phục phiền não. Do phiền não được nhiếp phục, nên căn bản của điều ác không sinh, tuệ giác phát sinh, thấy rõ con đường sinh tử là con đường bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết. Con đường ấy bị tác động bởi ái nghiệp, bởi ác nghiệp.

Vì vậy, chúng ta làm mới thân tâm bằng minh nhãn thông qua thiền định. Chúng ta hể sám hối thì tâm luôn luôn ở trong thiền định và từ nơi thiền định mà chúng ta nhiếp phục được ái nghiệp và ác nghiệp của chúng ta. Do ác nghiệp bị nhiếp phục, nên chúng ta tránh được đường hiểm sinh tử.

Như vậy, chúng ta sám hối hay làm mới thân tâm phải bằng minh nhãn. Muốn có minh nhãn, thì chúng ta phải ở trong thiền định và muốn có thiền định thì chúng ta phải thường trú ở trong Giới. Chúng ta ở trong Giới, thì điều ác tự xa lìa và điều thiện tự thành tựu.

Đức Phật Tỳ-xá-phù dạy cho chúng ta làm mới thân tâm thì nên "buông bỏ tâm ganh tỵ và tật đố, thực hành Giới thanh tịnh, ăn uống biết vừa đủ, sống ở nơi nhàn tịnh, tinh cần với niềm vui ở trong thiền định".

Tâm ganh tỵ, tâm tham lam, tâm biếng nhác, tâm xáo động làm cho chúng ta vào ra, lui tới hoài ở trong sinh tử khổ đau. Nên, Ngài dạy chúng ta buông bỏ những loại phiền não ấy đi để tâm được thanh tịnh. Thực tập buông bỏ những hạt giống xấu ấy nơi tâm ta mỗi ngày, chính là mỗi ngày chúng ta làm mới thân tâm của chúng ta.

Đức Phật Câu-lưu-tôn dạy chúng ta làm mới thân tâm mỗi ngày bằng cách "không nhìn lỗi người, tự quán sát lấy tâm mình".

Không nhìn lỗi người, bởi vì nhân duyên của người khác không phải là nhân duyên của mình, hoàn cảnh của người khác không phải là hoàn cảnh của mình, nghiệp báo của người khác không phải là nghiệp báo của mình, nên chúng ta đứng ở nơi điều kiện, nhân duyên, hoàn cảnh, nghiệp báo của chúng ta mà phê bình nhân duyên, nghiệp quả của

người khác là không chính xác, không đúng mà chỉ sinh ra phiền não cho mình mà thôi.

Nên, ngài Câu-lưu-tôn dạy không nhìn lỗi của người làm hay không làm mà nên quán sát thân tâm của mình đã làm cái gì và không nên làm cái gì. Với cách "tự quán chiếu thân hành" của ngài Câu-lưu-tôn dạy như vậy cũng là cách làm mới thân tâm của chúng ta mỗi ngày, cũng là phương pháp sám hối của chúng ta mỗi ngày rất tích cực. Mỗi ngày từ khi mở mắt vào buổi sáng, cho đến khi nhắm mắt vào buổi tối, chúng ta luôn luôn tự quán sát thân tâm của chúng ta, cái gì đã đổi mới và cái gì chưa đổi mới, để nuôi dưỡng những cái tốt đẹp mà thân tâm đã đổi mới và chuyển hóa những cái cũ không tốt đẹp mà thân tâm chưa đổi mới.

Đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni cũng dạy cho chúng ta phương pháp tu tập sám hối hay làm mới thân tâm bằng phương pháp sám hối "tinh cần ở trong Thánh pháp". Tinh cần ở trong Thánh pháp thì chuyển hóa được tâm buông lung và buông bỏ được những khổ đau sâu muôn do ái nghiệp đem lại. Nói cách khác, tinh cần thực tập

Chánh tinh tấn ở trong Bát chánh đạo, thì mọi điều ác đều được nhiếp phục và mọi điều lành đều được sinh khởi. Nghĩa là, sám hối chính là làm cho điều ác đã sinh liền diệt; điều ác chưa sinh thì không thể sinh; điều thiện đã sinh thì làm cho tăng trưởng, điều thiện chưa sinh thì làm cho chúng có thể sinh.

Như vậy, đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni dạy cho chúng ta sám hối là buông bỏ những hạt giống ái nghiệp ở nơi tâm chúng ta, buông bỏ những hạt giống ngã ái nơi tâm chúng ta. Nên, buông bỏ mọi hạt giống chấp ngã thì thân tâm của chúng ta mới có cơ hội đổi mới.

Đức Phật Ca-diếp dạy chúng ta, muốn làm mới thân tâm thì phải giữ tâm trong sạch, gọi là "tự tịnh kỳ ý". Tâm ý tự thanh tịnh, thì điều ác không thể xảy ra ở nơi thân và ngữ của chúng ta và mọi điều thiện đều có điều kiện tập hợp để sinh khởi trong đời sống của chúng ta. Giới học Phật giáo có tác dụng làm cho điều ác không sinh khởi và làm cho điều thiện sinh khởi. Tự tịnh kỳ ý là thiền định, nhờ thiền định mà mọi xấu ác nơi tâm ý đều được nhiếp phục.

Nên, muốn làm mới thân tâm thì phải thực tập giới ở trong định và thực tập định ở trong giới. Do giới và định tương tác hỗ trợ với nhau mà các phiền não nơi tâm được nhiếp phục, khiến tâm thanh tịnh từ cạn đến sâu, từ toàn thể đến nhất điểm, chúng làm nền tảng cho tuệ sinh khởi.

Nên, đổi mới thân tâm bằng con đường của giới, định và tuệ. Sám hối, giải trừ mọi oán đối, nghiệp chướng, tội chướng cũng từ nơi con đường này. Chính từ nơi con đường này mà các đạo tràng sám hối trong Phật giáo được thiết lập.

Đức Phật Thích-ca dạy làm mới thân tâm là làm cho ba nghiệp thanh tịnh, gọi là "tam nghiệp đạo tịnh".

Tam nghiệp đạo tịnh là làm cho thanh tịnh ba nghiệp đạo thuộc về thân, ngữ và ý.

Nên, làm mới thân tâm là đổi mới ba nghiệp từ nhiễm ô sang thanh tịnh; từ phiền não sang bồ đề; từ sinh tử sang niết bàn. Chúng ta phải tự tu tập, sám hối, để làm mới ba nghiệp của chúng ta mỗi ngày.

Nền tảng của sự đổi mới

Vua Trần-nhân-tông khi xuất gia có sự giác ngộ sâu xa đối với Phật pháp liền dâng Pháp tòa mà khai thị cho đại chúng. Trong đại chúng có vị hỏi: "Phật Pháp Tăng là gì?". Ngài giải thích như trước đó Ngài đã từng giải thích. Vị Tăng kia nói: "Chuyện đó là cũ rồi, sao Ngài cứ nói hoài?". Bấy giờ vua Trần-nhân-tông nói: "Nhất hồi niệm xuất, nhất hồi tân". Nghĩa là "một lần nêu lên là một lần mới".

Khi mình mới bắt đầu quy y và nói "Con quy y Phật Pháp Tăng". Và bây giờ mười năm, hai mươi năm thì mình vẫn nói "Con quy y Phật, con quy y Pháp, con quy y Tăng". Cũng cách nói quy y ấy, nhưng cách nói "Con quy y Phật, con quy y Pháp, con quy y Tăng" hôm nay so với 20 năm trước, thì cách nói bây giờ rất mới. Nó mới, bởi vì chúng tử Phật, Pháp, Tăng đã được huân tập và nó đã thuần chủng trong tâm thức của ta và khi Phật, Pháp, Tăng đã trở thành chúng tử thuần thực ở trong tâm thức của ta, ta lại có cách nhìn mới về những cảm thọ, tri giác và tâm hành nơi chính mình, nơi những người xung quanh mình và ngay nơi thế giới mà mình đang tiếp xúc.

Hôm nay ta vẫn nói ba pháp quy y Phật Pháp Tăng, ngày mai ta cũng nói ba pháp này, ta cũng thực hành theo ba pháp này, ta cũng sẽ thấy tâm ta đổi mới và ta cũng có cách nhìn rất mới, rất sâu xa đối với ba pháp này.

Nếu chúng ta thực tập pháp sám hối dựa trên nền tảng quy y Phật Pháp Tăng, thì mỗi ngày sám hối của chúng ta, tâm ta cũng có nhiều đổi mới, đổi mới đến nỗi tinh thuần trong sáng, không còn có bất cứ một bợn nhơ nào nữa cả.

Nhờ thực hành pháp sám hối trên nền tảng quy y Phật Pháp Tăng khiến tâm mình tự đổi mới, phiền não không còn điều kiện để sinh ra, nghiệp chướng không còn có cơ hội để biểu hiện, báo chướng tự giảm thiểu. Vì vậy, vua Trần-nhân-tông nói: "Một lần nêu lên là một lần mới".

Đi vào hiện đại

Trong mười đại nguyện của Bồ tát Phổ-hiền, đại nguyện thứ tư là "sám hối nghiệp chướng". Nghĩa là Bồ tát thực hành pháp sám hối không phải mỗi tháng, không phải mỗi tuần, không phải mỗi ngày mà Bồ tát sám hối trong từng phút giây hiện tiền bằng tất cả sự tỉnh giác trong mọi hành

hoạt, khiến cho mọi hoạt khởi của thân, khẩu, ý không liên hệ phiên não, không rơi vào các ác nghiệp.

Bồ tát không phải chỉ biết sám hối cho bản thân mình mà còn đại vị cho hết thảy chúng sanh để sám hối nữa. Càng sám hối thì gốc sinh ra tội lỗi càng tiêu trừ, thiện căn càng lúc càng tăng trưởng, phúc đức sinh ra, tai họa tự giảm xuống, chứ không có một thân linh nào đứng phía sau hay đứng trên đời sống của chúng ta để ban phúc giáng họa đến chúng ta. Họa là từ nơi tâm bất thiện của chúng ta sinh khởi. Phước là tự nơi thiện tâm của chúng ta mà biểu hiện.

Vì vậy, chúng ta phải lạy Phật ở trong sự tỉnh giác. Chúng ta thực hành Pháp ở trong sự tỉnh giác. Chúng ta kính trọng và hộ trì Tăng ở trong sự tỉnh giác. Sám hối thiết thực nhất, có khả năng chuyển hóa nghiệp chủng xấu ác của chúng ta nhất là sự thực hành sám hối với tâm Bồ đề, với nguyện và hạnh Bồ đề trên nền tảng quy y Tam bảo.

Phật là sự giác ngộ toàn hảo và cũ nhất, vì sự giác ngộ ấy vốn có nơi tâm tính của hết thảy chúng sanh từ vô thủy; và Phật cũng là hiện đại nhất, vì không có sự hiện đại nào

hiện đại hơn Phật tính nơi mỗi chúng sinh mà tự thân của mỗi chúng ta khám phá hoài không hết, đo lường mãi nhưng vẫn không cùng, sử dụng mọi lúc, mọi khi cho mọi thành phần xã hội, nhưng không bao giờ cạn kiệt.

Vì vậy, Phật và Phật tính thì lúc nào và ở đâu đối với hết thảy chúng sinh cũng đều là hiện đại. Nên, càng tu theo Phật thì càng mới và càng sấm hối thì càng đi sâu vào cảnh giới mới tinh và hiện đại của Phật.

Niềm tin và trách nhiệm

Mỗi khi ăn cơm, tôi đều chắp tay cung kính và nói: "Con quy y Phật, con quy y Pháp, con quy y Tăng. Con xin sám hối tất cả nghiệp chướng của con đã tạo ra do ăn uống đem lại. Nguyên cho tất cả thực phẩm này khi vào trong cơ thể con, khiến cho những người có công phu lao tác tạo nên thực phẩm này cũng đều biết tu tập chuyên hóa thân tâm, khiến cho họ sống ở đâu cũng an lạc ngay trong đời này và cả đời sau, cũng đem lại nhiều lợi ích cho mọi người và muôn loài".

Chúng ta ăn bằng quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng,

bằng sự sám hối và biết ân như vậy, khiến nghiệp chướng, tội chướng, báo chướng của chúng ta tiêu trừ, bao nhiêu công đức đều được thành tựu. Chúng ta ăn như vậy, không những có tác dụng chuyển hóa nghiệp lực của chúng ta từ ác sang thiện mà còn chuyển hóa thiện hữu lậu trở thành thiện vô lậu, chuyển hóa nghiệp lực trở thành nguyện lực.

Do đó, Phật tử chúng ta đem pháp sám hối ứng dụng vào mỗi ngày trong cuộc sống, chứ không phải chỉ mỗi nửa tháng đi đến chùa sám hối một lần là đủ.

Người Phật tử đúng nghĩa, không phải mỗi nửa tháng đến chùa một lần để sám hối, mà phải đến chùa mỗi ngày để học hỏi và hộ trì Tam bảo. Bởi, khi quy y Tam bảo, thọ trì năm Giới quý báu, người quy y trở thành người Cận sự nam hay Cận sự nữ, nghĩa là người nam hay người nữ gần gũi Tam bảo, gần gũi chúng Tăng để được học hỏi và hộ trì Tam bảo, có trách nhiệm đối với sự thịnh suy của Tam bảo.

Người có niềm tin đối với Tam bảo nhưng chưa có điều kiện để quy y và thọ trì năm Giới quý báu, họ chỉ đứng ở phạm vi tín đồ Phật giáo mà chưa thể gọi là Phật tử có

trách nhiệm đối với sự thịnh suy của Phật Pháp. Người có trách nhiệm đối với sự thịnh suy của Phật Pháp phải là Phật tử có thọ trì Tam quy và Ngũ giới.

Trước khi chấm dứt thời Pháp thoại, tôi rất biết ơn Thượng tọa Phước-huệ, Thượng tọa Tâm-hiền, vì hai Thượng tọa đã đại diện Tam bảo, kế thừa mạng mạch của chư Tổ, rất kham nhẫn mà dựng lên ngôi chùa Từ-đàm tại Xứ sở sương mù này để làm nơi tu học cho quần chúng Phật tử. Đó là điều chúng tôi vô cùng cảm kích. Cảm ơn quý Thầy và đồng thời cũng tán dương tinh thần tu học của các Phật tử đang có mặt ở nơi đây hoặc chưa đủ duyên ở đây, nhưng cũng thường lui tới để hộ trì ngôi Tam bảo tại đây.

Xin quý vị tinh tấn hơn nữa, dũng mãnh hơn nữa, thương yêu nhau và quý mến nhau hơn nữa, để luôn luôn hỗ trợ cho hai Thượng tọa Phước-huệ và Tâm-hiền, thực hiện các Phật sự một cách tốt đẹp nơi xứ người. Thầy trò Tăng Ni và Phật tử đệ tử của đức Thế Tôn chúng ta luôn có mặt bên nhau và trong nhau để cùng nhau tu học, tạo thành niềm an lạc cho nhân loại và muôn loài chúng sinh, nhằm báo đáp được công ơn của Cha mẹ, Tổ tiên nội ngoại, công ơn của giang

son Tổ quốc ở trong gia đình huyết thống và công ơn của lịch đại Tổ sư của gia đình tâm linh. Và chúng ta nguyện dù sinh ra ở đâu, dưới hình thức nào, chúng ta cũng làm con Phật, chúng ta mãi gặp nhau trong hạnh nguyện Từ bi thực hành Chánh pháp lợi lạc muôn loài.

Nam mô Thường Tinh Tấn Bồ tát Ma-ha-tát!

Đệ tử Nhuận-pháp-nguyên kính phiên tả.

CÓ PHƯỚC ĐỨC XIN ĐỪNG HƯỞNG HẾT

Nam mô Bổn sư Thích-ca-mâu-ni Phật.

Kính bạch Hòa thượng viện chủ Tự viện Long-phước.

Kính thưa quý vị quan khách.

Cùng bà con hiện diện hôm nay quý mến!

Hôm nay là ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại chùa Long-phước, xã Phước-thuận, huyện Tuy-phước, tỉnh Bình-định. Chúng tôi xin thay mặt phái đoàn trân trọng kính chúc Hòa thượng viện chủ, quý vị quan khách, cùng bà con hiện diện hôm nay vô lượng an lành.

Sau đây, chúng tôi xin chia sẻ đến bà con một vài điều. Xin quý vị hoan hỷ lắng nghe.

Thưa quý vị!

Trong văn học Việt-nam, tổ tiên Việt-nam chúng ta có nói rằng:

"Lênh đênh qua cửa Thần phù,

Khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm".

Cửa Thần phù là cửa nào? Đó là cửa sống chết bất thường ở nơi cõi đời này đây. Cho nên, ở trong cõi đời này, người nào biết tu tập, có phước đức thì người ấy không bị khổ đau, không bị sinh tử nhân chìm. Người ấy sẽ nổi lên, sẽ vươn lên từ đời sống biết tu tập phước đức của mình. Những người nào thiếu tu tập, kém phước đức, thì những người ấy bị tai nạn nhân chìm trong sinh tử.

Ở trong đời sống gia đình, vợ không chung thủy với chồng, chồng không chung thủy với vợ, cha mẹ không hết lòng nuôi dạy con cái, con cái bất hiếu đối với cha mẹ, đó là những người kém phước đức, cho nên bị sinh tử nhân chìm trong khổ đau.

Những người có phước đức là ai? Đó là những người làm cha mẹ hết lòng với con cái, biết hy sinh đời sống của

mình cho con cái và con cái hết lòng hiếu kính với cha mẹ; ấy là những người làm vợ hay làm chồng sống chung thủy với nhau; thầy trò biết chăm sóc lo lắng cho nhau về mặt trí thức, về mặt đạo đức; vua quan biết chăm sóc đời sống tốt đẹp cho dân, người dân biết giữ lễ, cảm ân nghĩa từ vua quan... Đó là những người có phước đức. Khi mà có phước đức rồi thì tai nạn đến với mình, nặng thành nhẹ, nhẹ thành không có chuyện gì xảy ra. Trái lại, người kém phước đức, chuyện bất an nhỏ thành ra chuyện bất an lớn, tai họa nhỏ thành tai họa lớn.

Thưa quý vị!

May mắn thay ở nơi địa phương chúng ta có ngôi chùa Long-phước. Ngôi chùa luôn luôn là nơi hội tụ linh khí của quê hương, biểu tượng tình cảm tâm linh của xóm làng, cùng chung lao cộng khổ với mọi thành phần xã hội, nên mất chùa là mất quê hương, mất xứ sở. Vì vậy, ngạn ngữ Việt-nam nói rằng: "Chùa tan là làng nát". Và trong văn học Việt-nam, tổ tiên chúng ta nói:

"Quê tôi có gió bốn mùa,
Có trăng giữa tháng, có chùa quanh năm;
Chuông khuya gió sớm trăng rằm,
Chi thanh đạm thế, âm thầm thế thôi;
Mai này tôi bỏ quê tôi,
Bỏ trăng, bỏ gió, chao ôi bỏ Chùa!".

Cho nên, ngôi chùa của quê hương Việt-nam không phải nằm bên ngoài xã hội mà nằm trong lòng của Dân tộc Việt-nam. Nó không đứng bên lề lịch sử mà nằm trong lòng lịch sử của Dân tộc Việt-nam, cùng chung số phận thịnh suy của đất nước.

Cho nên, ở nơi quê hương chúng ta ngôi chùa mang tên Long-phước có ý nghĩa gì? Long là sự hưng vượng, hưng thịnh và phước là phước đức. Nghĩa là ngôi chùa làm hưng vượng phước đức cho quê hương, cho dân làng chúng ta. Những người nào biết đem tâm hộ trì Tam bảo, bỏ ác làm lành, giữ tâm ý thanh tịnh, người ấy sẽ làm cho phước đức

của mình hưng thịnh ra, không phải hưng thịnh đời này mà còn hưng thịnh muôn đời về sau.

Cho nên, từ xa xưa, Vạn-hạnh thiền sư đã cố vấn cho Lý-công-uẩn tức là vua Lý-thái-tổ của chúng ta đời Lý, cách đây hơn ngàn năm, dời kinh đô từ Hoa-lư về Thăng-long vì lợi ích cho dân tộc cả ngàn năm. Nhờ tầm nhìn chiến lược như vậy, mà dân tộc chúng ta đã trải qua bao nhiêu biến cố lịch sử thăng trầm, nhưng vẫn không mất chủ quyền, chúng ta vẫn giữ được nước. Có những lúc dân tộc chúng ta chủ quyền bị mất đi tạm thời, nhưng chúng ta vẫn giành lại được chủ quyền.

Vì vậy mà người xưa nói: "Mái chùa che chở hồn dân tộc, nếp sống muôn đời của Tổ tông" là vậy đó.

Do đó, tôi xin thay mặt phái đoàn, cảm ơn Hòa thượng viện chủ chùa Long-phước đã, đang và sẽ tiếp tục làm cho phước đức tăng trưởng ở nơi quê hương chúng ta, làm cho phước đức tăng trưởng không những chỉ lớn mạnh ở xã Phước-thuận, huyện Tuy-hòa, tỉnh Bình-định mà phước đức đó còn chảy dài cả giang sơn chúng ta từ ải Nam-quan

đến mũi Cà-mau và không những chỉ dừng lại ở đó, mà phước đức của quê hương chúng ta sẽ đóng góp sự an lạc và thịnh vượng cho cả toàn thể nhân loại.

Ở đâu có ngôi chùa, ở đó phước đức tăng trưởng và được nuôi lớn. Phước đức tâm linh, phước đức giác ngộ, không những chỉ che chở cho cả thế giới con người mà còn che chở cho muôn loài chúng sinh. Phước đức còn chan hòa và bảo vệ thiên nhiên để cho muôn loài sống trong yên ổn, thái bình. Ở nơi nào mà con người biết tu nhơn, tích đức thì ở nơi đó con người biết biến những khó khăn trở thành thuận lợi; biết biến cái phi nhân tính trở thành nhân tính; biết biến cái không dễ thương trở thành dễ thương; biết biến chiến tranh trở thành hòa bình.

Vì vậy, chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử thuộc các Giáo hội Phật giáo ở Hải ngoại, tuy không phải giàu có vật chất nhưng lại giàu có lòng Từ bi, nên luôn luôn nghĩ về quê hương, nghĩ đến những người nghèo khổ. Hễ nghe ở đâu có động đất, có sóng thần, có tai nạn bão lũ thì quý vị đều quan tâm đến để chia sẻ, hoặc nhịn ăn, nhịn mặc, hoặc lạc quyền để chia sẻ đến những nơi tai nạn.

Hôm nay cơn bão số 12 đã đến với quê hương chúng ta, gây thiệt rất lớn cho bà con của chúng ta.

Khi thiên tai hay nhân tai đã đến thì không kể giàu hay nghèo, sang hay hèn, trí thức hay bình dân, chính quyền hay dân đen, hễ tai nạn mà đến thì chúng không trừ một ai!

Vì vậy, tình thương của Phật giáo đến với quý vị, không phân biệt giàu nghèo, không phân biệt sang hèn, không phân biệt quan điểm chính kiến hay Tôn giáo mà chỉ nghĩ đến những người tai nạn đang khổ đau, cần phải cứu giúp, cần phải giúp đỡ họ khắc phục cuộc sống.

Do đó, phái đoàn chúng tôi hôm nay có mặt với bà con không ngoài mục đích là làm theo lời Phật dạy, đem tình thương đi tới với bà con để an ủi, vỗ về, chia sẻ với bà con trong lúc đang gặp hoạn nạn. Món quà tuy nhỏ, nhưng ấm áp trong tình đạo, tình người. Trong bì thư này có bốn trăm ngàn đồng và một bao gạo 8 cân.

Thưa quý vị!

Người xưa nói: "Hữu phước bất khả hưởng tận". Nghĩa là

mình có phước không nên hưởng hết, mà nên dành lại một ít để chia sẻ đến người nghèo khó hơn mình. Tất cả chúng ta đang sống trong hoàn cảnh "lá lành đùm lá rách, lá rách đùm lá nát, lá nát đùm lá bậy!".

Cho nên, trong bốn trăm ngàn đồng này, chúng tôi mong bà con chỉ sử dụng ba trăm tám mươi ngàn thôi, dành lại hai mươi ngàn, để làm gì? Để mình có thể chia sẻ đến những người còn nghèo hơn chúng ta. Đối với 8 cân gạo, quý vị khi nấu cơm xong, đơm một chén cơm cúng dường Phật hay Chúa, Tổ tiên do gia đình mình thờ tự, còn ai không có bàn thờ gì hết thì cúng dường cho đất đai, cho hồn thiêng sông núi. Nếu làm được như vậy thì phước đức của chúng ta không bao giờ bị cạn kiệt, con cháu của chúng ta sẽ muôn đời hưởng được phước đức của chúng ta, tai nạn của chúng ta sẽ được hóa giải, phước đức của chúng ta sẽ được hưng long. Do đó, chúng tôi đã xin phép Hòa thượng viện chủ được phát quà này tại ngôi chùa Long-phước với ý nghĩa những người nhận được quà hôm nay, qua cơ duyên này mà phước đức được hưng long lên, được tăng trưởng lên, được phát triển lên trong mọi không

gian, trong mọi thời gian.

Đó là những gì chúng tôi xin phép được gửi đến tất cả bà con của chúng ta hôm nay. Kính chúc bà con có nhiều an lạc, hạnh phúc, vượt qua mọi khó khăn trước mắt, để tiến bước tới một con người có đầy đủ phước đức và trí tuệ.

Nam mô A-di-đà Phật.

Đệ tử Nhuận-pháp-nguyên kính phiên tả.

PHƯƠNG PHÁP CHUYỂN HÓA ĐỜI SỐNG NGHÈO KHÓ VÀ TẠI NẠN

*Pháp thoại thầy Thích-thái-hòa chia sẻ đến bà con tại chùa Linh-son,
xã Ninh-trung, huyện Ninh-hòa, tỉnh Khánh-hòa nhân chuyến đi ủy
lạo của Giáo hội Phật giáo Âu châu ngày 21.11.2017*

Nam mô Bổn sư Thích-ca-mâu-ni Phật.

Thưa Thượng tọa trú trì chùa Linh-son, xã Ninh-trung, thị xã Ninh-hòa, tỉnh Khánh-hòa.

Thưa bà con xã Ninh-trung có nhân duyên trong buổi phát quà này quý mến!

Địa tai là do đất chuồi, do động đất đem lại; thủy tai là tai nạn do lũ lụt, sóng thần đem lại; hỏa tai là tai nạn do lửa đem lại; phong tai là tai nạn do cuồng phong, gió chướng đem lại; nhân tai là tai nạn do con người sống với nhau, đối xử với nhau bằng chất liệu tham, sân, si, kiêu mạn đem lại.

Tai nạn đã xảy đến với mỗi chúng ta có nhiều trường hợp khác nhau, nhưng trường hợp nào đi nữa, thì khi tai nạn đã xảy ra, nó không phân biệt là giàu hay nghèo, sang hay hèn, trí thức hay bình dân, quyền quý hay dân dã và mỗi khi tai nạn đã xảy ra với bất cứ ai, bất cứ lúc nào, thì có hai điều mà chúng ta cần lưu ý, đó là hên và xui, may và rủi. Hên hay may, thì tai nạn xảy ra ít; xui và rủi thì tai nạn xảy ra nhiều và có khi dồn dập.

Vì vậy, món quà của chư Tôn đức của Giáo hội Phật giáo Âu châu cũng như chư vị Phật tử trực thuộc Giáo hội tự mình chia sẻ, tự mình vận động và đã ủy cử Thượng tọa Thích-thông-trí, Tổng vụ trưởng Tổng vụ Thanh niên của Giáo hội trực tiếp về đây để thăm viếng, chia sẻ với bà con chúng ta, trong hoàn cảnh xui xẻo này.

Hễ mỗi khi tai nạn do đất, nước, gió, lửa hay do con người tạo ra, thì không kể là giàu hay nghèo, sang hay hèn. Vì vậy, phần quà này đến với quý vị, nếu ai mà xui xẻo nhất trong tai nạn do cơn bão số 12 đem lại, thì những vị đó đã có nhân duyên với lá phiếu báo nhận quà, qua Thượng tọa trú trì chùa Linh-sơn hay đã nhận được lá phiếu nhận quà

từ những vị có trách nhiệm ở nơi phùng, xã chọn lựa, nên quý vị bây giờ đang có mặt ở trong ngôi chùa này để nhận quà cứu trợ bão lũ trực tiếp từ Phật giáo chúng tôi.

Và quý vị đang ngồi đây, quý vị có thấy không, ngôi Chánh điện của chùa chưa hoàn thành, thiền đường đang bị xiêu vẹo, nghiêng đổ bởi cơn bão, đức Phật và chư Tổ cũng đang ngồi trong ngôi chùa bị trời mưa dột nát, xiêu vẹo do cơn bão số 12 đem lại, chúng tôi nhìn thấy như vậy rất đau lòng.

Tuy nhiên, Phật ngồi đó giữa mưa bão, giữa sóng gió cuộc đời để làm chứng cứ cho những gì bất hạnh của thế gian và làm chỗ nương tựa cho thế gian tu tập vượt qua những nỗi bất hạnh của chính nó.

Chúng sanh đau khổ làm sao Phật ngồi bất động ở trong một ngôi chùa nguy nga, tráng lệ được? Chúng sanh đau khổ bởi những ách nạn, Tăng Ni Phật tử không thể ngồi yên trong chùa để tu học mà phải nhấn thân cứu giúp, trong điều kiện của mình đang có thể, để chia sẻ một phần nào tai ương mà bà con đang gánh chịu.

Nên, đức Phật, chư Tổ đang ngồi trong ngôi chùa Linh-sơn xiêu vẹo, đổ nát này là để chia sẻ những đau thương mất mát của cư dân trong vùng bão lũ này.

Thưa quý vị!

Thiên tai chúng ta có thể tránh được, nhưng mà nhân tai thì không cách nào chúng ta thoát khỏi, vì sao? Vì nhân tai là chính do lòng tham con người tạo ra. Do con người chạy theo lòng tham lam quá độ, cho nên họ sử dụng những văn minh khoa học kỹ thuật để bóc lột trời đất, khai thác hầm mỏ, chặt phá núi rừng, đánh bắt muông thú, tàn hại thiên nhiên, nhiễm ô sông nước, hủy hoại đất đai, hủy hoại môi trường sống của loài người và muôn vật, tất cả những việc làm ấy để thỏa mãn tham dục. Nhưng thử hỏi, tham dục của con người có khi nào thỏa mãn?

Do những hành xử bất minh của con người đối với trời đất, với thiên nhiên và muôn vật như vậy, nên chính đó là nhân duyên tạo thành oán đối giữa trời đất với con người, giữa thiên nhiên với con người và giữa muôn vật với con người, khiến trời đất nổi lên những cơn thịnh nộ đối với

con người, muôn vật ghét bỏ con người, sự sống từ chối con người và hậu quả cuối cùng, khiến cho người hiền cũng như kẻ dữ, người may cũng như kẻ rủi, người trí cũng như kẻ thường dân đều lãnh đủ tai nạn, do bởi những vô minh, tham vọng của con người lạm dụng khoa học tạo ra.

Núi do con người phá, nên núi lở; sông do con người chặn lại đầu nguồn, làm tắt nghẽn mạch nước luân lưu, nên ô nhiễm; biển do con người thử nghiệm những loại vũ khí độc hại ở dưới lòng sâu, nên sóng thần; ruộng đồng do con người xịt thuốc diệt cỏ, nên đất đai không tái tạo được màu mỡ, những sinh chất... Tất cả những việc làm đó của con người đã tạo thành nhân tai.

Vì vậy, tôi mong rằng, tất cả chúng ta cố gắng tu tập, bỏ bớt lòng tham của mình, tôn trọng những giá trị thực tế của môi trường sống và để tâm hướng tới những vị nghèo khổ hơn mình. Mình tuy nghèo, nhưng giờ này, mình đang có miếng cơm để ăn, manh áo để mặc, có ngôi nhà lụp xụp để nghỉ ngơi, nhưng cũng có đôi người giờ này không có cháo để ăn; cũng có người giờ này không có hồ để ăn;

không đủ áo quần để mặc..., và cũng có những người giờ phút này không có nước sạch để uống, không có điện để thắp. Trong những hoàn cảnh như vậy, khiến không những lá lành đùm lá rách, mà lá rách lại đùm lá nát.

Chư Tôn đức Tăng Ni Phật tử ở Âu châu cũng không phải giàu có gì, chính bản thân chúng tôi là những bản Tăng, "xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo", nhưng mà chúng tôi vẫn sống trong tình cảm quê hương, trong tình tự dân tộc, trong những tình cảm với những người dân khổ khó, cho nên đã nỗ lực vận động tất cả những gì có thể có được và trực tiếp cấp thời đến đây, để chứng kiến và chia sẻ phần nào đến với bà con không may mắn gặp phải cơn bão 12 gây ra nhiều tai nạn thiệt hại.

Thiệt hại vật chất chúng ta có thể khắc phục được trong nay mai, nhưng có nhiều gia đình thiệt hại về nhân mạng trong cơn bão này, nó đã cuốn đi nhiều người cha thân yêu của chúng ta, nhiều bà mẹ thân yêu của chúng ta, nhiều người con thân yêu của chúng ta, có những người bị cuốn đi mất không tìm ra thân xác, nhưng cũng có người còn lại thì bị tật nguyên, khôn khổ. Do đó chúng tôi học theo hạnh

từ bi của đức Phật, hạnh cứu khổ của các vị Bồ tát và nhất là Bồ tát Quán-thế-âm, cho nên chúng tôi có của ít mà lòng nhiều, chúng tôi đã có mặt ở đây, xin chia sẻ trực tiếp đến bà con. Quý vị nhận món quà này, tuy không đáng vào đâu hết so với sự thiệt hại của mình, nhưng lại là tấm lòng chân thành của Phật giáo chúng tôi đến với bà con trong hoàn cảnh bão lũ này.

Mặc dù phần quà tuy nhỏ mọn, chỉ có bốn trăm ngàn đồng với năm cân gạo, nhưng chúng tôi xin đề nghị với bà con rằng, năm cân gạo này quý vị về nhà nấu một nồi cơm cho gia đình, trước khi dùng cơm, quý vị đơm một chén cơm nhỏ dâng lên cúng dường Tổ tiên của mình, dâng lên cúng những người đã qua đời, cầu nguyện cho những vị đó được trọng thừa công đức, siêu sinh về cảnh giới an lành, sau đó cả gia đình mới dùng cơm. Còn bốn trăm ngàn đồng này, quý vị không nên tiêu hết, nên trích ra mười ngàn để quý vị có thể chia sẻ đến những người chung quanh mình mà quý vị cảm thấy họ là người nghèo nhất, để quý vị cảm nhận ra rằng, mình còn may mắn hơn những vị này.

Nếu quý vị làm được như vậy, quý vị sẽ đẩy cái nghèo khó từ từ ra khỏi tâm hồn và đời sống của quý vị. Quý vị sẽ đẩy được mọi tai nạn ra khỏi cuộc sống của quý vị. Vì sao như vậy? Bởi vì mỗi khi con người làm bất cứ cái gì mà đều biết ơn người khác, nghĩ đến người khác trước khi nghĩ đến mình, biết chia sẻ những khó khăn với người khác, biết đồng lao cộng khổ với người khác, thì phước đức ở nơi người ấy bắt đầu phát sinh, tai nạn bắt đầu lùi dần, điều hên sẽ đến với mình, điều xui tự nó sẽ thoát ra khỏi mình. Đó là những gì chúng tôi có mặt ở đây muốn chia sẻ đến quý vị hơn là bì thư bốn trăm ngàn đồng và hơn là một bao gạo năm cân. Xin tất cả bà con hoan hỷ tiếp nhận buổi chia sẻ của chúng tôi hôm nay đối với ý tưởng này.

Và nếu mình quá nghèo không có tiền, không có những điều kiện vật chất để chia sẻ đến những người nghèo khó hơn mình, thì mình thấy ai làm được việc đó, liền sinh tâm tùy hỷ, tán đồng. Hoặc mình đi đường có những người không biết đường, họ hỏi đường thì mình cũng nhiệt tâm, nhiệt tình hoan hỷ vui vẻ mà chỉ đường cho người ta. Đó

cũng là một cách mình làm giàu phước đức của mình. Mỗi khi chúng ta đã giàu có phước đức, giàu có tâm hồn, thì cái nghèo khó của chúng ta cũng từ từ thoát ra.

Thưa quý vị !

Ở đời có bốn hạng người giàu và nghèo mà quý vị cần lưu ý.

Hạng người thứ nhất: Giàu vật chất mà nghèo tâm hồn. Đối với hạng người giàu vật chất mà nghèo tâm hồn, đó là cái giàu tạm thời, nhưng nghèo vĩnh viễn sẽ xuất hiện với họ.

Hạng người thứ hai: Nghèo vật chất, nhưng giàu tâm hồn, thì đó là cái nghèo tạm thời, mà cái giàu vĩnh viễn sẽ đến với họ.

Hạng người thứ ba: Vừa giàu vật chất, vừa giàu tâm hồn. Đây là hạng người giàu có lâu dài, là hạng người cao quý chúng ta cần phải noi gương để học hỏi.

Hạng người thứ tư: Nghèo vật chất mà cũng nghèo tâm hồn. Đối với hạng người này là nghèo vĩnh viễn và mỗi khi một người rơi vào đời sống nghèo vĩnh viễn rồi, thì

cho dù một người đại tử phú đem cả một tài sản lớn mà giúp cho cái người nghèo vật chất và nghèo tâm hồn này, thì người ấy cũng chỉ khá lên một thời gian ngắn, nhưng không bao lâu cũng sẽ nghèo trở lại mà thôi.

Cho nên, chúng tôi mong rằng, tất cả chúng ta dù có nghèo vật chất đi nữa, nhưng chúng ta đừng để nghèo tâm hồn, vì nghèo tâm hồn chúng ta sẽ nghèo tình cảm, sẽ nghèo tình người. Chúng ta đừng bao giờ là người giàu vật chất mà nghèo tâm hồn và đừng bao giờ làm người nghèo vật chất và nghèo luôn cả tâm hồn. Xin quý vị lưu ý cho điều này. Xin quý vị luôn luôn nuôi lớn tâm từ bi, tâm phước đức của chúng ta mỗi ngày.

Xin quý vị giữ yên lặng, cùng chấp tay với chúng tôi niệm mười danh hiệu Bồ tát Quán-thế-âm, để xin Ngài da hộ cho chúng ta sống thoát khỏi cái nghèo khổ vật chất, cái nghèo khó tâm hồn để chúng ta thật sự làm con người nghèo vật chất nhưng giàu tâm hồn, để trong tương lai chúng ta trở thành con người giàu vật chất, giàu tâm hồn, khiến chúng ta sống hạnh phúc an lành nơi thế giới cõi người này, làm nền tảng để chúng ta bước lên những thế

giới cao hơn.

Xin quý vị chấp tay lại cùng chúng tôi niệm mười danh hiệu Bồ tát Quán-thế-âm.

Nam mô Đại bi Quán-thế-âm Bồ-tát (niệm mười lần).

Chúng tôi xin cảm ơn Thượng tọa trú trì chùa Linh-sơn ở xã Ninh-trung, thị xã Ninh-hòa, tỉnh Khánh-hòa.

Xin cảm ơn Ban hộ tự của chùa.

Xin cảm ơn quý vị đại diện Chính quyền các cấp đang có mặt ở nơi buổi chia sẻ này. Xin cảm ơn bà con đã có mặt hôm nay cùng với chúng tôi trong sự chia sẻ này. Xin cảm ơn tất cả!

Nam mô A-di-đà Phật.

Đệ tử Nhuận-pháp-nguyên kính phiên tả

NUÔI DƯỠNG VÀ TIẾP NỐI CỘI NGUỒN

Nam mô Bốn sư Thích-ca-mâu-ni Phật.

Thưa bà con có mặt tại chùa Quang-son, xã An-hiệp, huyện Tuy-an, tỉnh Phú-yên quý mến!

Hôm nay là ngày 9 tháng 10 năm Đinh-dậu, tức ngày 26/11/2017, tại chùa Quang-son, xã An-hiệp, huyện Tuy-an, tỉnh Phú-yên, thay mặt chư Tôn đức Tăng hiện tiền, cũng như chư Tôn đức Tăng ni Giáo hội Phật giáo Âu châu, các Phật tử của Âu châu hảo tâm, các nhà mạnh thường quân tại Âu châu, phái đoàn chúng tôi xin gửi lời thăm hỏi chân tình nhất đến bà con hiện diện hôm nay.

Thưa quý vị!

Chư Tôn đức trong Giáo hội cũng như các Phật tử ở Âu châu, khi nghe con báo 12 đã đi vào miền Trung Việt-nam chúng ta, gây thiệt hại rất nhiều về mặt tài sản và nhân mạng cho đồng bào chúng ta, cho nên, chư Tôn đã tự vận

động nơi bồn tự của mình và Phật tử các giới, có được một chút ít tịnh tài, tịnh vật và ủy cử Thượng tọa Thích-thông-trí, Tổng vụ trưởng Tổng vụ Thanh niên của Giáo hội, về Việt-nam để trực tiếp thăm viếng, chia sẻ với bà con chúng ta bị rủi ro trong những cơn bão lũ miền Trung vừa qua và nhất là trong cơn bão số 12.

Nhân đây, chúng tôi xin chia sẻ với bà con của mình một vài điều, trước khi quý vị nhận tặng phẩm ủy lạo này.

Thưa quý vị!

Tỉnh Phú-yên, huyện Tuy-an là nơi có nhiều Cao tăng của Phật giáo Việt-nam xuất hiện. Trước hết, vào đời Lê là Tô sư Thiệt diệu-Liễu quán, người huyện Tuy-an, tỉnh Phú-yên. Tô là một vị tu chứng và đã phát huy dòng thiền Phật giáo Việt-nam và dòng thiền ấy hiện nay chư Tôn đức Tăng Ni đang có mặt và hành đạo khắp nơi từ quốc nội đến Hải ngoại. Và cũng chính nơi Phú-yên này đã xuất hiện bậc Cao tăng Diệu nghiêm-Pháp chuyên. Ngài là một vị chuyên trì Giới luật và đã chấn hưng Phật giáo của một thời. Rồi ở nơi tỉnh Phú-yên này lại xuất hiện ngài Thị chí-

Phước hộ, một bậc trì Luật tinh chuyên và Ngài đã từng đảm nhận chức vụ Chủ tịch Hội đồng giám luật Viện Tăng thống Giáo hội Phật Giáo Việt-nam Thống nhất, viên tịch năm 1985.

Cũng ở quê hương Phú-yên này, cũng ở huyện Tuy-an này và ngay ở chùa Quang-son này đã xuất hiện một vị Thánh tăng, đó là ngài Nguyên diệu-Quảng hương. Ngài Nguyên diệu-Quảng hương đã hành điệu tu tập tại chùa Quang-son này, sau đó Ngài đã được đào tạo tại Phật học Trung phần Hải-đức, Nha-trang và đã làm Phật sự tại chùa Khai-đoan, Đắc-lắc. Năm 1963, chính quyền Tổng thống Ngô-đình-diệm bấy giờ đối xử bất bình đẳng Tôn giáo, buộc triệt hạ cờ Phật giáo trong ngày Đại lễ Phật đản. Phật giáo đồ phản ứng, ngài Quảng-hương từ Đắc-lắc trở về Sài-gòn yểm trợ chư Tôn đức Tăng ni đấu tranh đòi sự tự do bình đẳng Tôn giáo, yêu cầu Tổng thống Ngô-đình-diệm đáp ứng 05 nguyện vọng của Phật giáo đồ Việt-nam. Ngài Quảng-hương là người phát nguyện tự thiêu ở công trường Diên-hồng Sài-gòn vào thời điểm mà Liên-hiệp-quốc họp khẩn cấp và sắp sửa cử phái đoàn đến Việt-nam để điều tra vụ

việc đàn áp Phật giáo của chính quyền Tổng thống Ngô-đình-diệm, góp phần đưa cuộc đấu tranh Phật giáo đồ năm 1963 đạt đến thành công.

Cho nên, hôm nay Phái đoàn Phật giáo chúng tôi về nơi ngôi chùa Quang-sơn này để dâng nén tâm hương biết ơn sâu sắc, chính nơi ngôi Tăng già lam này, nơi đây hồn thiêng sông núi của đất nước Việt-nam đã tinh kết nhiều bậc cao Tăng Tổ đức, làm nên mạch nguồn của Phật giáo một thời. Và cũng chính nơi đây đã một thời mạch nguồn hào khí của Thầy tổ đã được khơi nguồn để hộ trì Chánh pháp, bảo vệ chân lý, giữ gìn gấm vóc non sông của đất nước chúng ta.

Tôi hy vọng rằng tất cả bà con tỉnh Phú-yên chúng ta nói chung, huyện Tuy-hòa, xã An-hiệp nói riêng, tất cả chúng ta phải tiếp tục đi theo tiền nhân của chúng ta, giữ gìn tất cả những gì tốt đẹp mà tổ tiên của chúng ta đã để lại cho chúng ta, chúng ta phải tiếp nhận những gì tốt đẹp từ hồn thiêng sông núi của chúng ta đã để lại cho chúng ta một cách trân trọng.

Tuy rằng, chúng ta sống trong khó khăn vật chất, nhưng không phải vì vậy mà chúng ta quên mất những giá trị tinh thần của chúng ta. Tuy trước mắt chúng ta có những khó khăn về vật chất do bão lũ gây ra, nhưng chúng ta không đánh mất niềm tự hào về những giá trị tinh thần mà tổ tiên chúng ta đã đổ ra không biết bao nhiêu tâm huyết, xương máu để duy trì và để lại cho chúng ta ngày nay.

Thưa quý vị!

Đối với khó khăn vật chất trước mắt, chúng ta có thể khắc phục được trong nay mai, nhưng mỗi khi những giá trị tinh thần bị đánh mất hay bị cướp mất thì không phải một sớm, một chiều mà chúng ta có thể tạo dựng lại được.

Những giá trị tinh thần ấy được tạo ra và tiếp nối từ nhiều thế hệ, mới tạo nên khí chất hồn thiêng sông núi của tất cả chúng ta, mới có thể tạo nên đạo phong, đạo khí của chúng ta.

Tên chùa là Quang-sơn, nơi xuất thân của vị Thánh tử đạo Nguyên diệu-Quảng hương, đã nói lên một ý nghĩa đạo phong, đạo khí của những Tăng sĩ và Cư sĩ có nhân duyên

tu học và xuất thân ở ngôi chùa này, ở quê hương này. Quang là ánh sáng. Sơn là núi và ý nghĩa biểu tượng của núi là bất động. Quang-sơn là ánh sáng bất động từ đỉnh núi phóng ra, lan tỏa ra. Ánh sáng ấy là ánh sáng của thiền định. Đỉnh cao của ánh sáng thiền định là ánh sáng tuệ giác. Ánh sáng ấy trở thành ánh sáng của hồn thiêng sông núi. Chính ánh sáng đó soi đường cho chúng ta đi trong đêm dài tăm tối, khiến cho chúng ta nhìn thấy mặt nhau thật rõ ràng không nhầm lẫn. Qua ánh sáng đó, chúng ta nhìn thấy nhau, nghĩa là anh nhìn thấy em; em nhìn thấy anh; chị nhìn thấy em; em nhìn thấy chị; cha mẹ nhìn thấy con cái một cách rõ ràng, minh bạch; con cái nhìn thấy cha mẹ và thể hiện hiếu đạo đối với cha mẹ một cách đúng pháp; thầy nhìn thấy mặt trò; trò nhìn thấy mặt thầy đúng đạo nghĩa. Nhờ ánh sáng hồn thiêng sông núi ấy mà chúng ta nhận ra được những giá trị của cuộc sống để sống đẹp; nhận ra được những ý nghĩa giá trị của cuộc sống để yêu quý và trân trọng; nhận ra được giá trị và ý nghĩa của tình bằng hữu để ôm ấp nhau, giúp đỡ nhau thăng hoa trên con đường tốt đẹp, làm giảm đi những gì tiêu cực trong đời sống hàng ngày của chúng ta. Có như thế thì chúng ta mới

xứng đáng là con cháu của dòng giống Tiên rồng; xứng đáng con cháu của 18 đời vua Hùng dựng nước, giữ nước, con cháu của Lý-thường-kiệt, con cháu của Trần-hưng-đạo, con cháu của Nguyễn-trãi và con cháu của Thiệt diệu-Liễu quán, của Diệu nghiêm-Pháp chuyên, của Thị chí-Phước hộ, của Nguyên diệu-Quảng hương. Chúng ta sẵn sàng hy sinh tính mạng của mình để bảo vệ dân tộc và Đạo pháp như tiền nhân của chúng ta đã từng hy hiến.

Ngài Nguyên diệu-Quảng hương sau khi tự thiêu để bảo vệ Chánh pháp vào năm 1963, đã được Viện Tăng thống phong lên ngôi vị Thánh tử đạo. Và danh hiệu Quảng-hương đã được Hòa thượng Thích-trí-thủ trân quý và dùng để đặt tên cho một tu viện, gọi là Tu viện Quảng-hương Già-lam, ở Sài-gòn, làm trung tâm tu học và đào tạo hàng Tăng sĩ cấp Đại học và trên Đại học cho Phật giáo để hoằng dương Phật pháp theo tinh thần sẵn sàng hy sinh tính mạng để bảo vệ dân tộc và Đạo pháp của Thánh tử đạo Quảng-hương.

Thưa quý vị!

Hôm nay, phái đoàn Phật giáo chúng tôi về đây, thấy bà con của mình, tuy gặp bão lũ, gặp tai nạn, nhưng trên khuôn mặt của mọi người ai cũng rạng rỡ, nhất là nhìn thấy những người trẻ, nên chúng tôi rất vui mừng. Chúng tôi tin tưởng một tương lai tươi sáng có thể xảy ra cho quê hương chúng ta.

Vậy, phái đoàn chúng tôi mong rằng, các bậc bô lão trong vùng luôn luôn nhắc nhở con cháu của mình nhớ về nguồn cội, nhớ về nguồn mạch tâm linh, giữ gìn những truyền thống tâm linh tốt đẹp, giữ gìn bản sắc của một nền văn hóa dân tộc hơn bốn ngàn năm văn hiến. Chúng ta cùng nguyện tiếp nối và làm rạng rỡ chí hướng của liệt vị Tổ đức và của Thánh giả Nguyên diệu-Quảng hương.

Thưa quý vị!

Con bão tuy đã đi qua, nhưng hậu quả tai hại vẫn còn để lại cho quê hương chúng ta. Nhân danh phái đoàn Phật giáo, chúng tôi xin chia sẻ một chút ít tịnh tài, gọi là tấm lòng của Phật giáo đối với bà con. Tịnh vật, tịnh tài tuy không nhiều, nhưng bà con biết cho rằng, người Việt-nam

ta thường nói với nhau: "Một miếng khi đói, bằng một gói khi no", hay "ăn một miếng giữa làng bằng một sàng trong bếp". Ấy là tổ tiên chúng ta đề cao tinh thần chia sẻ đúng lúc, và những giá trị từ danh xưng và ý nghĩa trao tặng. Nên hôm nay, chúng tôi tặng đến quý vị những phẩm vật này với danh nghĩa Phật giáo mà không phải xưng danh một cá nhân. Cảm ơn tất cả bà con đã hoan hỷ nhận món quà này.

Nam mô Thường Hoan Hỷ Bồ tát Ma-ha-tát!

Đệ tử Nhuận-pháp-nguyên kính phiên tả.

**KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY CHẤT
LIỆU BI TRÍ DŨNG -
CHÂM NGÔN CỦA GIA ĐÌNH
PHẬT TỬ ĐẾN CHỖ HOÀN HẢO**

Nuôi dưỡng tâm thái yên bình

Nam mô Bổn sư Thích-ca-mâu-ni Phật!

Kính thưa Hòa thượng viện chủ Tự viện Bình-quang.

Kính thưa các Anh Chị Em trong BHDGĐPTTW và
BHDGĐPT Bình-định.

Thưa tất cả bà con có mặt hôm nay.

Và thưa đại diện chính quyền thôn, xã sở tại.

Thưa quý vị!

Hôm nay là ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại chùa Bình-
quang, xã Phước-son, huyện Tuy-phước, tỉnh Bình-định,
chúng tôi thay mặt cho Phái đoàn Phật giáo Âu châu, xin

trân trọng cảm ơn Hòa thượng viện chủ Tự viện Bình-quang, cảm ơn quý vị đại diện chính quyền sở tại, cảm ơn tất cả các Anh Chị Em BHDGDPT Bình-định cũng như bà con trong xã nhà của chúng ta đã có mặt trong buổi lễ tặng quà bị thiệt hại do cơn bão số 12 đã gây ra cho bà con chúng ta. Và nhân nơi đây chúng tôi cũng xin chia sẻ đến bà con một vài điều trước khi bà con nhận món quà bằng tất cả tấm lòng của phái đoàn chúng tôi.

Thưa quý vị!

Chùa Bình-quang là ngôi chùa quê, nhưng lại là "mái chùa che chở hồn dân tộc, nếp sống muôn đời của tổ tông". Cho nên, ở đâu có ngôi chùa, ở đó có đời sống tâm linh, có sự duy dưỡng tinh thần cho bà con địa phương. Và lại, ngôi chùa Bình-quang của chúng ta, với hai từ ngữ Bình-quang tên gọi của một ngôi chùa quê đã nói lên được đời sống hòa bình, an lạc và giữ gìn những gì truyền thống tốt đẹp của quê hương, mà thầy tổ của chúng ta, tổ tiên của chúng ta, các bậc tiền hiền khai canh, khai khẩn của chúng ta đã để lại cho tất cả chúng ta cho đến ngày hôm nay. Chữ "Bình" có nghĩa là "Bình tâm thế giới bình". Nghĩa là tất

cả chúng ta cố gắng làm thế nào, để tâm của mỗi người chúng ta được bình tĩnh, không bị xáo động trước những hoạn nạn, khiến tai nạn lớn trở thành tai nạn nhỏ và tai nạn nhỏ thì xem như không có tai nạn. Cho nên, câu đối trước cửa chùa ghi "bình tâm thế giới bình", nghĩa là "tâm bình yên thì thế giới yên bình". Còn chữ "Quang" - câu đối trước cửa chùa lại ghi: "Quang thiên quang Tổ ấn". Quang thiên là ánh sáng của bầu trời thanh trong không có bất cứ gợn mây nào. Ánh sáng ấy là ánh sáng từ bản nguyên tâm địa mà lưu xuất, nên gọi là quang thiên. Và ánh sáng ấy được chư Tổ ấn chứng ngay nơi tâm mình, nên gọi là "quang Tổ ấn". Tổ ấn là dấu ấn giác ngộ của Tổ. Dấu ấn của Chư tổ ấn vào nơi ánh sáng ấy, để xác chứng rằng ở nơi con người nào, ở nơi xứ sở nào, mà có ánh sáng lưu xuất từ tâm yên bình, thì ở nơi con người ấy, ở nơi xứ sở ấy có sự yên bình. Trong gia đình nào mà các thành viên có tâm yên bình thì gia đình đó có cuộc sống hòa bình. Nghĩa là gia đình ấy có nếp sống trên thuận, dưới hòa, trong ấm ngoài êm. Bậc làm cha mẹ thì hết lòng chăm sóc con cái, con cái thì hết lòng hiếu thảo đối với cha mẹ. Và quê hương xứ sở nào mà mọi thành viên trong quê hương

xứ sở ấy có tâm thái yên bình, thì quê hương đó có những cơ hội để phát triển và làm đẹp, làm giàu mạnh cho xứ sở của mình trong một quy luật nhân duyên, nhân quả tự nhiên.

Nhân duyên là nhiều duyên tố tương tác với nhau để hình thành và nhân quả là kết quả hình thành từ nhân duyên. "Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao". Cho nên, tâm ta yên bình, ta sẽ đóng góp vào sự hòa bình cho quê hương. Tâm ta yên bình, ta có khả năng gắn kết mọi thành phần xã hội với nhau để cùng sống chung trong hòa bình và chúng ta cùng bắt tay nhau xây dựng một quê hương yên bình.

Vì vậy, buổi từ thiện của chúng tôi đến với bà con không phân biệt Đông hay Tây, Nam hay Bắc, giàu hay nghèo, sang hay hèn, trí thức hay bình dân. Vì sao như vậy? bởi vì, tôi đứng góc này, chị đứng góc kia, anh đứng góc nọ, nhưng khi cơn lũ hay bão táp tai nạn ập đến với chúng ta thì chúng không chừa một ai trong chúng ta. Cho nên, khi tai nạn, bão lũ ập đến, thì người giàu cũng có cái khổ của người giàu, người nghèo cũng có cái khổ của người nghèo,

người có học cũng có cái khổ theo cách của người có học, người ít học cũng có cái khổ của người ít học, người làm chính quyền cũng có cái khổ của người làm chính quyền, mà người dân cũng có cái khổ của người dân, người già có cái khổ của người già, trẻ em có cái khổ của trẻ em. Nên, trong những trận bão lũ này, nếu chúng ta có nhân duyên với chúng, thì hậu quả xảy ra, chúng không chừa một ai có nhân duyên với chúng cả.

Do đó, chúng tôi học theo lời Phật dạy, đem tâm yên bình, tâm từ bi mà đối xử với mọi người, đối xử với thiên hạ. Nên, món quà từ chư Tôn đức thuộc Phật giáo Âu châu gửi đến bà con chỉ là món quà của tâm từ bi, tâm đồng cảm, tâm sẻ chia, để góp một phần nào xoa dịu sự mất mát to lớn của bà con chúng ta bị thiệt hại trong cơn bão lũ vừa qua.

Thưa quý vị!

Bì thư này có bốn trăm ngàn đồng Việt-nam và một bịch gạo 08 kí-lô gửi tặng đến bà con. Quý vị nhận bì thư này, nhận 08 cân gạo này, tôi đề nghị, với bì thư có bốn trăm

ngàn đồng, quý vị chỉ tiêu đi ba trăm tám mươi ngàn đồng thôi, còn hai mươi ngàn đồng quý vị giữ lại, để có thể giúp đỡ, chia sẻ đến những ai nghèo khó hơn mình. Vì sao như vậy? Bởi vì như người xưa nói: "Hữu phước bất khả hưởng tận", nghĩa là có phước thì không nên hưởng hết. Nhờ vậy mà phước đức của mình còn hoài, nó còn từ đời này sang đời khác, vì nhờ có phước đức, nên tai nạn đến với mình nặng thành nhẹ, nhẹ thành ra không có gì. Mong bà con hiểu cho điều này. Đối với tám cân gạo, bà con đem về nấu cơm, đơm chén cơm trắng để cúng dường Phật, cúng dường tổ tiên hay cúng dường trời đất, cúng dường những người đã hy sinh cho mình được sống trước khi dùng. Chúng ta cúng dường như vậy là để làm gì? Là để tỏ lòng hiếu kính của chúng ta đối với các Đấng cao cả, không những nuôi dưỡng chúng ta bằng cơm ăn, nước uống mà còn nuôi dưỡng chúng ta bằng những giá trị tinh thần, bằng những giá trị truyền thống tâm linh. Cúng dường như vậy, chúng ta vừa báo đáp được công ơn mà đồng thời vừa nói lên sự biết ơn của chúng ta với tất cả. Nhờ vậy, phước đức của chúng ta tăng trưởng.

Hạnh phúc thay cho những ai biết ơn và may mắn thay cho những ai "ăn quả nhớ kẻ trồng cây; uống nước nhớ nguồn!". Chúng ta "ăn quả nhớ kẻ trồng cây; uống nước nhớ nguồn", thì phước đức của chúng ta sẽ được kéo dài, cho nên tai nạn nhiều thành tai nạn ít, tai nạn ít thành không có tai nạn.

Trái lại, tai nạn dành cho những ai ăn quả không nhớ kẻ trồng cây; uống nước không nhớ nguồn. Những người như vậy, tai nạn ít trở thành tai nạn nhiều, tai nạn nhiều trở thành tai nạn không ai cứu nổi.

Do đó, hôm nay món quà này, tuy không bao nhiêu, nhưng những giá trị tình cảm mà chúng tôi chia sẻ đến với quý vị là bảo vật trân quý.

Một vài tâm tình chúng tôi xin chia sẻ đến với bà con như thế, mong bà con hoan hỷ, nhận nơi đây tấm lòng chân tình của Phái đoàn chúng tôi.

Nam mô A-di-đà Phật.

Đệ tử Nhuận-pháp-nguyên kính phiên tả.

HƯƠNG THƠM TỪ PHẬT TÍNH

Đáp từ cho tác bạch cúng dường của học chúng Chánh-niệm trong lễ quá đường an cư PL. 2564 – 2020, tại trú xứ

Tăng-già-lam Phước-duyên, Huế.

Nam mô Bổn sư Thích-ca-mâu-ni Phật.

Cùng toàn thể Phật tử, trai chủ, tín chủ cúng dường buổi quá đường trưa hôm nay, tại Tăng già lam Phước-duyên, Phật lịch 2564 hiện tiền quý mến.

Qua lời tác bạch cúng dường của quý vị trưa nay đã nói lên hết niềm tin của mình đối với Tam bảo, đã nói lên hết sự thương yêu của mình đối với chúng sinh, đối với đồng loại, đã nói lên hết sự hiếu kính của mình đối với gia đình huyết thống và đã nói lên hết ý nghĩa và mục đích của sự cúng dường đem lại lợi ích đời này, đời sau.

Tôi thay mặt Hòa thượng viện chủ, chư Tôn đức Tăng hiện tiền, có vài lời chia sẻ đến quý vị trong giờ phút này. Xin tất cả mặc nhiên lắng nghe.

Đức Phật dạy: "Tất cả chúng sinh đều có Phật tính". Hễ Phật tính còn thì Đạo pháp còn, Phật tính còn thì hiếu đạo của người dân đối với đất nước còn, Phật tính còn thì sự hiếu đạo của con cháu đối với tổ tiên cha mẹ còn, Phật tính còn thì tình nghĩa chân tình giữa thiện hữu tri thức với nhau mãi còn. Vì vậy, đệ tử của Phật dù xuất gia hay tại gia, dù là người sơ cơ hay một bậc Thượng căn Thượng trí luôn luôn nhớ đến Phật tính của mình, hễ còn Phật tính và làm cho Phật tính ấy sáng ra, thì chúng ta ở đâu cũng là bông hoa của tuệ giác, bông hoa của từ bi, bông hoa của sự hạnh phúc an lạc, trang nghiêm ở đó.

Nếu chúng ta làm con của một gia đình thì chính chúng ta là đóa hoa thơm phức trong gia đình huyết thống của chúng ta và cha mẹ chúng ta nhìn chúng ta mà hoan hỷ, mỉm cười sung sướng, tự hào mình đã có những người con xinh đẹp như thế.

Đối với quốc gia, nếu chúng ta sống với Phật tính và biểu hiện Phật tính ấy trong đời sống của chúng ta thì quốc gia của chúng ta sẽ tự hào vì có một con dân xinh đẹp và những người dân ấy trở thành những đóa hoa thơm phức tuyệt vời

trang điểm cho đất nước và đất nước trở thành có giá trị, trở thành có ý nghĩa đối với các quốc gia trên thế giới.

Nếu chúng ta là một Phật tử luôn luôn sống và biểu hiện Phật tính trong đời sống chúng ta, thì chúng ta là một đóa hoa của Đạo pháp và chính đóa hoa ấy, nó khẳng định được mình trong ngôi nhà của nhiều tôn giáo trên thế giới.

Cho nên, quý vị phải là hoa, là hoa thơm của Phật tính để mình ở đâu cũng làm đẹp cho tất cả mọi người, ở không gian nào mình vẫn là con người, là chúng sinh sống một đời sống có giá trị, có ý nghĩa cao đẹp. Ý nghĩa và sự cao đẹp ấy không phải chỉ có giá trị nhất thời mà ý nghĩa ấy có giá trị vượt thời gian và không gian, để đời này hay đời sau, chúng ta sinh ra bất cứ thế giới nào, bất cứ hình thức nào, bất cứ giới tính nào, chúng ta vẫn là những con người sống có hương thơm, có sắc đẹp, có chất liệu trí tuệ từ bi, lợi mình, lợi người, có khả năng che chở sự yếu đuối của muôn loài chúng sinh và giúp chúng sinh đứng dậy bằng chính nghị lực, bằng chính đôi bàn chân, khối óc, trái tim của mình để vươn lên một đời sống vô cùng trong không gian, vô tận trong thời gian.

Bữa cúng dường trưa hôm nay của quý vị với tịnh vật, tịnh tài đạm bạc, đơn sơ nhưng nó gói gém hết tất cả tâm lòng thành kính của quý vị. Cúng dường là để vươn lên đời sống cao thượng, dẹp đi những tâm lí nhỏ nhen, ích kỉ, kiêu mạn tầm thường. Chúng ta không đem cái tầm thường đó mà đối xử và ứng xử với nhau, mà ta đem chất liệu cao quý từ cúng dường này sinh ra mà đối xử, ứng xử với nhau để tất cả chúng ta đều là hoa, đều là hương. Và chúng ta đem tâm hoa, tâm hương ấy mà cầu nguyện cho Đạo pháp trường tồn, thì sự cầu nguyện của chúng ta sẽ có hiệu ứng tốt đẹp. Chúng ta đem chất liệu của hương và hoa ấy mà cầu nguyện cho thế giới hòa bình thì chắc chắn sự cầu nguyện của chúng ta sẽ có kết quả nhất định trong một không gian nào đó, trong một thời gian nào đó. Chúng ta đem hoa và hương ấy mà cầu nguyện cho gia đình, cho dòng tộc chúng ta thì gia đình và dòng tộc chúng ta cũng phảng phất hương và hoa ấy của chúng ta. Chúng ta đem hoa hương ấy mà cầu nguyện cho những người thân yêu trong gia đình chúng ta từ tổ tiên, ông bà nội ngoại và những người thân đã qua đời, thì tất cả những vị qua đời mà ta hướng tới cầu nguyện sẽ tiếp xúc được, sẽ nhận

được cái chất liệu hoa và hương thơm từ nơi chúng ta mà sinh tâm hoan hỷ. Nhờ hoan hỷ mà tất cả những vị đó họ đẹp đi tất cả những oán đối đối với chúng ta và da trì cho chúng ta thuận bước trên con đường cao đẹp. Chúng ta đem hoa, hương ấy mà cầu nguyện cho lục đạo chúng sinh, thì cảnh giới địa ngục tức khắc trở thành cảnh giới tự do; cảnh giới ngạ quỷ tức khắc trở thành cảnh giới giàu có; cảnh giới ngu tối tức khắc trở thành cảnh giới của trí tuệ; cảnh giới của a-tu-la, chiến tranh, thù hận tức khắc trở thành cảnh giới của hòa bình, khiêm cung; và nơi thế giới con người, nhờ sự cầu nguyện của chúng ta mà con người hiểu rõ nhau hơn, biết thân phận của nhau hơn để hướng tới sự tu học, mà không tranh chấp, giận hờn nhau để hơn thua từ nơi những cạm bẫy danh lợi tầm thường.

Việc làm của quý vị, tâm nguyện của quý vị thật có ý nghĩa. Tôi thay mặt Hòa thượng viện chủ, Tăng-già an cư hiện tiền, Phật lịch 2564, có lời tán dương ca ngợi tâm chí thành, lòng cung kính của quý vị cho bữa cúng dường này. Cầu nguyện đức Phật từ bi chứng minh lòng thành cho tất cả quý vị và mong rằng, sở nguyện của tất cả quý vị cúng

dường trưa hôm nay viên thành.

Nam mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma-ha-tát.

Học chúng Chánh-niệm kính phiên tả

ĐẠO TỪ CHO HỌC CHÚNG CHÁNH TÂM

Nhân buổi cúng dường an cư tại trú xứ Tăng-già-lam

Phước-duyên, Huế

Nam mô Bổn sư Thích-ca-mâu-ni Phật.

Cùng toàn thể Phật tử hiện tiền và cùng học chúng Chánh-tâm quý mến.

Tôi thay mặt Hòa thượng viện chủ, chư Tôn đức Tăng an cư tại trú xứ Tăng già lam Phước-duyên Thành phố Huế, PL 2564, có lời tán dương tinh thần tu học và cúng dường trưa hôm nay của quý vị đến chúng Tăng hiện tiền. Cầu nguyện Tam bảo da hộ cho sở nguyện cúng dường trực tiếp, gián tiếp của quý vị được thành tựu.

Sau đây tôi có vài lời chia sẻ đến tất cả quý vị như sau.

Trong Giới kinh của đức Thích-ca Mâu-ni Thế tôn có dạy:

"Thiện hộ ư khẩu ngôn

Tự tịnh kỳ chí ý

Thân mạc tác chư ác

Thử tam nghiệp đạo tịnh

Năng đắc như thị hành

Thị đại tiên nhân đạo".

Nghĩa là: "Khéo phòng hộ lời nói, Tâm ý tự lắng trong, Thân không làm điều ác, ba nghiệp đạo này thanh tịnh chính là con đường của chư Phật đi".

Quý vị đã trở về Tăng già lam Phước-duyên học Phật và tu tập một thời gian rất dài với nhiều thế hệ khác nhau. Tuy nhiên, dù có khác nhau về tuổi tác, khác nhau về tâm nguyện tu học, khác nhau về nhân duyên đến với chùa, đến với Phật, nhưng không ra sự ngoài tu học để có ba nghiệp thanh tịnh. Tu học, chúng ta có khẩu nghiệp thanh tịnh thì từ đó lời nói của chúng ta mới có hữu ích, đem lại lợi ích cho mình, cho người, cho cộng đồng xã hội, cho muôn loài

chúng sinh đời này và đời sau. Nếu chúng ta không tu học, chúng ta đem lời nói bất tịnh mà đối xử và ứng xử với nhau trong cuộc sống thì gia đình chúng ta cũng trở thành bất tịnh; học chúng của chúng ta cũng trở thành bất tịnh. Và mọi người đem lời nói bất tịnh mà ứng xử với nhau thì cả xã hội đều trở thành bất tịnh. Bất tịnh thì sẽ bị ô nhiễm, ô nhiễm từ nơi lời nói đưa đến ô nhiễm mọi không gian sinh hoạt của thế gian. Vì vậy, đức Thế tôn Thích-ca-mâu-ni dạy cho tất cả chúng ta, đệ tử của Ngài, phải luôn luôn giữ sự thanh tịnh của lời nói, để lời nói của chúng ta luôn luôn là lời nói có ích cho mình, cho người, cho muôn loài chúng sinh cho đời này và đời sau.

Rồi, đức Thế tôn Thích-ca-mâu-ni còn dạy cho đệ tử của Ngài phải giữ tâm ý thanh tịnh. Tâm ý thanh tịnh thì sống trong cảnh nào, ta cũng cảm thấy hạnh phúc, sống trong cảnh giới nào ta cũng thấy bình an, sống trong cảnh biến động mà tâm ta bất động, sống trong cảnh ô nhiễm mà tâm ta thanh tịnh. Cho nên ta đem sự thanh tịnh ấy của tâm mà ứng xử với bản thân ta, chăm sóc những hạt giống tốt đẹp nơi tâm ta, để hạt giống ấy biểu hiện nên lời nói của chúng

ta. Ta hãy đem tất cả những hạt giống tốt đẹp, thanh tịnh đến từ tâm ta, mà ứng xử với mọi người, rồi mọi người cũng từ từ thuận duyên theo sự thanh tịnh của ta, mà trở nên thanh tịnh. Ta hãy đem tâm thanh tịnh mà nghĩ về người, khiến cho điều tốt của người được ta đánh giá một cách chính xác và điều xấu của người được ta chăm sóc bằng tâm ý thanh tịnh, khiến cho điều xấu của người không có cơ hội phát triển mà dừng lại và đi về hướng tích cực, đó là hướng thanh tịnh của tâm ý.

Và, ta đem mọi hành động thanh tịnh từ nơi thân ta mà ứng xử với mọi người, từ gia đình đến cộng đồng xã hội, thì gia đình ta sẽ được yên ổn, gia đình ta sẽ có một nền văn hóa cao để ứng xử với nhau; cộng đồng của chúng ta sẽ có một nền văn hóa cao để ứng xử với nhau. Văn hóa cao trong gia đình, người con ngồi đúng vị trí của người con, người cha ngồi đúng vị trí của người cha, người mẹ ngồi đúng vị trí của người mẹ, ông bà ngồi đúng vị trí của ông bà, cháu chắt ngồi đúng vị trí của cháu chắt, thì gia đình ấy từ đó tạo nên sự an bình, trật tự một cách tự nhiên; đó là đi từ nơi sự thanh tịnh của thân. Nếu thân ta không

thanh tịnh, ta sẽ không có chỗ ngồi nghiêm túc và ta không biết đâu là chỗ ngồi chính đáng của ta, từ đó mà ngồi bậy. Ngồi đã bậy rồi thì nói cũng bậy. Ngồi bậy nói bậy không thể đem đến hạnh phúc an lạc cho gia đình và không có bất cứ cái gì tốt đẹp để cống hiến cho cộng đồng xã hội.

Cho nên, muốn làm đẹp bản thân, làm đẹp gia đình, làm đẹp xã hội không có con đường nào khác hơn là con đường tu tập, thực hành ba nghiệp thanh tịnh là ngữ nghiệp thanh tịnh, ý nghiệp thanh tịnh, thân nghiệp thanh tịnh. Sự thanh tịnh ấy, quá khứ chư Phật đã đi, hiện tại chư Phật đang đi, tương lai chư Phật sẽ đi và sẽ hình thành tất cả những gì tốt đẹp lợi mình, lợi người, lợi muôn loài chúng sinh, lợi đời này, đời sau và từ đó dẫn tới một đại trí, đại bi thấy rõ cả vũ trụ này là thân bằng quyến thuộc của chúng ta.

Cho nên, hễ ta làm bất tịnh, ta nói lời bất tịnh, ta nghĩ đến việc bất tịnh, sự bất tịnh ấy sẽ gây ảnh hưởng xấu cho những người thân yêu của tất cả chúng ta trong toàn cầu. Và nếu chúng ta nghĩ một điều tốt, chúng ta nói một lời tốt, chúng ta hành động một hành động tốt, hành động tốt

ấy sẽ đem đến những giá trị lợi ích cho chính mình, cho gia đình mình và cho muôn loài chúng sinh trong hết thảy toàn cầu.

Vì vậy, trong mùa đại dịch này, quý vị đã nỗ lực tu tập, đưa thân về với tâm, đưa tâm đi tới với thân bằng sự cúng dường, bằng sự nỗ lực tu học hết lòng. Chúng ta sẽ đem sự tu học hết lòng ấy mà công hiến và trang nghiêm bản thân mình, công hiến và trang nghiêm cho gia đình mình, công hiến và trang nghiêm cho cộng đồng xã hội, bằng cách chúng ta tiếp nối những thế hệ đi trước, động viên với nhau trong cùng một thế hệ và chúng ta cũng được rèn luyện, có phương pháp giáo dục, hướng dẫn tốt để rèn luyện những thế hệ tương lai tiếp nối như quý vị đã từng tác bạch "Tre già, măng mọc".

Ngày hôm nay mình là măng, ngày mai sẽ làm tre; cứ như thế tre rồi sinh ra măng, rồi măng lại lớn lên thành tre; tre và măng đã từng có mặt trong nhau, chưa hề xa cách nhau. Cho nên, nếu chúng ta biết đem sự trong sáng thanh tịnh ấy mà nuôi dưỡng và trao truyền cho nhau thì sự trao truyền ấy thiết thực hơn cả triệu lần, hơn cả tỉ lần ngồi lo

lắng khổ đau không có phương pháp giải quyết, ngồi lo lắng dịch bệnh và tránh né dịch bệnh mà không có phương cách điều trị ở nơi thân tâm chúng ta. Bệnh chướng, nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng đều từ vô minh của con người chúng ta tạo ra; từ nơi ích kỉ, kiêu ngạo của con người chúng ta tạo ra; từ nơi học hành bị khuyết tật tri thức mà tạo nên những tri thức tà kiến, tạo nên những học thuyết sai lầm, từ đó mà tạo ra tai nạn chiến tranh binh khí, chiến tranh miệng lưỡi, chiến tranh vũ khí, chiến tranh hóa chất, chiến tranh sinh học, dẫn tới chiến tranh đủ thứ trong tương lai về sau. Nếu chúng ta không nỗ lực rèn luyện ba nghiệp đạo thanh tịnh thì không chạy đâu thoát khỏi khổ lụy ở nơi thế giới nghiệp báo luân hồi. May thay, tất cả quý vị đã được làm người, lại được nghe Phật Pháp, tin hiểu Phật Pháp và quan trọng hơn hết là thế hệ trẻ quý vị đã có công đức nhiều đời mới có được giờ phút vô cùng quý báu này, ý thức được những điều mình làm, trân trọng những gì mình đang có, bằng tất cả chánh tâm của mình, bằng tất cả chánh niệm của mình, bằng tất cả trí tuệ thanh tịnh của mình và bằng tất cả trí tuệ rộng lớn của mình.

Quý vị hãy nuôi dưỡng và phát triển ba nghiệp ấy, từ một điểm đến toàn thể, rồi quý vị sống trong biển cả thanh tịnh, sóng gió ba đào của nghiệp thức tự lắng yên, mặt trời trí tuệ tỏa ra sẽ làm sưởi ấm cõi đời đầy băng giá này. Quý vị tu tập, vì lợi ích cho đa số, vì lợi ích cho muôn loài chúng sinh, mà không phải vì bản thân mình.

Trưa hôm nay, quý vị quỳ trước Tam bảo, dâng lời tác bạch cúng dường chư Tôn đức Tăng hiện tiền, an cư tại trú xứ Tăng già lam Phước-duyên, PL.2564, không phải vì bản thân mình, mà vì sự tồn tại của Chánh pháp, vì lợi ích của muôn loài chúng sinh, vì muốn con người nhìn nhau và hiểu nhau hơn, đừng tạo nên nghiệp ác, đừng nói lời ác với nhau, đừng có nhiều hành động xảo trá, man rợ với nhau, để chúng ta sống trong thế giới con người, thì thật sự là con người có hữu ích, thật sự là con người mang tất cả những ý nghĩa phước báo trọn vẹn của nó. Cho nên, ý nghĩa cúng dường của quý vị trưa hôm nay như thế mới thật có giá trị và ý nghĩa lớn.

Tôi thay mặt Hòa thượng viện chủ, chư Tôn đức Tăng hiện tiền, một lần nữa tán dương tâm cúng dường của quý vị, vì

cúng dường là một trong các hạnh lớn lao của các vị Bồ tát, khiến cho ba nghiệp của các Ngài luôn ở trong sự thanh tịnh. Nay, quý vị đi theo con đường của các bậc Thánh nhân đi, quý vị đi theo con đường của các vị Bồ tát đi, quý vị đang đi theo con đường của chư Phật đi thì quý vị phải tinh tấn lên!

Nam mô Thường Tinh Tấn Bồ tát Ma-ha-tát.

Học chúng Chánh-tâm kính phiên tả.

ĐÁP TỪ ĐẾN GIA ĐÌNH CỐ PHẬT TỬ MAI THỊ LOAN, PHÁP DANH NHẬT ÂN, TỰ NHUẬN BẢO CHÂU

*Đáp từ trong buổi cúng dường của gia đình nhân kỷ niệm
húy nhật lần thứ tư của cố Phật tử*

Nam mô Bổn sư Thích-ca-mâu-ni Phật.

Cùng tất cả gia đình của cố Phật tử thọ tại gia Bồ tát giới,
Pháp danh Nhật-ân, Pháp tự Nhuận bảo châu-Mai thị loan;
cùng toàn thể Phật tử hiện tiền quý mến.

Qua lời dâng bạch cúng dường của quý vị lên hiện tiền
chúng Tăng nhân ngày húy nhật lần thứ tư, kể từ ngày cố
Phật tử Mai-thị-loan an giấc nghìn thu, chư Tăng hiện tiền,
từ Hòa thượng viện chủ, cho đến hàng Thượng Trung Hạ
tọa, ai nấy đều thanh tịnh, im lặng và nhất tâm cầu nguyện
cho sở nguyện của trai chủ cũng như toàn thể Phật tử hộ
niệm cầu nguyện được viên thành.

Nhân đây, tôi có vài lời chia sẻ đến toàn thể đại chúng. Mong tất cả lắng nghe.

Như lời của cô Phật tử Mai-thị-loan, Pháp danh Nhật-ân, tự Nhuận-bảo-châu đã phát biểu: "Biết ơn, biết ơn tất cả".

Quý vị biết rằng, nếu chúng ta sống với chất liệu biết ơn thì chúng ta sẽ có người chồng, người vợ đẹp và hiền. Người chồng mà không biết ơn vợ thì tuy có vợ cũng như không. Người vợ mà không biết ơn chồng thì tuy có chồng cũng như không. Cho nên, người vợ biết ơn chồng thì mình sẽ có một người chồng đẹp, một người chồng vĩnh viễn của mình dưới nhiều hình thức khác nhau. Và người chồng biết ơn vợ, thì mình sẽ có một người vợ đẹp, một người vợ vĩnh viễn của mình dưới nhiều hình thức khác nhau.

Con cái mà không biết ơn cha mẹ thì cha mẹ có đó cũng như không. Nhưng mà con cái đã biết ơn cha mẹ, thì dù cha mẹ đã qua đời 1 năm, 2 năm, 3 năm, 4 năm, 5 năm, 10 năm hay 20 năm hay nhiều hơn nữa, thì cha mẹ vẫn còn đó cho con cái dưới nhiều hình thức khác nhau.

Bạn bè mà không biết ơn nhau, thì tất cả chỉ là xã giao, tất cả chỉ là đầu môi chót lưỡi, chẳng có giá trị gì trong ý nghĩa cuộc sống con người. Bạn bè mà biết ơn nhau thì chúng ta sẽ có người bạn vĩnh viễn.

Cho nên, đối với bản thân, chúng ta biết ơn chồng, vợ, cha mẹ hay con cái hoặc bạn bè, chúng ta sẽ có căn bản của tình cảm và tình cảm là chất liệu cần phải có trong đời sống chúng ta. Nó gắn kết với nhau, mà tình cảm có sự biết ơn thì tình cảm ấy luôn luôn là trong sáng, luôn luôn là cao thượng. Không những vậy, chúng ta còn phải biết ơn trời, biết ơn đất, biết ơn muôn loài chúng sinh, biết ơn mỗi khi nhìn một bông hoa và thấy trong bông hoa mặt trời đang nằm yên trong đó, quả đất đang vận hành trong đó và ta, cha ta, mẹ ta, anh chị em chúng ta cũng đang đồng hành, vận hành trong một đóa hoa.

Biết ơn, ta có nguồn trong để tắm, ta có nước trong để dùng. Không biết ơn thì nước trong thành đục, nước nhiều thành ít, không có không khí lành mạnh của gia đình, cũng không có không khí lành mạnh của tự nhiên để thở, để cười.

Nếu chúng ta biết ơn, chúng ta sẽ có tất cả, không biết ơn chúng ta sẽ mất tất cả. Cái mất đáng sợ nhất là mất hết phước báo làm người. Bởi vì, con người có đầu óc, có tư duy, có sự cảm xúc và diễn tả cảm xúc của mình qua ngôn ngữ - ngôn ngữ của thi ca, ngôn ngữ của âm nhạc, ngôn ngữ của hội họa, ngôn ngữ của điêu khắc, ngôn ngữ của biểu cảm cuộc sống.

Cho nên, biết ơn là chúng ta có tất cả phước báu và phước báu lớn nhất là chúng ta biết ơn Tam bảo. Chúng ta đặt sinh mệnh của chúng ta vào trong sinh mệnh của Tam bảo, gắn liền đời sống của chúng ta vào đời sống của Tam bảo, thì đời sống của chúng ta cũng vô tận như đời sống của Tam bảo, đời sống của chúng ta cũng trở thành quý báu như đời sống của Tam bảo. Cho nên, biết ơn Tam bảo thì chúng ta có một đời sống vô hạn giữa mọi không gian, chúng ta có một đời sống vô cùng giữa mọi thời gian, chúng ta có một nếp sống thánh thiện với tất cả những thánh thiện giữa đời thường.

Hôm nay, cô Phật tử Mai-thị-loan, Pháp danh Nhật-ân, tự Nhuận-bảo-châu đã ra đi 4 năm rồi, nhưng 4 năm chị vẫn

còn đó cho gia đình, cho chồng mình, cho con trai, con gái của mình, cho dâu, rể của mình, cho cháu nội cháu ngoại của mình, cho bà con nội ngoại trong thân tộc cả họ Mai và họ Ngô và chị vẫn còn đó cho bạn bè của mình giữa đời thường và bạn bè của mình đồng tu trong đời sống tâm linh. Chị vẫn còn đó với tất cả những thiện nghiệp tốt đẹp của mình và giờ phút này chị đang có mặt với tất cả chúng ta trong đạo tràng cúng dường an cư tại Tăng già lam Phước-duyên Phật lịch 2564 này.

Có mặt để niềm tin Tam bảo càng lúc càng được củng cố và khẳng định mình đã đi đúng đường. Đúng đường là bởi vì tới chùa tu học không so đo, không ganh tị, thấy việc khó thì lao ra làm, đại lao cho tất cả, không lánh nặng tìm nhẹ, không vì có mặt thầy mới tu, mới học, mới làm việc, còn không có thầy thì đắp chiếu ngủ ở nhà; chị không có tâm đó. Có thầy chị cũng đến chùa để lo việc Tam bảo, chăm sóc Sư ông, chăm sóc chư Tăng; không có thầy chị cũng làm như thế.

Cho nên, chính buổi lễ hôm nay, chị có mặt là để khẳng định lại cái niềm tin kiên cố, bất hoại của mình đối với

Phật, Pháp, Tăng và Giới đã lãnh thọ và cảm nhận một cách sâu sắc: "Muốn ngửi hương trầm mà sao lại từ chối khói bụi của trầm; muốn tu học mà sao lại không chịu khó hầu thầy, không chịu khó phụng sự Tam bảo, không nhẫn nhục với anh chị em đồng tu, đồng học để cho anh chị em được học, mình lo chuyện bếp núc, nhưng vẫn để tâm học hỏi". Đó là hạnh chị làm và cuộc đời chị sống.

Cho nên, có mặt để khẳng định được cái tâm nguyện của mình và con đường tiếp tục của mình phải đi, đang đi và sẽ đi, để ở đâu, hoàn cảnh nào, chúng ta cũng biết ơn tất cả mọi người. Cái biết ơn càng lúc càng lớn, cái biết ơn càng lúc càng rộng, cái biết ơn càng lúc càng sâu.

Biết ơn như khi đức Thế tôn của chúng ta đã từng sụp xuống lạy đống xương khô; mà cỡ trí tuệ, học hỏi đa văn như Tôn giả A-nan cũng phải ngỡ ngàng trước việc làm rất khiêm cung, rất biết ơn của đức Thế tôn. Đến nỗi, Tôn giả A-nan hỏi: "Bạch Thế tôn, Ngài là đấng Từ phụ của muôn loài, sao Ngài lại đánh lễ đống xương khô ấy một cách cung kính như vậy?". Đức Thế tôn dạy: "Này A-nan, ông tuy là đệ tử thượng túc của ta, nhưng trí tuệ còn khuyết

điểm. Đống xương ấy có thể là cha mẹ của chúng ta nhiều đời, có thể là người thân của chúng ta nhiều kiếp, vì vậy mà ta sụp lạy đống xương khô ấy là để biết ơn, biết ơn cha mẹ mình, biết ơn tổ tiên mình, biết ơn mọi người muôn loài". Và nhân đó mà đức Phật dạy sự biết ơn cho cõi người ta.

Cho nên, "biết ơn, biết ơn tất cả", phước đức sẽ thành tựu với chúng ta. Vô ơn thì tai họa đến với chúng ta. Cho nên, quý vị lưu ý điều này. Biết ơn thì chúng ta có thể làm bất cứ điều gì, dù là điều rất nhỏ để thể hiện sự biết ơn của chúng ta. Vô ơn thì dù ta bung cả sơn hà đại địa đặt đầu ngón tay, để tung hô vạn tuế cũng chẳng có giá trị gì. Mong rằng, quý vị nhớ hai chữ "biết ơn" mà cố Phật tử Mai-thị-loan, Pháp danh Nhật-ân, tự Nhuận-bảo-châu đã học đạo qua những tháng năm dài gạn lọc, đã kết tinh thành hai chữ "biết ơn" ấy.

Kính xin Hòa thượng viện Chủ, chư Tôn đức Tăng hiện tiền da trì lực cho đệ tử, cố Phật tử Mai-thị-loan, Pháp danh Nhật-ân, tự Nhuận-bảo-châu được nhập tự, tại Tăng già lam Phước-duyên, để có cơ hội gần gũi Tam bảo, nuôi

lớn lòng biết ơn của mình đến vô cùng trong không gian, vô tận trong thời gian và mong tất cả đại chúng đồng tâm hộ niệm. Đồng thời đem công đức này hồi hướng cho tất cả muôn loài chúng sanh, ai chưa quy kính Tam bảo thì hãy hết lòng quy kính Tam bảo, ai đã hết lòng quy kính Tam bảo thì nỗ lực tu học thêm, đừng tu học lấy rồi, đừng quét nhà lấy rồi mà phải quét nhà hết lòng hết dạ; đừng vì có mặt Thầy mà làm việc, mà làm vì Tam bảo, vì chúng sinh, để tất cả chúng ta sinh ra ở đâu cũng là thiện hữu tri thức, cùng đi trên con đường mà chư Phật đã đi, để được làm bà con quyến thuộc trong ánh đạo từ bi, thực hành Chánh pháp lợi lạc muôn loài.

Cầu nguyện cho thân nhân của các trai chủ, hiện thế phước thọ tăng long, bồ đề tâm tăng trưởng; đã qua đời trượng thừa công đức cúng dường này mà siêu sanh Tịnh độ.

Nam mô Công Đức Lâm Bồ tát Ma-ha-tát.

*Gia đình đệ tử Mai-thị-loan, Pháp danh Nhật-ân, tự
Nhuận-bảo-châu kính phiêu tả*

ĐẠO TỬ CHO GIA ĐÌNH ĐỆ TỬ NGUYỄN ĐÌNH BANG VÀ HOÀNG THỊ NGỌC TRAI

Chùa Phước-duyên Huế, mùa an cư PL 2564 - 2020

Nam mô Bổn sư Thích-ca-mâu-ni Phật!

Thưa đại gia đình Phật tử Nguyễn-đình-bang, Hoàng-thị-ngọc-trai, cùng toàn thể Phật tử hiện diện trong Pháp hội cúng dường quý mến!

Tôi thay mặt Hòa thượng Viện chủ, hiện tiền chư Tôn đức Tăng có vài lời chia sẻ đến với pháp hội cúng dường quá đường trưa hôm nay, tại trú xứ Tăng-già-lam Phước-duyên, thành phố Huế.

Cùng toàn thể quý vị quý mến!

Là người con Phật, chúng ta có vô số hạnh để thực hành lời dạy của Ngài vào trong đời sống của mình, khiến cho tất cả tập khí ô nhiễm trong tâm từ từ được thay đổi,

chuyên hóa theo một chiều hướng tích cực, dẫn đến lợi mình, lợi người, lợi hiện tại và lợi tương lai. Một trong các hạnh mà chúng ta cần phải thực tập đó là Tôn trọng hạnh.

Chúng ta biết tôn trọng nhau thì hạt giống kiêu mạn trong tâm chúng ta tự chuyển hóa; chúng ta biết tôn trọng nhau thì hạt giống ganh tị, ích kỷ trong tâm của chúng ta tự chuyển hóa; chúng ta biết tôn trọng nhau thì tất cả những gì xấu xa ở trong nhau sẽ thay đổi một cách tự nhiên sang hướng tích cực, sang hướng lợi ích cho mình, cho người từ đời này sang đời sau.

Trong một gia đình, vợ biết tôn trọng chồng, chồng biết tôn trọng vợ thì tình cảm vợ chồng càng ngày càng trở nên tốt đẹp và thánh thiện. Trong một gia đình, cha mẹ biết quý trọng con cái và chăm sóc những hạt giống tốt đẹp cho con cái, con cái của mình sẽ lớn lên trong những hạt giống tốt đẹp đó, nó sẽ đủ khả năng tiếp nối những gì tốt đẹp từ truyền thống gia đình thì gia đình chúng ta sẽ hạnh phúc biết bao. Con cái biết tôn trọng cha mẹ thì gia đình càng ngày càng trở nên đầm ấm, hạnh phúc.

Tới nơi một đạo trường, các chúng đồng tu biết tôn trọng nhau, biết tôn trọng sự thực hành pháp môn với nhau và biết hỗ trợ nhau trong sự thực hành pháp môn, thì đạo tràng ấy tự thanh tịnh, trang nghiêm mà không cần phải có người hướng dẫn, không cần phải có người ra lệnh.

Ở trong một xã hội mà mọi người biết tôn trọng nhau, thành phần này biết tôn trọng thành phần kia, thành phần kia biết tôn trọng thành phần này, thì xã hội tự nó có công bình, chánh trực.

Cho nên, Tôn trọng hạnh là một trong những hạnh tạo ra thiện căn, phước đức cho tự thân của mỗi người và đóng góp cái tích cực rất lớn lao đó vào trong đời sống của mỗi chúng ta, vào trong đời sống gia đình của chúng ta, vào trong đời sống tu học của chúng ta, vào trong đời sống của chúng ta khi ứng xử với mọi thành phần xã hội.

Một hình ảnh đẹp nhất mà Phật giáo thường đề cao ở trong kinh Pháp-hoa, đó là Bồ tát Thường-bất-khinh. Bồ tát Thường-bất-khinh là vị Bồ tát không dám khinh ai cả, dù người đó là người đã từng làm cho mình đau khổ, dù

người đó là người đã từng chỉ trích mình, dù là người đó đã từng phản bội mình, bỏ mình ra đi. Nhưng mà mỗi khi gặp, thì Bồ tát Thường-bất-khinh vẫn đem cái tôn trọng hạnh của mình ra mà ứng xử. Vì vậy mà Bồ tát Thường-bất-khinh đã trở thành vị Phật Thích-ca-mâu-ni, vị giáo chủ cõi Ta-bà, là đức Bổn sư của chúng ta hiện nay.

Cho nên, đức Bổn sư của chúng ta đã trải qua vô lượng kiếp thực hành Tôn trọng hạnh. Nhờ vậy mà Ngài có một nhân cách khác biệt, cao đẹp và Ngài đem nhân cách khác biệt, cao đẹp trải qua vô lượng kiếp kết tinh thành hoa trái giác ngộ mà hiển tặng cho chúng ta.

Chúng ta là đệ tử của đức Thế tôn, dù là tại gia hay xuất gia, chúng ta nguyện trong điều kiện của mình, thực tập hết lòng những gì mà đức Thế tôn đã dạy, thì nhất định bản thân chúng ta tự thanh cao, nhất định chúng ta sẽ hạnh phúc an lạc, từ vợ chồng, đến con cái, cha mẹ, anh chị em với nhau. Và đạo tràng chúng ta tu học và thể hiện Tôn trọng hạnh với nhau, thì nhất định đạo tràng ấy, không sinh ra những mâu thuẫn, những chỉ trích, những phê phán. Và ta đi ra ứng xử xã hội, từ cái Tôn trọng hạnh của

chúng ta mà mọi oán đối, thù hận từ mọi phía đối với chúng ta sẽ giảm thiểu, đức hạnh, an lạc và hạnh phúc của chúng ta tỏa ra giữa mọi người. Từ một người lan tỏa nhiều người, từ nhiều người mà lan tỏa ra cùng khắp mọi không gian, mọi chủng loại.

Hôm nay, quý vị cúng dường chư Tăng tu tập, an cư tại Tăng già lam Phước-duyên, PL.2564 là thể hiện một hạnh trong vô số hạnh của người Phật tử, đó là Tôn trọng hạnh. Nhờ tôn kính Tam bảo, tôn kính sự tu học của chúng Tăng và tôn kính tâm linh cao khiết nơi chính mình, mà quý vị đã thể hiện sự cúng dường này bằng cách trực tiếp, bằng tâm hồn, bằng nghị lực, bằng tịnh tài, tịnh vật và quý vị cũng đã gián tiếp cúng dường từ sự tùy hỷ công đức. Thấy bạn mình làm được một việc gì cao đẹp mà mình chưa làm được, thì mình cũng sanh tâm tùy hỷ, gởi năng lượng tùy hỷ ấy đến để chúc lành cho bạn mình. Thấy gia đình người làm được, gia đình mình chưa đủ điều kiện để làm được, thì không vì vậy mà mặc cảm, không vì vậy mà sanh tâm ganh tị, trái lại mình còn gửi năng lượng tùy hỷ công đức, tôn trọng việc làm của gia đình bạn. Nhờ vậy mà mình

cũng có chia phần ít phước đức từ nơi hạnh tùy hỷ. Cho nên, chúng ta biết thực hành pháp tùy hỷ, thì chúng ta có kho tàng phước đức vô tận để sống, để tạo ra lợi lạc, để tạo ra bình an và ở đâu chúng ta cũng có thể tạo ra phước đức, phước đức đến nỗi như là một kho tàng hoan hỷ mà chúng ta thường hay kết thúc lời tác bạch, hay kết thúc những công việc gì bằng xưng danh hiệu của vị Bồ tát này - Nam mô Hoan Hỷ Tạng Bồ tát.

Mong rằng, trai chủ cũng như toàn thể Phật tử có mặt trực tiếp, gián tiếp cúng dường trong Pháp hội này, đều nhập vào kho tàng phước đức vô tận do hạnh hoan hỷ đem lại và nguyện đem công đức này, hồi hướng cho những người thân yêu trong gia đình, ai chưa tín kính Tam bảo, thì cơ hội này sẽ phát tâm tín kính; ai chưa học hạnh giác ngộ, giải thoát thì cơ hội này học hạnh giác ngộ, giải thoát; ai chưa tin nhân quả thì cơ hội này là cơ hội để niềm tin nhân quả phát sinh. Và đem công đức này hồi hướng cho cha mẹ, cho tổ tiên hiện tại cũng như nhiều đời, bà con nhiều kiếp, người còn sống hoàn cảnh nào, không gian nào, thân tướng nào, nghề nghiệp nào, cũng đều an lạc hạnh phúc và những

người đã qua đời trọng thừa công đức này, mà sanh về thế giới an lành. Và cuối cùng, đem công đức này hồi hướng cho pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

Nam mô Thường Tinh Tấn Bồ tát Ma-ha-tát.

Gia đình trai chủ kính ghi

CÙNG ĐI TRÊN ĐƯỜNG VUI

Pháp thoại trong Khóa tu mùa hè 2019 – 2563, tại chùa

Phước-duyên, Huế, cho các sinh viên trẻ.

Muốn cùng nhau đi trên đường vui, các bạn trẻ cần lưu ý thực tập năm điều hiểu biết sau đây:

1- Biết pháp

Biết pháp là biết rõ hai pháp Thiện và Ác. Thiện đưa ta đến hạnh phúc an lạc đời này và đời sau. Ác đưa ta đến khổ đau đời này và đời sau.

Hành động thiện là hành động đưa đến lợi mình, lợi người đời này và đời sau. Nhưng, cũng có khi tạo ra sự thiệt hại và khó khăn cho mình và cho người tạm thời trong hiện tại, nhưng sẽ đưa đến những kết quả tốt đẹp lâu dài trong tương lai.

Hành động ác là hành động đưa đến hại mình, hại người, đời này và đời sau. Nhưng, có khi hành động ác, cũng tạo ra lợi ích cho mình và cho người tạm thời trong hiện

tại, nhưng sẽ đưa đến những kết quả xấu lâu dài trong tương lai.

Ai biết pháp, người ấy sẽ không hành động theo điều ác mà chỉ hành động theo điều thiện, họ sẽ luôn luôn nỗ lực hoàn thiện bản thân trong mọi hoàn cảnh và tạo điều kiện để giúp những người khác sống thiện và tự hoàn thiện.

2- Biết xứ

Biết xứ là biết rõ không gian hay môi trường mà điều ác hay điều thiện có thể phát sinh.

Ai biết xứ, người ấy chỉ chọn không gian hay môi trường tương tác để cho điều thiện phát sinh mà không chọn không gian hay môi trường tương tác khiến điều ác phát sinh.

3- Biết thời

Biết thời là biết chọn thời gian thích hợp để hành động, khiến điều tốt phát sinh, điều ác tự tiêu diệt.

Ai biết thời, người ấy biết chọn thời gian thích hợp để

hành động, khiến cho điều thiện sinh ra và lớn lên, đồng thời khiến cho điều ác không thể sinh ra và nếu có sinh ra, thì không thể tồn tại.

4- Biết sự

Biết sự là biết chọn công việc thích ứng để hành động, khiến ngay nơi công việc cho mình và cho người một kết quả tốt đẹp.

Ai biết sự, người ấy biết chọn công việc phù hợp với điều kiện tốt đẹp của mình đang có thể, để tiến tới những công việc tốt đẹp sẽ có thể, trong một tương lai gần và một tương lai xa.

5-Biết nhân

Biết nhân là biết đúng người để kết giao, huấn luyện và giao trách nhiệm thích hợp, đúng khả năng công việc, khiến dẫn sinh những kết quả tốt đẹp lâu dài.

Ai biết nhân, người ấy biết chọn đúng người để kết giao, huấn luyện và giao trách nhiệm đúng việc, đúng chức năng, khiến công việc thành tựu tốt đẹp.

Như vậy, muốn cùng nhau đi trên đường vui, thì chúng ta phải biết thực hiện năm điều hiểu biết này. Chính năm điều hiểu biết này là những điều kiện của con đường vui, vì nó có khả năng chế tác cho ta một cuộc sống bình an, hạnh phúc và có một giá trị rất thiết thực để dẫn chúng ta cùng nhau đi trên đường vui từ sự thăng hoa này đến những sự thăng hoa khác trong cuộc sống của con người và cao hơn.

Học chúng Chánh-tâm kính ghi

PHÁP THOẠI CỦA THẦY THÍCH THÁI HÒA CHIA SẺ TẠI TINH XÁ VĂN THÙ - THÀNH PHỐ PENANG - MALAYSIA

Kính thưa quý vị!

Đức Phật của chúng ta dạy: "Lấy trí tuệ làm sự nghiệp". Vì vậy, chúng ta phải biết nuôi dưỡng và phát triển trí tuệ của chúng ta trong đời sống hằng ngày. Kham nhẫn là kiên trì trong sự nghiệp phát triển trí tuệ, chính đó là mục đích của kham nhẫn, chứ kham nhẫn không có mục đích nào khác. Chúng ta càng hiểu biết, càng có trí tuệ thì sự kham nhẫn càng lớn và càng trở nên tự nhiên trong đời sống chúng ta. Không có hiểu biết chúng ta không có khả năng kham nhẫn.

Trong ba vị Bồ tát, Bồ tát Văn-thù-sư-lợi là biểu tượng cho sự nghiệp trí tuệ; Bồ tát Quán-thế-âm là biểu tượng cho sự nghiệp từ bi; và Bồ tát Phổ-hiền là biểu tượng cho

mọi hành hoạt, biến trí tuệ và từ bi trở thành đời sống, đời sống ấy không bị giới hạn bởi không gian và thời gian, bởi giai cấp và nghiệp loại của chúng sanh. Tất cả chúng ta là những cánh tay nối dài của Bồ tát Văn-thù-sư-lợi, của Bồ tát Quán-thế-âm và Bồ tát Phổ-hiền.

Tôi rất vui khi đến thành phố Penang của đất nước Malaysia. Ở nơi xứ sở này lại có một Tinh xá khiêm tốn mang tên Bồ tát Văn-thù-sư-lợi. Tôi mong rằng, vị Tinh xá chủ là Trí-nhẫn và các Phật tử có nhân duyên với Tinh xá này biết hỗ trợ nhau tu tập, trong tinh thần Bồ tát đạo để đưa Tam thừa hội nhập Nhất thừa và làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh. Bây giờ xin quý vị cùng chúng tôi thực tập để nuôi dưỡng hạt giống trí tuệ, từ bi và hành hoạt của Phật giáo:

"Thở vào, tôi biết, tôi đang thở vào; thở ra, tôi biết, tôi đang thở ra".

"Thở vào, tôi biết tôi đang hiện hữu với chính tôi; thở ra, tôi biết tôi đang hiện hữu với chính tôi".

"Thở vào, tôi biết tôi đang hiện hữu với mọi người; thở ra,

tôi biết tôi đang hiện hữu với mọi người".

"Thở vào, tôi biết tôi đang hiện hữu với mọi loài và thiên nhiên; thở ra, tôi biết tôi đang hiện hữu với mọi loài và thiên nhiên".

"Thở vào, tôi biết trong tôi đang có tất cả; thở ra, tôi biết tất cả đang có trong tôi".

Sau khi thiền tập xong, xin quý vị khởi tâm buông xả và chuyển động cơ thể.

Chúc quý vị thực tập thành công mỗi ngày.

Kính xin đức Phật từ bi da hộ cho tất cả chúng ta.

Penang-Malaysia 06.11.2015

Đệ tử Từ-niệm và Nhuận-pháp-nguyên kính ghi.

PHÁP THOẠI CỦA THẦY THÁI HÒA CHIA SẺ TẠI NALANDA CENTER, THỦ ĐÔ KUALA LUMPUR, MALAYSIA

Nam mô Bôn sư Thích-ca-mâu-ni Phật.

Thưa quý vị,

Hôm nay, ngày 8.11.2015 tại Nalanda Center ở thủ đô Kuala Lumpur, Malaysia, chúng tôi có nhân duyên đến thăm trung tâm tu học này. Chúng tôi rất vui mừng, vì ở nơi đây gợi nhớ về ba năm trước, chúng tôi đã từng đến đại học Nalanda, bang Bihar của Ấn-độ để cầu nguyện và tưởng niệm hơn 3.000 giáo thọ và 10.000 Tăng sinh viên đã bỏ mình trong một biến cố đau buồn xảy ra vào cuối thế kỷ thứ 12. Ở nơi đại học này, tôi đã chia sẻ Pháp thoại đến các Phật tử khắp nơi về dự đại lễ và cũng đã chia sẻ Pháp thoại đến Tăng sinh viên của đại học Nalanda. Và, cũng đã

gợi cho tôi nhớ lại chuyến đi thăm, nghiên cứu ở Nhật-bản vào tháng 4 năm 2014, tại Vương đường Phật giáo ở Hyogo. Các bậc Tôn đức ở nơi Vương đường này cho chúng tôi biết, họ đang xây dựng một đại học Nalanda mang tính toàn cầu tại Nhật-bản để phục hoạt đại học Nalanda từ Ấn-độ. Nhân chuyến đi nghiên cứu Phật giáo và văn hóa tại Indonesia và Malaysia, tôi lại có duyên đến trung tâm giáo dục Phật giáo ở vùng ngoại ô Kuala Lumpur này, được quý vị trình bày cho biết tâm nguyện và mục đích của trung tâm. Trung tâm giáo dục Phật giáo Nalanda đã được thành lập từ năm 2003, và trong tương lai sẽ phát triển rộng lớn, quy mô với diện tích 25 hecta. Đây là một trong những điều làm chúng tôi cảm thấy ấm áp trong chuyến đi này. Sau đây, chúng tôi xin chia sẻ một vài điều đến với hội đồng điều hành của trung tâm:

Con đường thiền tập

Thiền tập là con đường quay về với ngôi nhà tâm linh của mình. Nó giúp chúng ta lấy lại chủ quyền trong đời sống. Nó giúp chúng ta bỏ ác làm lành và phát triển tâm ta trong sáng gồm đầy đủ những chất liệu: Từ vô lượng, Bi vô

lượng, Hỷ vô lượng, Xả vô lượng. Thực tập từ bi qua thiền định, chúng ta có khả năng ôm ấp, chuyển hoá những hạt giống thấp kém nơi tâm thức trở thành những hạt giống lành mạnh, trong sáng. Thực tập hỷ xả trong thiền định, là ôm ấp và phát triển những hạt giống tốt đẹp trong tâm ta đến chỗ hạnh phúc và cao quý tốt cùng. Ta không thấy được, không thương được những gì tốt đẹp nơi ta thì ta cũng khó mà chăm sóc những gì tốt đẹp cho người khác. Nên, thiền tập với tâm từ bi rất quan trọng đối với những người con Phật. Và, thiền tập với tâm hỷ xả là biết từ bỏ những hạt giống thấp kém nơi tâm ta. Nếu không từ bỏ những hạt giống thấp kém này, ta khó mà có được giải thoát và tự do. Nên, thiền tập với hỷ xả thì rất quan trọng với người con Phật.

Vậy, con đường thiền tập của chúng ta là để nuôi lớn những chất liệu Từ, Bi, Hỷ, Xả trong đời sống hàng ngày của chúng ta.

Nalanda Center, Kuala Lumpur, Malaysia 8.11.2015,

Đệ tử Từ-niệm và Nhuận-pháp-nguyên kính ghi

NIỀM TIN VÀ LỄ SỐNG

Thưa quý vị.

Hôm nay ngày 4 tháng 11 năm 2015. Chúng tôi có nhân duyên đến công ty theo lời của ban giám đốc là ông bà Stefanus và Erryana. Chúng tôi xin chia sẻ đến quý vị 5 điều như sau:

1. Chúng ta sống cần có một niềm tin

Vì niềm tin giúp chúng ta phát sinh sự hy vọng và giúp chúng ta vươn lên một đời sống cao đẹp. Sống không có niềm tin, chúng ta không có gì để hy vọng và không có khả năng cải thiện đời sống. Do đó, sống chúng ta cần có một niềm tin.

2. Trái tim chân thật

Chúng ta hãy đến với nhau bằng tất cả trái tim và hãy sống với nhau bằng tất cả tấm lòng chân thật. Tấm lòng chân thật có khả năng chế tác ra hạnh phúc lâu dài cho chúng ta.

3. Hiểu biết

Chúng ta muốn có hiểu biết thì phải luôn luôn học hỏi. Chúng ta hãy học hỏi ngay nơi chính đời sống của chúng ta. Chúng ta hãy học hỏi ngay nơi mọi vật chung quanh chúng ta. Chúng ta hãy học hỏi ngay nơi đồng nghiệp của chúng ta. Sự hiểu biết càng lớn thì hành động của chúng ta càng thực tế và sự khoan dung độ lượng nơi tâm hồn chúng ta càng cao.

4. Thương yêu

Chúng ta không thể lớn lên, nếu trong đời sống chúng ta thiếu tình thương của cha mẹ, anh, chị, em, bạn bè, gia đình huyết thống và gia đình tâm linh. Thiếu tình thương, đời sống chúng ta không thể đâm chồi nảy lộc.

5. Giúp đỡ lẫn nhau

Ta không thể tự tồn tại, nếu không có những người chung quanh ta và không có muôn vật hỗ trợ ta. Quý vị cứ thử xem, lỗ mũi nhờ đôi mắt, đôi mắt nhờ lỗ mũi; phổi nhờ lỗ mũi, bao tử nhờ miệng và miệng nhờ bao tử; tay phải nhờ

tay trái, tay trái nhờ tay phải; chân trái nhờ chân phải, chân phải nhờ chân trái. Mọi bộ phận trong cơ thể chúng biết giúp đỡ lẫn nhau một cách tự nhiên. Nhờ vậy mà tạo thành một cơ thể, tạo thành một đời sống. Cũng vậy, sống trong đời ta cần hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau, nhất là các thành viên trong một công ty. Do đó, chúng ta cần phải thực tập chất liệu biết giúp đỡ lẫn nhau.

Thưa quý vị, trong đời sống, nhiều khi quý vị đã bị áp lực bởi công việc và bị áp lực bởi cuộc sống, nên quý vị giận dữ với nhau. Mỗi khi cảm xúc giận dữ xảy ra ở nơi quý vị, thì quý vị nói năng, làm việc và đối xử với nhau hoàn toàn mất kiểm soát. Nên, tôi đề nghị, mỗi khi cảm xúc tiêu cực ấy xảy ra, quý vị hãy nhắm mắt lại, tập trung tâm ý, theo dõi hơi thở, thở vào thật sâu và thở ra từ từ. Làm như thế đến mười lần, quý vị sẽ kiểm soát được cảm xúc của mình, rồi mở mắt ra và mỉm cười, khiến cho cảm xúc tiêu cực của quý vị không còn.

Sau cùng, tôi muốn nhắc nhở đến quý vị một điều rằng, quý vị là công ty chuyên vận hàng hóa quốc tế, quý vị không những chỉ chuyên vận hàng hóa vật thể mà còn

chuyên vận hàng hóa phi vật thể, đó là những giá trị tinh thần đến với những đối tác của mình trên thế giới. Như vậy, ý nghĩa và việc làm của quý vị vô cùng có giá trị. Chúc quý vị thực hành thành công.

Trước khi dứt lời, tôi xin cảm ơn Ban giám đốc và toàn thể nhân viên của công ty đã lắng nghe những gì tôi chia sẻ.

Jakarta-Indonesia, 4.11.2015

Đệ tử Từ-niệm và Nhuận-pháp-nguyên kính ghi

PHÁP THOẠI TẠI TIỆP KHẮC

Hôm nay, ngày 06 tháng 06 năm 2018, tại tư thất Thiết-Uyên, Praha, nước Cộng hòa Czech, Phật tử Lan-anh đến thăm Hòa thượng Thích-thái-hòa từ CH Liên bang Đức và đã xin Hòa thượng chia sẻ Pháp môn tu tập Tịnh độ như thế nào, để có hiệu quả tốt đẹp. Nhân đây, Hòa thượng đã chia sẻ đến Đại chúng nội dung như sau:

1. Trước khi niệm danh hiệu Phật A-di-đà, vị hành giả chấp tay cung kính nói lên rằng:

"Đệ tử chúng con quy y Phật không quy y trời thần quỷ vật; Đệ tử chúng con quy y Pháp không quy y ngoại đạo tà giáo; Đệ tử chúng con quy y Tăng không quy y bè bạn xấu ác".

2. Sau khi nói ba điều ấy xong, vị hành giả khởi tâm sám hối khiến ba nghiệp thanh tịnh, bằng cách tự nói lên rằng:

"Đệ tử chúng con từ vô thủy kiếp cho đến ngày nay, tạo ra bao nhiêu ác nghiệp đều do vô thủy tham sân si từ thân,

miệng, ý mà phát sinh ra. Đệ tử chúng con ngày nay chỉ thành sám hối. Nam mô Cầu Sám Hối Bồ tát Ma-ha-tát".(3lần)

3. Hành giả Tịnh độ tiếp tục tự nói:

"Đệ tử chúng con phát Bồ đề tâm trên cầu tuệ giác chư Phật, dưới khởi tâm từ bi cứu độ hết thảy chúng sinh. Cúi xin Tam bảo chứng minh cho sự phát Bồ đề tâm của chúng con" (3 lần).

4. Trì niệm danh hiệu đức Bổn sư Thích-ca-mâu-ni Phật 3 lần. Vì sao? Vì đức Phật Thích-ca-mâu-ni là vị Bổn sư của hết thảy chúng sinh trong cõi Ta-bà này và từ nơi Ngài chúng ta mới biết đến nhân quả tội phước; mới biết đến hiếu kính, hiếu sự đối với cha mẹ, thầy, chúng Tăng và Tam bảo để trau dồi phước đức cho đời này và đời sau. Và qua lời dạy của Ngài, giúp cho chúng ta biết rằng, ngoài quả đất này còn có các cõi trời Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, các cõi Tịnh độ chư Phật mười phương trong đó có Tịnh độ Phật A-di-đà. Cho nên, chúng ta niệm ngài Bổn sư là vị thầy gốc của chúng ta trước khi trì niệm danh hiệu

của ngài A-di-đà, vị bổn tôn của Tịnh độ A-di-đà.

5. Chúng ta bắt đầu trì niệm danh hiệu của Phật A-di-đà qua nhiều phương pháp khác nhau:

- Thầm niệm danh hiệu Phật A-di-đà từ một đến mười niệm với tâm hoàn toàn tỉnh giác.

- Thầm niệm danh hiệu Phật A-di-đà theo nhịp thở vào và ra, cho đến khi tâm được thuần nhất.

- Trì niệm danh hiệu Phật A-di-đà bằng cách tay lần tràng hạt.

- Trì niệm danh hiệu Phật A-di-đà bằng cách phát ra thanh âm và ghi nhớ từng âm thanh niệm Phật ấy một cách rõ ràng.

- Trì niệm danh hiệu Phật A-di-đà bằng cách quán chiếu bản nguyện của Phật A-di-đà, hoặc hình tượng của Phật A-di-đà, hoặc cảnh giới của Phật A-di-đà.

- Trì niệm danh hiệu Phật A-di-đà bằng cách đi, đứng, nằm, ngồi ở trong sự tỉnh giác, ở trong chánh niệm, ở

trong tâm nguyện từ bi.

Hành giả tu tập Tịnh độ là để phát hiện tự tính Phật A-di-đà nơi tự tâm khiến cho vô minh phiền não nơi tâm được lắng yên, tự tính Phật A-di-đà nơi tự tâm hiện ra thích ứng với Tịnh độ Phật A-di-đà ở phương Tây. Và cảnh giới của Phật A-di-đà ở phương Tây với tự tính Phật A-di-đà ở nơi tự tâm là bất nhị. Cho nên, tuy hành giả cầu sanh Tịnh độ mà vẫn thường trú ở trong tự tính bất sanh, và tuy rằng, bất sanh Tịnh độ mà hành giả vẫn thường sanh ở Tịnh độ trong hiện tiền. Ấy là tu tập thành công của một hành giả Tịnh độ.

Nam mô A-di-đà Phật.

Đệ tử Nhuận-pháp-nguyên kính ghi

THẦY TRÒ CÙNG ĐI TRÊN ĐƯỜNG VUI

*Đạo từ thầy Thích-thái-hòa chia sẻ trong dịp lễ Trai tăng cúng
đường ở Luật viện Huệ-nghiêm Sài-gòn, ngày 19/5/2018*

Nam mô BỔn sư Thích-ca-mâu-ni Phật.

Cùng quý vị Phật tử trai chủ hiện tiền quý mến!

Qua lời tác bạch cúng dường trưa hôm nay của quý vị, chư Tôn đức Tăng Ni nhị bộ, từ trên xuống dưới im lặng. Điều ấy chứng tỏ rằng, tâm thành cúng dường, ý nguyện cúng dường của quý vị trưa hôm nay đã thành tựu như Pháp.

Tuy nhiên, trong giờ phút này, tôi xin đại lao chư Tôn đức Tăng-già nhị bộ hiện tiền, có vài lời chia sẻ đến quý vị trai chủ có nhân duyên cúng dường trưa hôm nay.

Cùng quý vị quý mến!

Ở đời có bốn trường hợp làm thầy trò với nhau. Trường hợp thứ nhất: Thầy sống dễ thương mà trò sống không dễ thương. Nghĩa là thầy nghiêm trì Giới luật, truyền trao

Chánh pháp để Chánh pháp được lưu truyền đời đời ở thế gian, nhưng học trò thì ham chơi lâu lổ, không tiếp nhận những gì thầy dạy bảo, cho nên Thầy dễ thương mà trò không dễ thương.

Trường hợp thứ hai: Học trò dễ thương mà Thầy không dễ thương. Nghĩa là học trò nỗ lực tu học, tinh cần làm đúng lời thầy dạy, đi theo đúng con đường Phật, Tổ đã đi, nhưng thầy bị chướng duyên, Giới luật không thể nghiêm trì, đạo hạnh bị khuyết tật. Đó là trò dễ thương mà thầy không dễ thương.

Trường hợp thứ ba: Thầy dễ thương mà trò cũng dễ thương. Nghĩa là thầy sống nghiêm trì Giới luật, tuyên dương Phật Pháp, giữ gìn oai nghi giới hạnh và trao truyền Phật Pháp đó cho học trò. Học trò tiếp nối, giữ gìn và phát huy trong đời sống của chính mình. Ấy là trường hợp thầy dễ thương mà trò cũng dễ thương. Học trò như vậy là học trò biết kế thừa Pháp của Phật, Pháp của thầy và không phải đến với thầy để kế thừa tài sản. Thầy dễ thương, trò dễ thương là đã nhiều đời có mặt trong nhau, đời đời tiếp nối ngọn đèn Chánh pháp làm cho Chánh pháp trường tồn

để báo đáp ơn Phật, ơn Tổ, ơn cha mẹ, ơn muôn loài chúng sinh.

Trường hợp thứ tư: Thầy không dễ thương mà trò cũng không dễ thương. Nghĩa là thầy không nghiêm trì Giới luật, mượn cảnh Phật để sống qua ngày, trò cũng không kế thừa được những gì tốt đẹp từ thầy và thầy trò càng ngày càng tăng trưởng ác tri kiến, đi lệch vào đường tà, không thuận theo nghĩa đạo. Vì vậy mà thầy trò không dễ thương với nhau, tạo ra oán kết trong hiện tại, sống xung đột với nhau, và cuối cùng thầy khổ đau, trò cũng khổ đau, cả thầy và trò đều làm cho nhau khổ đau.

Hôm nay, quý vị có nhân duyên đến tại Luật viện Huệ-nghiêm để thiết lễ Trai tăng cúng dường, nhưng quý vị biết Luật viện này là cơ sở đào tạo Tăng tài của Phật giáo trước 1975, nơi đây từng lưu xuất nhiều bậc danh Tăng của một thời chấn hưng Phật giáo và tiếp tục lãnh đạo Phật giáo qua nhiều giai đoạn khác nhau. Nơi đây là nơi mà công lao của các bậc Thầy tổ đã để lại, các thế hệ học trò của Thầy tổ đã biết tiếp nối và phát huy Chánh pháp.

Từ một ngôi chùa tranh, từ một Phật học viện đơn giản, mà ngày nay quý vị đến đây, thấy được ngôi Phạm vũ huy hoàng, tu tập thanh tịnh này, thật là một ngôi Tăng già-lam xứng đáng là học trò kế thừa Pháp mà không phải kế thừa tài sản từ Thầy tổ hay từ đức Thế tôn của chúng ta.

Vì vậy, ở nơi đây mỗi buổi chiều chư Tăng ở Tự viện Huệ-nghiêm luôn luôn hành trì và hướng dẫn quần chúng Phật tử tu học đúng Chánh pháp.

Quý vị là hàng cư sĩ tại gia, có duyên lành, nên mới có mặt ở nơi Pháp hội trưa hôm nay, để dâng lên cúng dường trai Tăng, nhân ngày khánh tuế của tôi, là vị Ân sư của quý vị. Quý vị dâng phẩm vật lên cúng dường hiện tiền chúng Tăng để hồi hướng công đức cho tất cả người còn, kẻ mất, bao nhiêu người đang sống trong đau khổ, sống trong bất như ý, sống trong oán đối chấp chùng đều được ân triêm lợi lạc, và được sống trong ánh sáng trí tuệ và từ bi của Phật pháp. Việc làm của quý vị như vậy rất có ý nghĩa, nhưng có ý nghĩa hơn là quý vị biết biến dòng dõi huyết thống trở thành dòng dõi tâm linh, bởi vì dòng dõi huyết thống chỉ tồn tại trong một gia đình, trong một dòng họ,

còn dòng dõi tâm linh thì tồn tại và có ý nghĩa của trăm họ và của muôn loài chúng sinh.

Cho nên, quý vị là những người thông minh, khôn ngoan, có nhiều duyên lành đối với Phật pháp, mà đã biết chuyển hóa gia đình huyết thống trở thành gia đình tâm linh, để quý vị có thể có được vô biên đời sống trong mọi không gian, có được vô biên đời sống trong mọi thời gian và có như vậy thì chúng ta mới sống một cách có ý nghĩa, và buổi lễ cúng dường Trai tăng trưa hôm nay mới có ý nghĩa sâu xa.

Quý vị phải biết rằng, Tăng là một đoàn thể đẹp, chứ không phải một cá nhân nào, cho nên quý vị nghĩ đến ơn đức giáo hóa của tôi, mà thiết lễ cúng dường chư Tăng hiện tiền để hồi hướng phước đức cho tất cả người còn kẻ mất đều được lợi lạc. Như vậy, quý vị làm đúng tinh thần Phật pháp.

Thật sự ra, ngày sinh ra trong thế tục thì chẳng có gì là vinh quang, bởi vì chúng ta do ái nghiệp nhiều đời, phiền não trôi buộc nhiều kiếp mà bị tái sinh trong thế giới này.

Nhưng may thay thầy trò chúng ta đã gặp được Phật pháp, cho nên chuyên hóa nghiệp lực trở thành nguyện lực và chúng ta đã trở thành thầy trò, bà con với nhau trong ánh đạo từ bi, hỗ trợ nhau thực hành Chánh pháp, lợi lạc muôn loài và hôm nay quý vị lại mở rộng tấm lòng, xem tất cả thành viên của Tăng là thầy của mình, các bậc Tôn đức vì bản nguyện độ sinh mà có mặt giữa cuộc đời để làm ruộng báu cho chúng sinh gieo trồng phước đức. Ý thức được điều ấy, nên quý vị cúng dường không khởi tâm phân biệt bỉ thử. Ấy là hạnh cúng dường đúng hướng của người tu học đạo Bồ đề.

Một lần nữa, tôi xin thay mặt chư Tôn đức Tăng-già nhị bộ hiện tiền, tán dương tâm hiếu đạo của liệt quý vị và cầu nguyện Tam bảo chứng minh cho tâm cúng dường của liệt quý vị được viên thành.

Lại xin chư Tôn đức Tăng-già nhị bộ hiện tiền mở rộng lòng từ bi hứa khả để cho tất cả Phật tử hiện tiền đều được ân triêm công đức.

Nam mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma-ha-tát.

TU TẬP TỊNH GIỚI VÀ PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

*Thầy Thích-thái-hòa giảng tại trường Hạ chùa Vạn-
đức, Thủ-đức, Phật lịch 2564*

I. Khái quát

1-Pháp môn Tịnh độ được thiết lập trên nền tảng của Tịnh giới

Chúng ta muốn tu tập pháp môn Tịnh độ thành công thì sự thành công ấy, phải đặt trên nền tảng của Tịnh giới. Bởi vì, thế giới Tịnh độ của chư Phật nói chung và thế giới Tịnh độ của đức Phật A-di-đà nói riêng, đều được thiết lập trên nền tảng của Tịnh giới. Tịnh giới có ba chủng loại: Chủng loại thứ nhất là Nhiếp luật nghi giới, chủng loại thứ hai là Nhiếp thiện pháp giới và chủng loại thứ ba là Nhiêu ích hữu tình giới.

Như vậy, Tịnh độ của chư Phật mười phương và đức Phật A-di-đà đều thiết lập trên nền tảng của Tịnh giới. Cho nên không có Tịnh giới là không bao giờ có Tịnh độ, bởi vì thế

giới Tịnh độ là thế giới mà không có ba đường xấu ác (địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh). Như đại nguyện thứ nhất trong bốn mươi tám đại nguyện của đức Phật A-di-đà khi hành Bồ tát đạo, Ngài đã nguyện rằng: "Nguyện khi tôi thành Phật, cõi nước Tịnh độ của tôi không có ba đường dữ xấu ác là địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh".

Tại sao Tịnh độ của đức Phật A-di-đà không có ba đường xấu ác đó? Tại vì chư thiên, nhân loại ở nơi thế giới Tịnh độ của đức Phật A-di-đà hay là những chư thiên, nhân loại trong mười phương muốn sanh về thế giới Tịnh độ của Phật A-di-đà toàn là những người không gieo nhân xấu, không gieo nhân ác, không tạo ra nghiệp ác, cho nên thế giới Tịnh độ của Phật A-di-đà không có ba đường xấu ác là địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. Vì sao không có ba con đường đó? Bởi vì không có ai tạo ác nghiệp để có cảnh giới của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Và nguyện thứ hai trong bốn mươi tám đại nguyện của đức Phật A-di-đà còn nguyện rằng: "Những vị chư thiên, nhân loại trong mười phương sanh về nước tôi rồi thì không còn đọa lạc lại ở trong địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh".

Cho nên, thế giới Tịnh độ là thế giới mà không có ba đường xấu ác và không có con người nghĩ về điều ác, do đó thích ứng với chủng loại thứ nhất là Nhiếp luật nghi giới. Nghĩa là chủng loại Giới đình chỉ hết thảy điều ác thuộc về thân, ngữ và ý. Nên, Tịnh độ Phật A-di-đà được xây dựng trên nền tảng Nhiếp luật nghi giới.

Thế giới Tịnh độ của Phật A-di-đà tu tập càng ngày càng tiến lên qua tấn căn, tấn lực, cho nên từ cái thiện của thế giới con người, tiến lên cái thiện của thế giới chư thiên; rồi từ cái thiện của thế giới chư thiên, tiến lên cái thiện của các bậc Thanh văn; rồi cái thiện của các bậc Thanh văn, tiến lên cái thiện của các bậc Duyên giác; rồi cái thiện của các bậc Duyên giác, tiến lên cái thiện của các bậc Bồ tát, cho đến Bồ tát Nhất sanh bồ xứ, và cho đến cái thiện hoàn hảo của Phật. Do đó, Tịnh độ của đức Phật A-di-đà được xây dựng trên nền tảng chủng loại Giới thứ hai là Nhiếp thiện pháp giới.

Chủng loại Giới thứ ba là Nhiêu ích hữu tình giới. Tại sao đức Phật A-di-đà hành Bồ tát đạo, Ngài nguyện thiết lập thế giới Tịnh độ? Bởi vì, khi hành Bồ tát đạo, Ngài đi học

đạo và giáo hóa chúng sanh khắp cả mười phương thế giới với nhiều hình thức khác nhau, Ngài đã tham vấn tất cả Tịnh độ của chư Phật khắp mười phương. Từ đó, Ngài rút ra bốn mươi tám đại nguyện để thiết lập cõi Tịnh độ cho chúng sanh tương thích.

Như vậy, Tịnh độ của đức Phật A-di-đà được thành tựu là từ nơi chủng loại Giới thứ ba là Nhiều ích hữu tình giới. Ngài thành lập Tịnh độ là vì lợi ích chúng sinh, chứ không phải thành lập Tịnh độ để mình làm giáo chủ.

2-Ba pháp quy y và Năm giới trong pháp hành Tịnh độ

Tịnh giới có liên hệ mật thiết đến pháp môn Tịnh độ. Vì vậy, muốn thực hành pháp môn Tịnh độ có hiệu quả thì mình phải phát nguyện quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Tuy nhiên, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng ở đây không phải là từ nay cho đến trọn đời mà là "con nguyện đời đời kiếp kiếp quy y Phật, không quy y trời thần quỷ vật; nguyện đời đời kiếp kiếp quy y Pháp, không quy y ngoại đạo tà giáo; nguyện đời đời kiếp kiếp quy y Tăng,

không quy y tôn hữu ác đảng hay là thầy tà bạn ác" và "nguyện đời đời kiếp kiếp giữ gìn không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối, không uống rượu và các chất say nghiện". Nếu chúng ta có nền tảng của Tịnh giới thì chúng ta tu tập pháp môn Tịnh độ rất dễ thành công. Còn nếu tu Tịnh độ mà không thiết lập trên nền tảng của Tịnh giới, thì Tịnh độ đó không có cơ sở giúp mình đi tới ước nguyện vãng sanh. Đây là giải thích Tịnh độ qua lăng kính của người hành trì Giới luật.

II. Nhân duyên phát khởi niềm tin

Thưa đại chúng, nhiều vị đã hỏi tôi:

- "Thưa thầy! Thầy tin có Tịnh độ Phật A-di-đà không?".

Tôi trả lời: "Tôi tin tuyệt đối có Tịnh độ Phật A-di-đà".

- "Vì sao Thầy tin tuyệt đối có Tịnh độ Phật A-di-đà?"

"Vì tôi tin tuyệt đối vào Tịnh giới; vì tôi tin tưởng tuyệt đối vào phẩm tính giác ngộ và tuệ giác của đức Phật Thích-ca; tôi tin tuyệt đối vào Giáo pháp của đức Phật dạy; tôi tin tuyệt đối vào sự thanh tịnh hòa hợp của Tăng

đoàn và vì tôi có niềm tin tuyệt đối như vậy, cho nên tôi tin tuyệt đối có Tịnh độ. Không phải tôi chỉ tin có Tịnh độ Phật A-di-đà, mà còn tin có Tịnh độ của chư Phật khắp mười phương".

- "Thầy chưa vãng sanh Tịnh độ, sao Thầy tin tuyệt đối về Tịnh độ?"

"Mặc dù, tôi chưa vãng sanh Tịnh độ, nhưng tôi tin tuyệt đối có thế giới Tịnh độ, qua bốn duyên khởi: Chứng kiến, thực nghiệm, suy nghiệm và nghe thấy từ các bậc trí giả".

1-Chứng kiến

Nhân duyên thứ nhất tôi tin tuyệt đối về thế giới Tịnh độ là do tôi có chứng kiến từ Thầy tổ chúng tôi, từ thiện hữu tri thức của chúng tôi, từ tin đồn mà chúng tôi thấy rằng, họ tu tập pháp môn Tịnh độ thành công và có kết quả nhất định.

Sau năm 1975, quê tôi có bác Cửu-cang làm Khuôn trưởng Khuôn Thành-công, Quảng-điền, tỉnh Thừa-thiên. Bác là ông nội của Hòa thượng Tịnh-diệu, Trụ trì chùa Giác-hải, Vạn-ninh, Khánh-hòa. Lúc đó bác khoảng hơn

80 tuổi, chỉ bị bệnh nhẹ. Hòa thượng Tịnh-diệu từ Khánh-hòa đi về Huế và mời tôi cùng thầy Thuận-trực (Giám tự Tổ đình Tây-thiên, Huế) về thăm và cầu an cho ông nội. Khi về làm lễ cầu an, Hòa thượng Tịnh-diệu lúc bảy giờ nói "xin quý thầy tụng cho một biến kinh A-di-đà". Tôi mới cười và nói: "Nếu mà tụng kinh A-di-đà, ông nội thấy cảnh giới của Phật trang nghiêm đẹp như thế thì ông xả báo thân về Tịnh độ liền sao?". Ông nội của Hòa thượng bỗng chấp tay lại nói: "Cái đó đệ tử đâu dám, chuyện đó là Phật sắp xếp, đệ tử đâu dám". Thế là ba anh em chúng tôi tụng kinh A-di-đà. Ông nằm chấp tay lắng nghe, tụng kinh xong, ông kêu thầy Tịnh-diệu: "Thầy đáp y hậu, ngồi trên đầu, nói lại giới Bồ tát tại gia cho tôi nghe". Hòa thượng Tịnh-diệu mới đáp y hậu, ngồi trên đầu, nói lại giới Bồ tát tại gia cho ông nghe về sự phát Bồ đề tâm, về sự phát đại nguyện, về Tín, Nguyện, Hạnh của người thọ trì Bồ tát giới tại gia. Nghe xong thì ông nói với ba cô con gái: "Các con pha nước cho ba Thầy dùng". Ba cô con gái nói: "Thưa Ông, mấy con pha rồi". Ông nói: "Ba thầy của mình ở đó rồi, nhưng mà còn có ba thầy đang đi đến, pha nước chuẩn bị cho ba thầy dùng". Hòa

thượng Tịnh-diệu mới vỗ trên vai ông nói "Ôn giữ chánh niệm, niệm Phật". Ông nói: "Không, tôi nói thật mà". Một lát sau ba cô con gái đó hét lên một cái, thì tôi hỏi sao hét lên như vậy, họ nói rằng: "Có ba thầy, mặc ba chiếc áo vàng đi từ không trung đến và đang đứng trước sân". Ba cô con gái nói như vậy, mình thì không thấy gì cả, nhưng ba cô ấy nói một cách rất rõ ràng. Xong một lát, trông thấy nét mặt của ông nội rất tươi và đẹp, ông nhắm mắt lại, thì cả ba anh em chúng tôi đến đứng xung quanh và hộ niệm, vừa niệm "Nam mô A-di-đà Phật", thì ông vừa chấp tay và nhìn chúng tôi, ông cũng niệm "Nam mô A-di-đà Phật", và niệm cho đến khi ông đưa hai tay ập lên trái tim của mình và đi.

Rõ ràng, tu tập Tịnh độ có kết quả, có kết quả mà chính là tôi chứng kiến, chứ không phải sách vở, không phải nghe người khác kể. Vì vậy, tôi tin tu tập Tịnh độ chí thành, chí thiết là có kết quả. Cảnh giới Tịnh độ của chư Phật là cảnh giới có thực, cảnh giới của Phật A-di-đà là cảnh giới có thực, đó là một chuyện mà tôi đã chứng kiến.

Chuyện thứ hai. Một hôm vào lúc 9h tối, mẹ tôi nhức đầu

nhẹ, rồi bà nói với ông già tôi là: "Ôn ra vườn hái cho tôi chín ngọn lá trường sanh, rửa sạch, rồi đem vào giúp tôi". Ông già tôi mới ra ngoài vườn hái chín ngọn lá trường sanh, rửa sạch và đem vào cho bà. Bà ngồi với tư thế kiết già, nhai chín ngọn lá đó và khi nhai xong, thì ông già tôi ra đóng cửa, trong này bà niệm Phật ba tiếng thiết to: "Nam mô A-di-đà Phật. Nam mô A-di-đà Phật. Nam mô A-di-đà Phật". Khi ông già tôi đóng cửa xong, đi vào thì thấy bà đi rồi. Đó là chuyện mẹ tôi.

Thân phụ của tôi 94 tuổi cũng đau rất nhẹ nhàng. Trước khi xả bỏ báo thân là ông ăn một tô cháo, rồi dạy con cháu ngồi xung quanh đó, ông đem tiền lì xì cho mỗi đứa ngồi xung quanh và dặn: "Ngồi đó ta ngủ nửa giờ ta dậy". Ông ngủ đủ nửa giờ ông dậy, xong, ông chống gậy đi vào nhà vệ sinh. Người cháu kêu bằng bác ruột diu ông đi thì ông nói: "Không cần, bác đi được". Ông vào nhà vệ sinh đóng cửa lại, đi vệ sinh. Đi vệ sinh xong, tự rửa tay, làm vệ sinh sạch sẽ xong, ông ra ngồi trên giường. Ngồi khoảng mười lăm phút, một người em con chú của tôi, báo tôi là bác sắp đi. Tôi liền bước vào phòng của ông, ngồi trên đầu giường.

Ông nằm xuống kê đầu trên chân của tôi và ông niệm Phật. Tôi niệm Phật cùng ông và cuối cùng chưa đầy năm phút, ông nhìn tôi một cái, rồi nhắm mắt ra đi.

Đó là tự thân tôi chứng kiến, những vị tu tập Tịnh độ, mà Ông thân tôi cũng là Khuôn trường Khuôn Thành-công. Nghĩa là Ông thân tôi bao giờ cũng đặt Tam bảo lên đỉnh đầu, một Giới nhỏ cũng không bao giờ phạm. Những ngày gần mất, tôi hỏi "Ông muốn gì", ông nói: "Không muốn gì nữa, chỉ muốn về với Phật thôi, mọi chuyện Khuôn hội, họ tộc đều sắp xếp hết cả rồi!".

Như vậy, quý vị thấy, ba vị cư sĩ, họ không thông Tam tạng giáo điển, họ không giảng dạy giáo lý Phật giáo, thế mà họ an lạc xả bỏ báo thân này. Cho nên, Phật pháp là phải hành trì, phải đặt hết niềm tin vào đó để mà sống, chứ không phải đội niềm tin lên đỉnh đầu, phải biến niềm tin trở thành đời sống. Cho nên tôi trả lời mạnh dạn là tôi tin Tịnh độ Phật A-di-đà một cách tuyệt đối, vì tôi tin Tịnh giới tuyệt đối. Và tôi tin điều đó có cơ sở, vì chính bản thân tôi chứng kiến. Chưa nói đến các bậc cao đức của mình. Các bậc cao đức của mình có những vị cũng rất

tuyệt vời, nhưng mà mình không chứng kiến chỉ nghe nói thôi, còn đây là chứng kiến thực sự. Cho nên, thấy các vị chết mình thêm quá, cũng muốn chết luôn, mà đâu có dễ.

Từ đó, chết mới không làm mình sợ hãi nữa, không lo lắng, bởi vì có những người chết rất là đẹp, thì tại sao mình tu hành mà sợ chết? Chỉ sợ mình sống không dễ thương, sống không đẹp. Còn mình sống đẹp, sống có niềm tin Tam bảo, sống có Tịnh giới, sống có sự da trì lực của Tam bảo, sống có sự da trì lực từ bản nguyện của các Ngài, thì nhất định mình sống đẹp, mình chết cũng đẹp. Cho nên, thứ nhất là do Chứng kiến, nên tôi tin có Tịnh độ của chư Phật và hiệu quả hành trì từ pháp môn ấy.

2-Thực nghiệm

Thứ hai là do sự thực nghiệm.

Trong gia đình, vợ chồng gây nhau mà có người tu Tịnh độ, người chồng gây bà vợ, bà vợ đứng yên lặng nói: "Nam mô A-di-đà Phật, Nam mô A-di-đà Phật, Nam mô A-di-đà Phật", lúc đầu bà niệm thì ông chồng thấy khó chịu, nhưng khi bà niệm đến ba niệm, đến năm niệm là cái

giận của ông chồng, cái dữ dội của ông lắng xuống liền. Hoặc hai, ba chị em gây nhau; hai, ba anh em gây nhau thì cũng vậy. Mình giận ai, mình nhắm mắt lại, theo dõi hơi thở vào ra của mình, nhiếp tâm niệm Phật theo hơi thở vào ra, cơn giận của mình sẽ lắng xuống, bực bội của mình sẽ lắng xuống.

Như vậy rõ ràng, nếu mình không tin và không thực hành lời Phật dạy thì thôi; còn tin và thực hành thì kết quả sẽ xảy ra cho mình ngay trong đời sống này, chứ chưa nói là sau khi kết thúc đời sống này. Cho nên, tôi tin tưởng pháp môn Tịnh độ, vì tôi tin tưởng Tịnh giới và đã thực hành Tịnh giới. Tôi đã thực hành pháp môn này bằng sự thực nghiệm trong đời sống của chúng tôi, tôi nhiếp phục được tham, tôi nhiếp phục được sân, tôi nhiếp phục được si, tôi nhiếp phục được cái nghi ngờ trong đời sống của mình.

3-Suy nghiệm

Thứ ba là suy nghiệm.

Giống như triết học, như toán học, mình có một suy tư về triết học, về toán học thì Tịnh độ cũng vậy. Nhiều vị nói là

Tịnh độ không có, vì đức Phật không dạy ở trong Kinh A-hàm, ở trong kinh tạng Pāli. Nói như vậy, có nghĩa là các thầy đọc kinh một cách hời hợt, chiêm nghiệm lời Phật dạy một cách hời hợt. Còn nếu chúng ta đọc và chiêm nghiệm một cách sâu sắc, thì chính Tịnh độ mở ra ở trong kinh A-hàm, ở trong kinh tạng Pāli; nó được thiết lập trên kinh A-hàm, trên kinh tạng Pāli. Câu kinh mà tôi dẫn ra thì ai cũng biết: "Tâm dẫn đầu các pháp, tâm làm chủ, tâm tạo tác". Có phải là câu kinh này nằm ở trong văn hệ A-hàm, văn hệ Nikāya Pāli không? Không những nằm ở trong các kinh ấy mà còn là trụ não các kinh ấy. Như vậy, tâm tạo ra Tịnh độ và tâm tạo ra địa ngục; tâm này mà liên hệ phiền não tham, sân, si thì nó sẽ tạo ra địa ngục; tâm này liên hệ với Tịnh giới, liên hệ với đại nguyện, bản nguyện thì tạo ra Tịnh độ. Như vậy, tại sao nói là kinh điển Tịnh độ, cảnh giới Tịnh độ của Phật A-di-đà không thấy ở trong kinh tạng A-hàm và kinh tạng Pāli? Cho nên, văn kinh rồi, thì phải tư kinh; tư kinh rồi, thì phải thực hành theo lời dạy của kinh, mới gọi là tu kinh.

Văn, tư, tu là ba pháp hành căn bản, xuyên suốt mọi pháp

hành trong Phật giáo. Tại sao một số quý thầy đi học nước ngoài về, lại lớn tiếng nói là không có Tịnh độ Phật A-di-đà? Thế thì các thầy học cái gì từ Phật giáo, trong đó câu kinh rất căn bản: "Tâm dẫn đầu các pháp, tâm làm chủ, tâm tạo tác". Chính tâm tạo tịnh độ, chính tâm tạo ra uế độ. Trong kinh Duy-ma-cật nói: "Tâm tịnh thế giới tịnh", và khi mình đi vào ở chùa, bài kệ đầu tiên mình tụng trong mỗi buổi chiều là "Nhược nhân dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật, ưng quán pháp giới tánh, nhất thế duy tâm tạo".

"Nhược nhân dục liễu tri tam thế nhất thiết Phật = Nếu người nào muốn biết các đức Phật ba đời". "Ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo = Hãy quán chiếu tính chất vũ trụ, hết thảy đều được tác động bởi tâm".

"Nhất thiết duy tâm tạo = tất cả đều được tác động bởi tâm". Như vậy, tâm ta tịnh thì sao không có Tịnh độ? Vì do tâm ta bất tịnh, bất tín, nên Tịnh độ không hiện tiền với chúng ta; tha phương Tịnh độ cũng không có với chúng ta; còn nếu tâm ta thanh tịnh, tâm ta thành tín, thì Tịnh độ nhất định hiện tiền với chúng ta và tha phương Tịnh độ là thế giới Tịnh độ tương thích của tâm thanh tịnh và thuần

tín này. Tâm ta phiền não, tâm ta uế trước thì thế giới uế trước nó hiện tiền và những cảnh giới uế trước nó tương thích với tâm ấy của chúng ta.

Cho nên, tôi tin Tịnh độ, bởi vì tôi có sự chiêm nghiệm, mà sự suy nghiệm này từ đâu đến, từ nơi pháp học, pháp hành "văn, tư, tu" mà đến. Văn là lắng nghe, lắng nghe Pháp được đức Phật trình bày trong mười hai thể loại kinh điển, hay là năm thời thuyết giáo của đức Phật, như lời phán giáo của ngài Thiên-thai Trí-giả, gồm: Hoa-nghiêm, A-hàm, Phương-đăng, Bát-nhã, Pháp-hoa và Niết-bàn. Khi chúng ta nghe kinh điển đó thì chúng ta lắng nghe bằng tâm thành, bằng tâm thanh tịnh, nghe rất sâu và từ đó tuệ giác nghe kinh được sinh ra trong đời sống chúng ta. Tuệ sinh ra từ sự lắng nghe, gọi là Văn tuệ. Nghe rồi, chúng ta chiêm nghiệm thật sâu lời Phật dạy chuyên tải ở trong các thể loại kinh điển, các thời thuyết giáo của Phật, từ đó mà tuệ sinh ra, cho nên gọi là Tư tuệ. Sau khi nghe rồi, sàng lọc, chiêm nghiệm, thấy pháp này phù hợp trong nhân duyên điều kiện của mình, thì mình ứng dụng vào trong đời sống. Khi mình ứng dụng vào trong đời sống của mình, cảm thấy an lạc và càng thực hành càng thấy

vui, tâm mình mở ra, càng tu tầm nhìn của mình càng mở lớn ra và càng tu, mình càng có an lạc và hạnh phúc, từ đó mà mình tinh tấn tu tập mỗi ngày. Tuệ sinh ra là do sự thực hành giáo pháp đức Phật, nên gọi là Tu tuệ.

Cũng từ suy nghiệm và chiêm nghiệm này, khiến ta biết rằng, đã có cõi uế độ thì sao lại không có cõi Tịnh độ, có cõi này thì có cõi kia, chứ sao lại không có. Đã có thầy Trụ trì thì phải có chúng đệ tử, có chúng đệ tử thì phải có thầy Trụ trì. Bởi vì, có cái này thì có cái kia, có cái kia thì phải có cái này, trong pháp tương quan duyên khởi, gọi là y tha duyên khởi. Cho nên, đã có uế độ sao mà không có Tịnh độ, đã có phương Đông sao lại không có phương Tây, đã có phương Bắc sao lại không có phương Nam, bởi vì các pháp duyên với nhau mà khởi hiện.

Qua phương pháp chiêm nghiệm và suy nghiệm như vậy, cho nên ta biết chắc rằng, có Tịnh độ Phật A-di-đà và điều đó, ngày nay khoa học đã chứng minh cho chúng ta biết rằng, ngoài hệ thống thiên hà này, còn có vô số hệ thống thiên hà khác. Những gì mà đức Phật Thích-ca nói trong các kinh điển, liên hệ về Tịnh độ của chư Phật nói chung

và liên hệ đến Tịnh độ của Phật A-di-đà nói riêng, thì bây giờ đây, xã hội hiện đại khoa học này đang từ từ chứng minh những gì mà đức Phật đã nói về thế giới Tịnh độ của chư Phật.

Ví dụ, đức Phật Thích-ca đã từng dạy cho chúng ta về bốn mươi tám đại nguyện của đức Phật A-di-đà, trong đó nguyện thứ sáu: "Khi tôi thành Phật thì chư thiên và nhân loại nơi thế giới tôi đều có thiên nhãn thông, nếu không phải vậy, thì tôi nguyện không thành bậc Chánh giác". Thiên nhãn thông là ngồi một chỗ mà thấy cùng khắp mọi thế giới.

Bây giờ, mình ngồi một chỗ mà thấy mọi hình ảnh, qua các vệ tinh truyền hình và phát ra âm thanh, nghe khắp cả thế giới và thế giới đều nghe mình nói. Điều ấy, có phải là thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông không, "thiên nhãn phổ kiến, thiên nhĩ phổ văn" không? Những gì tôi đang nói với quý vị ở chùa Vạn-đức, Thủ-đức đây, mà hiện tại quý vị đang ngồi cách đây 300 cây số ở chùa Vạn-linh, ở Châu-đốc cũng đang nghe, quý vị ở Mỹ cũng đang nghe và cả toàn cầu đang nghe, điều ấy có phải là thiên nhĩ phổ văn

không? Và quý vị ở các nơi đang trông thấy hình ảnh của tôi đang nói, có phải là thiên nhãn phổ kiến không?

Tất cả những văn minh ấy, chỉ là một phần nhỏ nhỏ của nền văn minh Tịnh độ. Nhưng bởi vì trí thức mình bị giới hạn, cái hiểu biết bị đóng khung, nên mình nói không có Tịnh độ Phật A-di-đà. Nói không có, tức là mình tự giới thiệu trí thức kém cỏi của mình với văn minh khoa học hiện đại, chứ chưa nói rằng là quá kém cỏi với đức tin Tam bảo và giáo lý Phật giáo.

Cảnh giới Tịnh độ của Phật còn mô tả rằng: "Mình đi tới là cái cửa tự mở ra" thì bây giờ đây, người ta kết cấu gọi là cửa cảm ứng, nên mình đi tới nó tự mở, cho nên những gì mà đức Phật Thích-ca nói về thế giới Tịnh độ của chư Phật, được chư Tổ ghi chép, giữ gìn lại ở trong các kinh điển, thì bây giờ đây khoa học đang nghiên cứu và ứng dụng nó vào thế giới hiện thực này, chúng ta đang thừa hưởng tư tưởng Tịnh độ mà không biết.

4- Nghe từ các bậc Trí giả nội chứng

Thứ tư là nghe từ các bậc trí giả nội chứng.

Hỏi "Vì sao mà Thầy tin Tịnh độ?". Tôi chưa có khả năng suy nghiệm, cũng không có khả năng chứng kiến và tôi cũng chưa có khả năng thực nghiệm, nhưng mà tôi tin tưởng vào lời dạy của các bậc Trí giả nội chứng nói lại, tôi tin từ những bậc thầy của tôi. Vậy, thầy mình nói lời đó từ đâu? Là từ lời của Thầy tổ. Thầy tổ của chúng ta nói gì không phải các Ngài nói suông mà các Ngài đều nói ở nơi sự chứng nghiệm của tự thân. Nên, tôi tin có Tịnh độ là từ các bậc Trí giả nội chứng, trước mắt là Thầy tổ của tôi. Thầy tôi tin vào các vị Tổ sư trước đó nói lại qua kinh điển, qua các luận bản. Chúng ta không tin bản kinh Bi-hoa do ngài Đàm-vô-sám dịch hay sao? Ngài Đàm-vô-sám đâu phải người Trung-hoa. Có nhiều vị nói là Tịnh độ do các Tổ sư Trung-hoa đưa ra, nói như vậy là nói quá nguy hiểm. Quá nguy hiểm! Vì ngài Đàm-vô-sám đâu phải người Trung-hoa, Ngài người Ấn-độ mà. Cho nên, bản kinh Bi-hoa có nói về Tịnh độ của Phật A-di-đà, nói về sự quan hệ giữa đức Phật A-di-đà và ngài Bổn sư của chúng ta, đồng thời nhấn mạnh tâm đại bi của hai Ngài trong sự thực hành gọi là "Nhiều ích hữu tình giới" làm lợi ích chúng sanh. Bây giờ mình không tin các Ngài, không tin

kinh thì tin ai? Tin thầy A, thầy B, thầy C à? Tin những học giả và học thuyết thế gian à? Chúng ta không tin kinh Vô lượng thọ của ngài Khương-tăng-khải dịch sao? Chúng ta không tin vào bản kinh A-di-đà của ngài Cưu-ma-la-thập dịch? Chúng ta không tin vào bản kinh Xung tán Tịnh độ nhiếp thọ của ngài Huyền-tráng dịch? Mình không tin các Ngài, thì tin ai bây giờ? Lịch sử nhân loại nhìn các Ngài là những con người vĩ đại trong mặt dịch thuật, học thuật, trong mặt trí thức, lịch sử nhân loại chưa hề phủ nhận công trình trí tuệ của các Ngài đóng góp cho nhân loại. Vậy, hỏi chúng ta là ai mà dám phủ nhận các công trình dịch thuật và học thuật ấy.

Chúng ta không tin vào ngài Long-thọ, chúng ta không tin vào ngài Thế-thân thì tin ai? Ngài Long-thọ trong Thập trụ Tỳ-bà-sa đã nói đến pháp nan hành và dị hành. Ngài ca ngợi pháp môn Tịnh độ là pháp dị hành và tu tập Thánh đạo là pháp nan hành. Tu tập Tịnh độ là pháp dị hành, pháp môn dễ thực tập, bởi vì có sự đa trì lực từ bản nguyện. Cỡ như ngài Long-thọ mà còn tin tưởng Tịnh độ, cỡ như ngài Long-thọ còn ca ngợi Tịnh độ, thì hỏi mình trí

thức ngang đầu, trí thức chẳng ăn nhập vào đầu so với các Ngài, mà dám hỗn láo. Ngài Thế-thân viết Vãng sanh luận hay Vô-lượng-thọ kinh Ưu-bà-đề-xá, cuối cùng ngài Thế-thân phát nguyện sanh Tây phương, ngài Long-thọ cũng cầu nguyện được sanh Tây phương và lớn hơn nữa, là Bồ tát Văn-thù, Bồ tát Phổ-hiền đều nguyện sanh Tây phương. Trong Văn-thù sở vấn kinh và kinh Hoa-nghiêm, các ngài Văn-thù cũng như Phổ-hiền đều nguyện sanh Tây phương. Đó là tôi nói về các bậc đại trí tuệ ở Ấn-độ, chứ chưa nói đến Trung-hoa, chưa nói đến Việt-nam, chưa nói đến Nhật-bản, chưa nói đến Hàn-quốc, Mông-cổ, Tây-tạng...

Vì vậy, ta phải tin tưởng vào Tịnh độ tuyệt đối từ nơi nghe các bậc Trí giả nội chứng. Các Ngài không phải nói bằng lời mà nói bằng văn bản, nói bằng luận cứ, bằng sự chứng nghiệm... Như vậy, mình có cơ sở để tin giáo lý Tịnh độ chưa? Phải nắm cho vững giáo lý và lịch sử Tịnh độ, nếu không mình sẽ bị một số người lợi dụng sự hiểu biết hời hợt đánh phá Tịnh độ làm cho niềm tin của mình bị chao đảo.

Kinh Tứ thập nhị chương dạy: "Nghịch phong dương trần, trần bất chí bỉ, hoàn bộn kỹ thân. Ngưỡng diện thóa thiên,

thỏa bất chí thiên hoàn cần kì họa" = "Đi ngược gió mà giê bụi, bụi không đến người ta, mà ngược trở lại dính lắm lem mình; nhỏ nước miếng lên trời, nước miếng không thấu trời mà rơi lại nơi mặt mình". Cho nên, không một ai tà tâm, ác tâm mà có thể đánh giá được Phật giáo nói chung và giáo lý hạnh quả Tịnh độ nói riêng. Phật giáo là kết tinh từ tuệ giác của chư Phật và được truyền thừa kết tinh từ những tinh hoa chứng nghiệm của chư vị Tổ sư Đông, Tây kim cổ.

Khi mình tu học đối với Tịnh độ là cảnh giới mà mình hằng ước nguyện được sanh về đó, thì mình cũng phải có những cách trả lời như vậy đối với Tịnh độ.

Người tu tập Tịnh độ nguyện sanh về thế giới ấy, không phải để hưởng thụ, mà nguyện sanh về đó để tiếp tục nuôi lớn tâm Bồ đề, nuôi lớn nguyện và hạnh Bồ đề của mình. Nguyện sanh Tịnh độ để học mô thức Tịnh độ của Phật A-di-đà và từ đó vận dụng mô thức ấy vào đời sống của chính mình với nhiều hình thức khác nhau, với nhiều không gian khác nhau, để đem lại lợi ích cho muôn loài, mỗi khi mình có được cơ duyên.

Đức Phật A-di-đà khi hành Bồ tát đạo, Ngài cũng đã từng đi tham cứu hết cả mười phương Tịnh độ, mười phương chư Phật và có đến 500-600 đại nguyện, cùng nhiều đại nguyện của chư Phật, nhưng Ngài sàng lọc lại còn bốn mươi tám đại nguyện, để xây dựng quê hương Tịnh độ của chính mình, nhằm giúp chúng sanh trong mười phương vãng sanh Tịnh độ của Ngài, nuôi lớn tâm ấy và phát triển tâm ấy đến chỗ viên mãn.

III. Bản nguyện Tịnh độ

Quý Thầy, quý Cô biết là phàm phu thì hay nói dối nhau, vì quyền lợi mà nói dối nhau. Còn đức Phật đâu có quyền lợi gì đâu mà nói dối, Ngài luôn nói lời chân thật. Các vị Tổ sư có quyền lợi gì nơi cõi này đâu mà nói dối chúng sinh, các Ngài đều nói lời chân thật. Thầy tổ chúng ta đâu có vì lợi gì nơi những đấng học trò ngu dốt mà nói dối chúng. Cho nên, các Ngài đều nói lời chân thật. Chỉ có phàm phu là hay nói dối nhau thôi, nói dối vì danh lợi; chư Phật, chư Tổ của chúng ta đâu phải vì danh lợi để có mặt trong cuộc đời này đâu, các Ngài có mặt trong cuộc đời này là vì tâm đại bi, vì đại nguyện bồ đề, chứ không

phải vì bất cứ một thứ gì khác.

Do đó, Tịnh độ của chư Phật nói chung và của Phật A-di-đà nói riêng là được thiết đặt trên nền tảng Bản nguyện. Cõi Tịnh độ an lạc, hạnh phúc là vì được thiết lập trên nền tảng bản nguyện, còn thế giới của chúng ta không có hạnh phúc là vì chúng ta đến đây vì nghiệp lực và bị nghiệp lực ràng buộc.

Chúng ta đi tu mà có được hạnh phúc là vì chúng ta có bản nguyện. Chúng ta tụng kinh, ngồi thiền, niệm Phật, ăn chay, làm các công việc của Tam bảo... mà có hạnh phúc là vì do chúng ta tự nguyện và tất cả đều từ nơi bản nguyện Bồ tát đạo của chúng ta. Chúng ta quét nhà cũng thấy hạnh phúc, tụng kinh cũng hạnh phúc, ngồi thiền cũng hạnh phúc, trì chú cũng hạnh phúc..., làm bất cứ thứ gì đi từ nơi bản nguyện là chúng ta có hạnh phúc, có hạnh phúc ngay trong hành động của chính mình. Nên, Tịnh độ của chư Phật hay là Tịnh độ của Phật A-di-đà, các bậc Thiện nhân, Chư thiên, Thanh văn, Duyên giác cho đến Bồ tát Nhứt sanh bất tử, đều là tự nguyện và phát nguyện vãng sanh Tịnh độ của chư Phật.

Từ bản nguyện và đại nguyện Tịnh độ của chư Phật, Bồ tát và các bậc Thánh giả nguyện sanh, kết tinh lại thành một khối cực lạc, khối an lạc, an lạc cùng cực, nhìn đâu cũng thấy an lạc, không ở đâu không lúc nào là không an lạc, nên gọi là cực lạc. Mở mắt ra là lạc, nhắm mắt lại cũng lạc, mọi hành hoạt của các Ngài đều ở trong an lạc. An lạc đó là từ nơi đại nguyện, nơi bản nguyện mà hiện khởi, vì vậy gọi là cực lạc do đi từ nơi bản nguyện, từ nơi đại nguyện.

Vì vậy chúng ta tu mà không có bản nguyện, không có đại nguyện thì chúng ta tu rất mệt và vất vả lắm. Tu tập mà không thiết lập bản nguyện và đại nguyện, thì mọi hành hoạt của chúng ta chỉ là đối phó. Tu mà đối phó là khổ não rồi; tụng kinh mà bị đi tụng kinh là khổ rồi, chứ không thể nói tụng kinh là sướng; ngồi thiền mà bị đi ngồi thiền là khổ rồi, làm việc chùa mà bị làm việc chùa là khổ rồi, bị thầy Trụ trì sai làm việc chùa là khổ rồi, bị Tri sự sai đi làm việc chùa là khổ rồi.

Làm việc chùa, vì mình thấy cái đó cần phải làm, làm có lợi ích thì mình lập nguyện mà làm. Tụng kinh hạnh phúc là vì

tụng kinh trong hạnh nguyện; quét chùa hạnh phúc, ngồi thiền hạnh phúc, đi khất thực,... đều thiết lập trên bản nguyện và đại nguyện thì không có gì mà không hạnh phúc.

Thế giới Tịnh độ là thế giới được thiết lập trên nền tảng của bản nguyện và đại nguyện, đó là lý do tại sao gọi thế giới Tịnh độ là thế giới an lạc hay cực lạc.

Nền tảng Tịnh độ được thiết lập từ nơi tâm ý. Giới là hàng rào phòng hộ tâm ý, khiến cho điều ác không xảy ra nơi tâm ý và điều xấu cũng không xâm nhập vào tâm ý. Thế giới Tịnh độ được thiết lập trên nền tảng tâm ý thanh tịnh, nên gọi là tự tịnh kỳ ý.

Trong kinh Duy-ma-cật khi nói về thế giới Hương-tích thì ngài Xá-lợi-phất liền nghĩ: "Thế giới Hương-tích sao nó đẹp và thanh tịnh như vậy? Thế thì đức Thế tôn của chúng ta tâm ý như thế nào mà thế giới của Ngài uế độ như thế này?". Đức Phật liền biết ý niệm ấy của Tôn giả Xá-lợi-phất, nên Ngài liền gọi Tôn giả mà bảo: "Này ông Xá-lợi-phất! Thế giới của Như-lai thanh tịnh, nhưng mà thấy bất tịnh là do tâm ý của chúng sanh bất tịnh, chứ

không phải thế giới của Như-lai bất tịnh. Thế giới Như-lai thanh tịnh, nhưng bất tịnh là vì do tâm chúng sanh bất tịnh nhìn thế giới Như-lai, nên không phát hiện ra sự thanh tịnh, chứ thế giới của Như-lai là thanh tịnh". Nói xong, Ngài liền ấn ngón chân cái xuống đất, cảnh giới Tịnh độ của Phật Thích-ca liền hiện ra rất thanh tịnh và tất cả hội chúng đang ngồi ở đó, ai cũng thấy mình ngồi trên tòa sen thanh tịnh và trang nghiêm. Sau đó, đức Phật dùng thần lực đưa chúng sanh trở lại với tâm ý của họ và chúng sanh liền thấy cõi này là uest độ.

Như vậy, chúng ta muốn về Tịnh độ là phải về bằng tự tâm thanh tịnh và có sự da trì lực của chư Phật, còn nếu chỉ có tự thân thì chúng ta không có đủ năng lực để về. Cho nên nói đến Tịnh độ là nói đến có sự da trì lực của chư Phật, của các vị Bồ tát. Còn nếu tự lực, chí phàm phu khó thành:

"Chí phàm phu tự lực khó thành

Cầu Đại giác từ bi da hộ.

Dầu phải chịu muôn ngàn gian khổ

Con dốc lòng vì đạo hy sinh.

Nương từ quang tìm đến bảo thành...".

Cho nên, khi mình ngủ thì phải nhờ ai đánh thức cho mình, phải nhờ chuông báo thức hoặc nhờ thầy tuàn chúng đi đánh thức mình, nhờ những bạn đồng tu ít ngủ đánh thức cho mình, gọi mình dậy để mình đi tụng thời công phu khuya. Tất cả chúng ta tu tập đều phải có da trì lực. Nhưng mà da trì lực rồi, mình không có tự lực thì cũng không được. Nên, tự lực và tha lực luôn luôn hỗ trợ nhau và chúng đều có mặt trong nhau, tạo nên chất xúc tác vãng sanh Tịnh độ.

IV. Tín Căn Và Tín Lực

Quý Thầy, quý Cô đã học Duy thức rồi, Tín là một trong 11 Thiện tâm sở (tín, tà, quý, vô tham, vô sân, vô si, cần, khinh an, bất phóng dật, hành xả, bất hại). Nên, Tín là căn bản của thiện pháp, vốn có nơi tâm chúng ta. Tịnh độ được thiết lập từ nơi Tín căn này. Có trí cũng chưa hẳn đã nhận được cảnh giới Tịnh độ, mà Tín có khả năng nhập vào cảnh giới Tịnh độ. Người mà có niềm tin Tịnh

độ, họ dễ đi về Tịnh độ hơn là người luận giải về Tịnh độ. Bởi vì luận giải là luận giải theo thức và trí, trong lúc đó người tin Tịnh độ và họ tha thiết về Tịnh độ, họ có năng lực của Tịnh độ hiện tiền, dễ có sự da trì lực để nhập vào cảnh giới Tịnh độ của chư Phật. Cho nên, Tín đi vào được mà Trí chưa hẳn đi vào được.

Trong kinh Viên giác nói "Vị xuất luân hồi nhi biện viên giác, bị viên giác tính tức đồng lưu chuyển". Nghĩa là chưa ra khỏi luân hồi mà luận bàn viên giác tính, thì cái tính viên giác kia cũng đồng lưu chuyển trong sanh tử mà thôi. Tức là mình chưa thoát ra khỏi sanh tử mà bàn đến Tịnh độ thì Tịnh độ đó là Tịnh độ của người còn nằm trong uế độ sanh tử, dù bàn luận cỡ mấy đi chăng nữa, thì cũng chỉ là cái luận bàn trong ngôn ngữ của con người ở trong sanh tử uế độ. Ta đem cái trí thức ở trong uế độ mà bàn Tịnh độ, thì tịnh độ ấy là Tịnh độ của kẻ uế độ. Tuy nhiên, người có niềm tin tuyệt đối với Tịnh độ và có sự da trì lực của chư Phật, Bồ tát thì họ có thể đi tới được với Tịnh độ của chư Phật.

Đối với Tịnh độ của chư Phật, những người có niềm tin

tuyệt đối, họ có thể chứng nhập được cảnh giới Tịnh độ. Chứng nhập bằng cách nhất tâm trì niệm danh hiệu của đức Phật A-di-đà.

Trong lúc lâm chung, ta niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà từ một niệm cho đến mười niệm với tâm thuần nhất bất loạn, thì tức khắc kết thúc sinh mệnh liền sanh về cõi Tịnh độ. Nhưng, muôn niệm được mười niệm danh hiệu Phật A-di-đà trong giờ phút lâm chung với tâm bất loạn, thì ta phải niệm cho đến vô lượng danh hiệu Phật A-di-đà, thì may ra đến giờ phút đó, ta mới có được mười niệm hiện tiền với tâm bất loạn. Chứ để đến khi lâm chung mà niệm, thì ngay một niệm còn không thể được, nói gì đến mười niệm.

Trong đời sống vợ chồng gắn bó với nhau, thế mà khi sắp lâm chung, bà vợ hỏi ông chồng "Anh có nhớ em không, biết em là ai không?", người chồng không biết hay biết một cách mơ màng. Vợ chồng sống với nhau cả đời mà đến giờ phút đó, hỏi còn không biết, huống gì biết Phật, biết Tịnh độ của Phật.

Cho nên, để có được mười niệm trong giây phút lâm chung, hành giả Tịnh độ phải trải qua thời gian lâu xa hành trì miên mật, đến giờ phút đó, mới có được mười niệm danh hiệu Phật A-di-đà thuần nhất thanh tịnh, tạo thành nhân hạnh vãng sanh.

Bởi vì trong kinh đức Phật dạy, sự khổ đau do năm uẩn tương tác phân rã là đau đớn khủng khiếp. Các đại chủng rấn, lỏng, nhiệt và khí của cơ thể xung đột và bức hại lẫn nhau, thì sự thống khổ ở giờ phút ấy cực kỳ mãnh liệt, không có sự khổ đau nào mãnh liệt hơn sự khổ đau xảy ra trong lúc này.

Khi bị sắc uẩn phân rã, các đại chủng xung đột bức hại nhau, khiến thủy đại tăng thanh, bấy giờ người sắp chết có cảm giác như là mình đang bị chìm xuống đáy đại dương, tâm sinh sợ hãi, hoảng loạn. Khi địa đại tăng thanh, người sắp chết có cảm giác bị núi Thái sơn, núi Tu-di sụp đổ và đè nặng không tưởng tượng được. Khi hỏa đại tăng thanh, người sắp lâm chung có cảm giác như bị trăm ngàn ngọn lửa, trăm ngàn mặt trời chiếu rọi vào mình, chúng nóng khủng khiếp. Khi mà phong đại tăng

thanh, người sắp lâm chung cảm thấy mình mất trọng lực, bị lơ lửng giữa không trung, mất cảm giác, mất trọng lực, tâm thần hoảng loạn. Người sắp lâm chung sống trong trạng thái tâm thần khổ đau hoảng loạn như vậy, thì có đâu nhớ Phật mà niệm.

V. Khuyến tấn

Chúng ta niệm Phật là phải niệm miên mật ngay từ khi biết Phật, ngay từ khi biết pháp môn Tịnh độ. Hành trì miên mật, chứ đến lúc các đại chúng phân ly, chúng tạo ra khổ thống vô lượng. Mỗi tế bào là một ngọn lửa hay mỗi tế bào là một ngọn gió hay mỗi tế bào là ngọn núi lớn, mỗi tế bào là mỗi đại dương chảy xiết, lúc ấy ta không đủ lực để khởi lên một niệm đối với Phật, mà tất cả niệm đều thuộc về vô minh.

Vì vậy, chúng ta phải hạ thủ công phu, ngay từ khi chúng ta biết Phật pháp. "Mạc đãi lão lai phương học đạo, cô phần đa thị thiếu niên nhân". Chớ hẹn tuổi già mới học đạo, mờ hoang lắm kẻ tuổi xuân xanh.

Chúng ta cũng đừng cho rằng, chúng ta đang như thế này là đang học đạo, đây thực ra mình chỉ cạo đầu, mặc áo, nhưng chưa chắc mình đã học được đạo, chưa chắc mình đã thấy được đạo, chưa chắc mình đã nhận ra được đạo và chưa phải đã gia nhập được vào trong dòng dõi của Phật pháp, dòng dõi của Chánh pháp.

Cho nên, mình phải hành trì ngay từ khi mình biết Phật pháp. Có nhiều người đến khi gần chết, buộc phải tắt đèn hết, chỉ cần có một ngọn đèn nổi lên là la lên "tắt đi, tắt đi", bởi vì một ngọn đèn nhỏ thôi mà khi hỏa đại bốc lên là họ thấy như hàng vạn mặt trời đang chia vào họ. Nói như vậy, để quý thầy thấy những gì đức Phật chia sẻ và dạy dỗ chúng ta là Ngài nói hết rồi, chư Tổ của mình đã ghi chép lại cho mình hết rồi, chỉ là do tâm mình giải đãi, chưa ý thức được vô thường biến đổi trong từng sát-na, chưa hiểu được bản nguyện xuất gia của chúng ta, nên khiến chúng ta tự khoan thứ những biếng nhác, trễ nãi trong sự tu tập.

Học chúng Chánh-tâm kính phiên tả

CÁC TÁC PHẨM CỦA TÁC GIẢ ĐÃ XUẤT BẢN

- 1/ Tay Buông Ráng Hồng - NXB Thời Đại - 2011
- 2/ Thanh Thoi Mọi Nẻo Đường Về - NXB Hồng Đức - 2012
- 3/ Nhân Duyên Học - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2013
- 4/ Miến Điện Mặt Trời Lên - NXB Phương Đông - 2013
- 5/ Đi Vào Bản Nguyện Tĩnh Độ - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2013
- 6/ Kinh Kim Cang Tam Muội - NXB Hồng Đức - 2013
- 7/ Trường Ca Cho Em (Thơ) - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2014
- 8/ Tiếng Vọng Hải Triều - NXB Hồng Đức - 2014
- 9/ Như Dấu Chim Bay - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2014
- 10/ Phật Học Ứng Dụng - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2014
- 11/ Giác Mơ Tây Tạng - NXB Phương Đông - 2014

12/ Nguồn Sáng Vô Tận - NXB Hồng Đức - 2014

13/ Sương Động Ven Trời (Thơ) - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2015

14/ Yếu Chỉ Tu Tập Và Hành Đạo - NXB Phương Đông - 2015

15/ Trong Con Mắt Thiên Quán - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2015

16/ Trong Con Mắt Thiên Quán - NXB Hồng Đức - 2015
(tái bản).

17/ Khung Trời Vàng - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2015

18/ Kim Cang Bát Nhã - Giới Thiệu - Dịch - Chú Giải -
NXB Hồng Đức - 2016

19/ Kim Cang Bát Nhã Trong Dòng Lịch Sử - NXB Hồng
Đức - 2016

20/ Lời Ru Chạm Mặt Trời - NXB Hồng Đức - 2016

21/ Gió Đùa Reo Nắng Mới - NXB Hồng Đức - 2016

22/ Joyful Wind In New Sunlight - NXB Hồng Đức - 2016

23/ Lời Pháp Tinh Lòng Mê - NXB Hồng Đức - 2016

24/ Tình Như Cánh Hạc - NXB Hồng Đức - 2017

25/ Đường Mây (Thơ) - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2017

26/ Niềm Tin Bất Hoại Đối Với Đức Phật - NXB Hồng Đức - 2017

27/ Niềm Tin Bất Hoại Đối với Chánh Pháp - NXB Hồng Đức - 2017

28/ Niềm Tin Bất Hoại Đối Với Tăng - NXB Hồng Đức - 2017

29/ Niềm Tin Bất Hoại Đối Với Thánh Giới - NXB Hồng Đức - 2017

30/ A-Hàm Tuyển Chú (Giới thiệu - Dịch - Chú giải) NXB Hồng Đức - 2017

31/ Ứng Dụng Tứ Tất Đàn - NXB Hồng Đức - 2017

32/ Tay Buông Ráng Hồng - Tiếng Anh (Letting Go)-
NXB Hồng Đức - 2017

33/ Nói Với Cõi Người Ta - NXB Hồng Đức - 2017

34/ Pháp Hoa Tinh Yếu - NXB Hồng Đức - 2017

35/ Phổ Môn Chú Giảng- NXB Hồng Đức - 2018

36/ Hương Giữa Gió Ngàn - NXB Hồng Đức - 2018

37/ Mở Lớn Con Đường - NXB Hồng Đức - 2018

38/ Giọt Nắng Ngàn Khơi - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2018

39/ Mây Trắng Hời Đường Qua - NXB Hồng Đức - 2018

40/ Tình Phơi Trên Đá Trắng - NXB Hồng Đức - 2018

41/ Đôi Mắt Tình Xanh Biếc - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2018

42/ Tư Tưởng Duy Ma Cật Từ Một Góc Nhìn - NXB
Hồng Đức - 2018

43/ Thanh Thoi Giữa Đôi Dòng - NXB Hồng Đức - 2018

44/ Hương Đi Của Chúng Ta - NXB Hồng Đức - 2019

45/ Mây Gió Thong Dong - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2019

46/ Bát Nhã Tâm Kinh Chú Giải - NXB Hồng Đức - 2019

47/ Hoa Nở Trong Vòng Tục Lụy - NXB Hồng Đức - 2019

48/ Xuân Và Thi Ca - NXB Hồng Đức - 2019

49/ Thi kệ Và Đại Nguyên Tịnh Độ - NXB Hồng Đức - 2019

50/ Chuyện Tâm Cám Trong Con Mắt Thiền - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2019

51/ Tư Tưởng Thắng Man Sư Tử Hống Từ Góc Nhìn Như Lai Tạng - NXB Hồng Đức - 2019.

52/ Niệm Phật Trong Thiền Quán - NXB Hồng Đức - 2020

53/ Con Đường Thực Nghiệm Tâm Linh - NXB Hồng Đức - 2020

54/ Lời Pháp Tiễn Đưa Người - NXB Hồng Đức - 2020

55/ Bước Chân Trên Mọi Nẻo Đường (Thơ) - NXB. Tổng Hợp TP HCM- 2021

56/ Phật thuyết A-di-đà Kinh - Giới Thiệu - Dịch - Chú Giải - NXB Hồng Đức - 2021

57/ Những Cánh Hoa Trên Đường - NXB Hồng Đức - 2021

58/ Chung Một Niềm Vui - NXB Hồng Đức - 2021

Vi tính: Nghiêm Minh

Chính tả: Quảng Huệ

Bìa: Bảo Nguyên - Bảo An

Công án: Nhuận Pháp Nguyên